

Bản án số: 41/2022/HSPT

Ngày: 14-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Văn

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Công Mười

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng và ông Võ Phong Lưu, Kiểm sát viên.

Từ ngày 10 đến 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 12/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo Trần Phương B và các bị cáo khác. Do có kháng cáo của bị cáo Trần Phương B và các bị cáo khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 470/2020/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 810/2021/QĐPT-HS ngày 20 tháng 12 năm 2021.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Phương B (Tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh ngày 24/6/1959 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký HKTT: 17A7 Nguyễn Thái Sơn, Phường 4, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: A1-A3 đường số 30, phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (*đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 12/12/2016*); nghề nghiệp: Nguyên Tổng giám đốc, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng tín dụng DAB; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trần Văn T (chết) và bà Bùi Thị N (chết); hoàn cảnh gia đình: có vợ và 03 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không có;

Nhân thân: Ngày 07/6/2019 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Trần Phương B 20 năm tù về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” và tù chung thân về tội “Lạm

dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là tù chung thân.

Bị bắt, tạm giam trong vụ án DAB giai đoạn 1 từ ngày 09/12/2016 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Phương B: Luật sư Phan Trung Hoài (có mặt) và luật sư Phan Minh Hoàng thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2. Nguyễn Đức T (tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh ngày 26/10/1968 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: số 88/1 Đào Duy Anh, Phường 9, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc DAB Sở giao dịch; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (*đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 27/4/2017*); con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị M (chết); hoàn cảnh gia đình: có vợ và 01 con năm 1997; tiền án, tiền sự: không có.

Nhân thân: Ngày 07/6/2019 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt Nguyễn Đức T 13 năm tù về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”.

Bị bắt, tạm giam trong vụ án DAB giai đoạn 1 từ ngày 21/4/2017 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T: Luật sư Lưu Văn Tám thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt)

3. Nguyễn Thị Ngọc V (tên gọi khác: không); giới tính: nữ; sinh ngày 16/10/1970 tại Quảng Ngãi; nơi đăng ký HKTT: 19F, đường số 30 Trần Nãi, phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Phó Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch Hội đồng tín dụng DAB; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (*đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 12/12/2016*); con ông Nguyễn Ngọc L (chết) và bà Phùng Thị T; hoàn cảnh gia đình: có chồng và 03 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không có.

Nhân thân: Ngày 07/6/2019 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt Nguyễn Thị Ngọc V 02 năm 9 ngày tù về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc V: Luật sư Nguyễn Thị Kim Anh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

4. Nguyễn Tăng Ngọc L (tên gọi khác: không); giới tính: nữ; sinh ngày: 03/02/1972 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: 38/1/30 Đô Đốc Long, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Phó Giám đốc DAB Chi nhánh Quận 10; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; đảng phái: không; con ông Nguyễn Tăng M (chết) và bà Đặng Thị H; hoàn cảnh gia đình: có chồng và 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tăng Ngọc L: Luật sư Nguyễn Thanh Long thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

5. Phạm Huy L (tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh ngày: 08/8/1972 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký HKTT: Số 402/2 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 129/23G Nguyễn Trãi, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc DAB Chi nhánh Quận 4; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (*đã đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 15/01/2020*); con ông Phạm Xuân U và bà Nguyễn Thị H; hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Huy L: Luật sư Vương Sơn Hà thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh (có mặt)

6. Vũ Đức D (tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh ngày: 25/6/1967 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký HKTT: Số 458 Phạm Thế Hiển, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 1C đường 4A khu dân cư Nam Long, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Phó giám đốc DAB Chi nhánh Quận 4; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (*đã đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 15/01/2020*); con ông Vũ Văn Đăng và bà Đoàn Thị Hương Lan; hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 con, sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Đức D: Luật sư Vũ Ngọc Anh thuộc Đoàn luật sư Tp Cần Thơ (có mặt)

7. Nguyễn Văn B (tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh ngày: 10/7/1971 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; thường trú: Số 029, Lô 2, Cư Xá Thanh Đa, Phường 27, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp DAB Chi nhánh Quận 4; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; đảng phái: không; con ông Nguyễn Văn P (chết) và bà Trần Thị Đ (chết); hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

8. Nguyễn Quang T (tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh ngày: 07/3/1979 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: Số 51C Nguyễn Tuyển, phường Bình Trưng Tây, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Phó Giám đốc DAB Chi nhánh Quận 9; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; đảng phái: không; con ông Nguyễn Tấn T (chết) và bà Nguyễn Thị H; hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B và Thọ: Luật sư Nguyễn Xuân Thi thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

9. Phạm Chiến Q (tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh ngày: 09/01/1979 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký HKTT: 48 Đại lộ 3, phường Phước Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Căn hộ 7B2 Chung cư Copac, số 12 Tôn Đản, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp Nguyên Phó phòng KHDN thuộc DAB Chi nhánh Quận 9; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; đảng phái: không; con ông Phạm Anh T và bà Diệp Thị T; hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Chiến Q: Luật sư Nguyễn Sỹ Long thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt)

10. Phùng Ngọc K (tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh ngày: 16/4/1963 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; thường trú: 159 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần M&C; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; đảng phái: không; con ông Phùng Văn L (chết) và bà Đào Thị L (chết); hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không có.

Bị bắt, tạm giam trong vụ án khác từ ngày 08/01/2019 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Phùng Ngọc K: Luật sư Vũ Kim Đồng thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- **Nguyên đơn dân sự và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á (DAB).

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chủ tịch hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Đức T, ông Nguyễn Thanh Thanh và ông Nguyễn Hoàng.

Cùng địa chỉ: 130 Phan Đăng Lưu, phường 3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng: Luật sư Nguyễn Văn Trung (có mặt); Luật sư Nguyễn Thế Hưng (có mặt); Luật sư Lê Tiến Mạnh (có mặt) - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Nguyễn Chí T, sinh ngày: 10/5/1981 nơi đăng ký HKTT: 61/5L (số mới 51/19/23) Phạm Văn Chiêu, Phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: B4-07-06 Chung cư Him Lam Chợ Lớn, số 491 Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Nguyễn Chí C, sinh ngày: 11/10/1979; thường trú: số 417/38 Lê Văn Thọ, Phường 9, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

3. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: số 4 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

4. Công ty TNHH MTV B.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Gia C - Chức vụ: Kiểm soát viên Tổng công ty Ba Son.

Cùng địa chỉ: 02 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Huỳnh Bá T; sinh năm 1975

Địa chỉ: 80/37 Đặng Văn Ngữ, Phường 10, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Đặng Minh Q; sinh năm 1962

Địa chỉ: 888/67/42A29 Lạc Long Quân, Phường 8, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Nguyễn Thị Thu T; sinh năm 1976

Địa chỉ: 80/37 Đặng Văn Ngữ, Phường 10, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Bá T, ông Huỳnh Bá L, bà Nguyễn Thị Thu T: Bà Phạm Thị My L (có mặt)

8. Bà Nguyễn Thị M - Chủ doanh nghiệp tư nhân vàng Kim Hiền; Địa chỉ: 521 Lý Thường Kiệt, phường 8, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Cư trú: 112/26 Tân Xuân, phường 8, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Huỳnh Bá T, bà Nguyễn Thị Thu T, Bà Nguyễn Thị M và ông Huỳnh Bá L: Luật sư Đỗ Hải Bình – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

9. Ông Trần Đức H, sinh năm: 1954; địa chỉ: số 94 Lê Thị Hồng Gấm, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: số 29 Thành Công, phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Đức H: Luật sư Nguyễn Hoàng Trung Hiếu (có mặt)

10. Ông Huỳnh Bá L; sinh năm 1972

Địa chỉ: 521A Lý Thường Kiệt, phường 8, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Công ty TNHH thép Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang K

Cùng địa chỉ: Km 3, khu công nghiệp Mỹ Xuân B1, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

12. Công ty TNHH tư vấn đầu tư T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn D

Cùng địa chỉ: 53 Phan Bá Phiến, Phường 12, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Bà Vũ Thị L; sinh năm 1952

Địa chỉ: số 519 Lý Thường Kiệt, Phường 8, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Vũ Thị L: Luật sư Giáp Văn Điệp – Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt)

14. Công ty cổ phần Phát triển Đô thị V;

Địa chỉ: Làng nhà mẫu Khu đô thị M, đường P, thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: 1/Bà Nguyễn Thị Ánh H.

Địa chỉ: Số 01 Thái Hà, Quận Đ, Thành phố Hà Nội

2/Bà Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: Văn phòng luật sư IDVN, Phòng 501, tầng 5, Toà nhà Việt Tower, số 01 Thái Hà, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Vĩnh Thái: Luật sư Nguyễn Quốc Khanh – Đoàn luật sư TP Hà Nội (có mặt)

15. Bà Nguyễn Thị C; (chết)

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị C: Ông Trần Đức H1, sinh năm 1955; ông Trần Đức H, sinh năm 1954 và bà Trần Thị Kim Yến, sinh năm 1958.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Trần Đức H và bà Trần Thị Kim Yến: Ông Trần Đức H1, sinh năm 1955

Cùng địa chỉ: số 29 đường Thành Công, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Đức H1: Luật sư Phạm Văn Vui – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

16. Ông Huỳnh Bá P (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Bá P:

16.1. Ông Huỳnh Bá T, sinh năm 2003.

16.2. Anh Huỳnh Bá Anh M, sinh năm 2009

Địa chỉ: 50 đường 28, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Huỳnh Bá T ủy quyền cho ông Trịnh Bá Thân (có mặt)

17. Công ty TNHH H

Địa chỉ: Số 01 Đặng Văn Sâm, phường 9, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Duy N (có mặt)

18. Công ty TNHH Xây dựng B

Địa chỉ: Số 19F đường số 30, khu phố 2, phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Duy N (có mặt)

19. Công ty TNHH XD và PT Đô thị T

Địa chỉ: Số 55 đường 2/4, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Duy N (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH XD và PT Đô thị T; Công ty TNHH H; Công ty TNHH Xây dựng B: Luật sư Lưu Văn Tám – Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á (viết tắt là DAB) được thành lập năm 1992 theo Quyết định số 55 ngày 27/3/1992 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đến ngày 08/4/1992 được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301442379. Hiện tại, DAB có vốn điều lệ 5.000 tỷ đồng, trong đó nhóm gia đình Trần Phương B chiếm 10,24%, nhóm Công ty cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận (viết tắt là PNJ) chiếm 7,7%; nhóm Công ty cổ phần xây dựng Bắc Nam 79 chiếm 12,73%; Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh chiếm 12,79%. Người đại diện pháp luật là Trần Phương B giữ chức vụ Tổng giám đốc từ ngày 25/3/1998 đến ngày 20/8/2015, đồng thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng tín dụng DAB từ ngày 19/01/2006 đến ngày 20/8/2015.

Ngày 23/7/2015, Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng Nhà nước có Kết luận thanh tra số 20/KLTT-CụcII.2.m kết luận một số sai phạm xảy ra tại DAB như sau: Tổng dư nợ là 20.233 tỷ đồng, trong đó 123 khách hàng dư nợ 19.644 tỷ đồng, tập trung chủ yếu vào 09 nhóm khách hàng và cá nhân liên quan với tổng dư nợ là 19.414 tỷ đồng; trong số này có 7.960 tỷ đồng là nợ khó thu hồi và hơn 5.600 tỷ đồng là nợ không có khả năng thu hồi. Ngày 13/8/2015, Ngân hàng Nhà nước có Quyết định số 69 kiểm soát đặc biệt DAB. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt Ngân hàng Nhà nước tại Công văn số 63 ngày 21/8/2015, trong các ngày 21 và 22/8/2015, DAB đã tiến hành kiểm tra kho quỹ trên toàn hệ thống, kết quả kiểm tra xác định: Kho quỹ Hội sở DAB thiếu hụt 2.089,09 tỷ đồng và 62.154,8 lượng vàng; kho quỹ DAB Sở giao dịch thiếu hụt 416,7 tỷ đồng.

Ngày 20/8/2015, Cục Thanh tra Giám sát Ngân hàng Nhà nước có Văn bản số 271/KLTT-CụcII.2.m, ngày 07/9/2015 Ban kiểm soát đặc biệt DAB có Văn bản số 01. BKSĐB-DAB.tym và ngày 17/5/2016 Ngân hàng TMCP Đông Á có văn bản số 57/DAB-HĐQT đề nghị chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự theo Kết luận thanh tra số 20/KLTT-CụcII.2.m ngày 23/7/2015 của Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng Nhà nước đến Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Công an Thành phố Hồ Chí Minh chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an để tiến hành điều tra theo thẩm quyền. Sau khi tiếp nhận hồ sơ từ Công an Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09/12/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố các bị can để điều tra.

Giai đoạn I vụ án (Bản án sơ thẩm hình sự số 498/2018/HS-ST ngày 20/12/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án phúc thẩm hình sự số 310/2019/HS-PT ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh) đã xét xử Trần Phương B và đồng phạm về các tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” và “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, quy định tại các Điều 165, 280, 285 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Giai đoạn II vụ án điều tra làm rõ sai phạm của Trần Phương B và đồng phạm liên quan đến các khoản vay thuộc 05 Nhóm khách hàng (gồm: Hiệp Phú Gia, Đồng Tiến, M&C, Tân Vạn Hưng và Lê Anh Tuấn - Nguyễn Thị Ngo) và việc Trần Phương B chuyển 500.000 USD cho Nguyễn Thiện N để chi phí thuê tư vấn tìm đối tác mua hoặc đầu tư vào DAB; tạm dừng xác bà Nguyễn Thị M thu tài liệu liên quan đến các khoản vay của 03 Nhóm khách hàng (gồm: Đặng Phước Dừa, Phát Đạt và 586), do Nhóm khách hàng Đặng Phước Dừa và Nhóm khách hàng Phát Đạt đang trả nợ đúng hạn theo phương án đã được DAB và Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.

Quá trình điều tra xác định trong khoảng thời gian từ năm 2007 đến 2013, với vai trò là Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng tín dụng DAB, Trần Phương B đã chỉ đạo nhân viên dưới quyền cùng nhiều đối tượng liên quan khác thực hiện các hành vi sai phạm gây thiệt hại cho DAB số tiền 8.827.549.141.076 đồng, trong đó hành vi vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng, cho 04 nhóm khách hàng gồm TTC, Đồng Tiến, M&C, Tân Vạn Hưng vay tiền gây thiệt số tiền 8.751.915.741.076 đồng; hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt số tiền 75.633.400.000 đồng. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến thực trạng Ngân hàng Đông Á tại thời điểm ngày 31/12/2015 lỗ lũy kế 31.076 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu âm 25.451 tỷ đồng và tổng tài sản thực chỉ còn 47.011 tỷ đồng. Hành vi cụ thể của các bị cáo như sau:

A – Hành vi vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng.

I. Hành vi liên quan đến Nhóm công ty cổ phần vốn Thái Thịnh (Nhóm TTC)

Nhóm công ty cổ phần vốn Thái Thịnh (TTC) do Nguyễn Thiện N chỉ đạo và điều hành, trong đó có 11 tổ chức và 16 cá nhân gồm: Công ty cổ phần vốn Thái Thịnh (TTC), Công ty Nhật Quang, Công ty cổ phần vốn Thái Thịnh Đà Lạt (TTC Đà Lạt), Công ty Lê Minh, công ty Vĩnh Đức, công ty Lâm Viên, công ty Tài Lộc, Công ty Cao Đạt, công ty Quang Minh, công ty Bắc Bình, công ty Thiên Lộc và các cá nhân Nguyễn Thiện N, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị Minh C, Tô Thị Ngọc T, Đoàn Thị Minh V, Trần Anh Thạch T, Nguyễn Ngọc Thùy T, Nguyễn Thị Minh D, Nguyễn Đắc H, Hoàng Kim Đ, Phan Minh T, Trần Thanh V, Nguyễn Thị Thiên L và Nguyễn Phan V.

Công ty cổ phần vốn Thái Thịnh (TTC) được thành lập ngày 10/02/2004 gồm các cổ đông: Nguyễn Thiện N góp 510 tỷ đồng (tương ứng 70,04%); Nguyễn Thanh T góp 28,8 tỷ đồng (tương ứng 3,98%); Nguyễn Bình A góp 15 tỷ đồng (tương ứng 2,07%) và các cổ đông khác góp 173 tỷ đồng (tương ứng 24%). Đến trước ngày 07/02/2013, người đại diện pháp luật là Nguyễn Thiện N - Chủ tịch HĐQT.

Ngày 08/12/2007, Nguyễn Thiện N ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16.07/HĐHT/TTC-VNL-VIHL với Vietnam Infrastructure Holding Limited và Vinaland Espero Limited (sau đây gọi tắt là Quỹ đầu tư Vinacapital) để nhận 100.000.000 USD đầu tư cổ phần, vốn góp tại 11 Công ty mục tiêu (gồm: Công ty TNHH Đầu tư Cao Đạt, công ty TNHH Lê Minh MC, Công ty cổ phần đầu tư Xây dựng Nhật Quang, Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Bà Nguyễn Thị M Quang, Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Lâm Viên, Công ty cổ phần Lê Bà Nguyễn Thị M Thành, Công ty TNHH du lịch thương mại sản xuất và xây dựng Lý Khoa Nguyên, Công ty cổ phần địa ốc Tài Lộc, Công ty TNHH quản lý và đầu tư tín thác Hoàng Thái Gia, Công ty cổ phần Hiệp Thái Thịnh, Công ty TNHH H); thời hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày 08/12/2007. Đồng thời, DAB ký Hợp đồng ký thác và quản lý tài khoản để bảo đảm cho TTC về khả năng hoàn trả 100.000.000 USD tiền tài trợ và lãi tương ứng cho 02 quỹ đầu tư nói trên khi chấm dứt Hợp đồng mà TTC không có khả năng thu xếp đủ nguồn vốn để hoàn trả số tiền này cho VinaCapital. Cuối năm 2007 VinaCapital đã giải ngân 100.000.000 USD (tương đương 1.602,2 tỷ đồng) để TTC sử dụng: 982 tỷ đồng để đầu tư 100% vốn góp Công ty TNHH H; 477.458.208.000 đồng để đầu tư cổ phần công ty cổ phần đầu tư xây dựng Lâm Viên; 110.697.792.000 đồng để đầu tư cổ phần công ty cổ phần đầu tư xây dựng Nhật Quang và 32.044.000.000 đồng để thanh toán tiền phí quản lý tài khoản cho DAB.

Năm 2008, VinaCapital không gia hạn hợp đồng và yêu cầu TTC hoàn trả 100.000.000 USD. Do năm 2008 thị trường bất động sản xuống giá, việc triển khai các dự án bất động sản bị đình trệ, các dự án mà TTC đã đầu tư bị thua lỗ, không tìm được đối tác để chuyển nhượng các dự án nêu trên, không có khả năng trả nợ cho VinaCapital. Trần Phương B chỉ đạo nhân viên DAB cho 02 công ty và 05 cá nhân gồm: Công ty cổ phần Sơn Trà Điện Ngọc, Công ty TNHH Xây dựng B, Cao

Ngọc V, Nguyễn Thị Minh D, Trang Thị Bảo T, Nguyễn Hưng Q và Phạm Văn T vay 11 khoản, tổng số 1.820.850.000.000 đồng và xuất quỹ chi 77.782.250.000 đồng để sử dụng 1.735.339.482.000 đồng mua lại 05 tài sản của Nhóm TTC. Tuy nhiên, TTC chỉ sử dụng 719.000.000.000 đồng để hoàn trả cho VinaCapital, còn 902.434.332.000 đồng để trả nợ cho các khoản vay trong Nhóm TTC và sử dụng 36.122.900.000 đồng cho các mục đích khác.

Để TTC tiếp tục trả nốt số tiền còn lại cho VinaCapital, trong khoảng thời gian từ ngày 19/12/2008 đến ngày 06/12/2010, Trần Phương B chỉ đạo DAB cho Nhóm TTC vay 04 khoản tổng số 904,04 tỷ đồng để TTC sử dụng: 778,44 tỷ đồng hoàn trả cho VinaCapital; 125,6 tỷ đồng sử dụng cho mục đích khác.

Sau đó, do Nhóm TTC không có khả năng trả nợ cho DAB, Trần Phương B đã chỉ đạo DAB cho Nhóm TTC vay 09 khoản tổng số 1.702.471.000.000 đồng để sử dụng để đảo nợ các khoản vay của nhóm TTC tại DAB.

Tính đến ngày 24/12/2018 nhóm TTC còn dư nợ 06 khoản tổng số 3.139.182.039.568 đồng, gồm: 1.386.148.367.400 đồng tiền gốc và 1.753.033.672.168 đồng tiền lãi, cụ thể như sau:

1. Khoản vay 210 tỷ đồng của Công ty cổ phần vốn Thái Thịnh Đà Lạt tại DAB chi nhánh Quận 10.

Ngày 28/01/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 421031000166 cho TTC Đà Lạt để thực hiện Dự án Trung tâm văn hóa thể thao tỉnh Lâm Đồng và Dự án khu công viên văn hóa Bà Huyện Thanh Quan tại tỉnh Lâm Đồng. Vốn điều lệ: 500 tỷ đồng. Cổ đông sáng lập, gồm: TTC góp 425 tỷ đồng (tương đương 85%), Công ty TNHH Lê Minh MC góp 50 tỷ đồng (tương đương 10%) và Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Lâm Viên góp 25 tỷ đồng (tương đương 5%). Người đại diện pháp luật là ông Nguyễn Ngọc M - Tổng Giám đốc.

Tháng 12/2008 Trần Phương B chỉ đạo Nguyễn Thị Ngọc V, để Văn chỉ đạo Nguyễn Tăng Ngọc L - Phó Giám đốc DAB chi nhánh Quận 10 lập hồ sơ tín dụng cho TTC Đà Lạt vay 210 tỷ đồng (Hợp đồng tín dụng số H0052/12, ngày 19/12/2008, Trần Phương B ký với Nguyễn Ngọc M) để trả cho Vinacapital. Tài sản đảm bảo là Dự án Trung tâm Văn hóa thể thao tỉnh Lâm Đồng trên diện tích 656.000m² đất và Dự án Khu công viên văn hóa Bà Huyện Thanh Quan tại tỉnh Lâm Đồng trên diện tích 96.580m² đất được DAB xác định giá trị là 590 tỷ đồng.

Ngày 22/12/2008, TTC Đà Lạt chuyển 210 tỷ đồng tiền vay vào tài khoản số 001142840001 của TTC. Sau đó TTC đã chuyển 136,5 tỷ đồng vào tài khoản của Vinaland Espero Limited (VNL) và 73,5 tỷ đồng vào tài khoản của Infrastructure Holding Limited (VIHL) mở tại DAB CN quận 10.

Đến năm 2012, TTC và TTC Đà Lạt ngừng hoạt động, Nguyễn Thiện N và Nguyễn Ngọc M đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú; tài sản thế chấp là 02 dự án đã bị Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng thu hồi (do TTC Đà Lạt không triển khai đầu tư dự án); Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã hoàn trả cho TTC Đà Lạt

101.651.555.183 đồng tiền mà TTC Đà Lạt đã ứng trước để đền bù giải phóng mặt bằng, nhưng Nguyễn Thiện N và Nguyễn Ngọc M đã sử dụng không trả nợ cho DAB. Tính đến 24/12/2018, khoản vay nêu trên còn dư nợ 527.509.305.556 đồng, gồm 210.000.000.000 đồng tiền gốc và 317.509.305.556 đồng tiền lãi.

2. Khoản vay 416,5 tỷ đồng của Nguyễn Thiện N và khoản vay 110 tỷ đồng của Nguyễn Thanh T tại DAB Sở Giao dịch

Tháng 12/2012, để trả nợ cho các khoản vay của 06 cá nhân thuộc Nhóm TTC (Nguyễn Thiện N, Tô Thị Ngọc T, Nguyễn Thị Minh D, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị Minh C) tại DAB, Trần Phương B chỉ đạo DAB cho Nguyễn Thiện N vay 416,5 tỷ đồng, Nguyễn Thanh T vay 110 tỷ đồng.

2.1 Khoản vay 416,5 tỷ đồng của Nguyễn Thiện N tại DAB Sở Giao dịch theo Hợp đồng tín dụng số K.0313/12 ngày 25/12/2012.

Ngày 25/12/2012, DAB Sở giao dịch (gồm: Nguyễn Đức T, Nguyễn Chí C) có Tờ trình đề nghị DAB Hội sở (gồm: Trần Phương B và Nguyễn Thị Ngọc V) cho Nguyễn Thiện N vay 416,5 tỷ đồng để mua cổ phần của công ty cổ phần vật liệu xây dựng Vĩnh Đức. Cùng ngày 25/12/2012, Nguyễn Thị Ngọc V ký kiểm soát tờ trình và trình Trần Phương B phê duyệt cho vay.

Ngày 25/12/2012, Nguyễn Văn Thuận - Phó Giám đốc DAB Sở giao dịch ký Hợp đồng tín dụng số K.0313/12 cho Nguyễn Thiện N vay 416.500.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 25/12/2012 đến 25/12/2013). Tài sản bảo đảm là 42.850.000 cổ phần của công ty cổ phần vật liệu xây dựng Vĩnh Đức (nay là công ty cổ phần mua bán nợ & tài sản Vĩnh Đức) được DAB định giá tại thời điểm cho vay là 428,5 tỷ đồng đồng và DAB thuê Exima định giá tại thời điểm tháng 5/2016 là 0 đồng; Hội đồng định giá tài sản trong TTHS tỉnh Lâm Đồng định giá tại thời điểm hiện nay là 0 đồng. Hiện DAB không giữ bản gốc Sổ cổ đông và Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần của Nguyễn Thiện N.

Cùng ngày, DAB Sở Giao dịch giải ngân 416,5 tỷ đồng tiền vay vào tài khoản của Nguyễn Thiện N tại DAB Sở Giao dịch. Nguyễn Thiện N sử dụng 136 tỷ đồng để trả nợ gốc cho khoản vay 136 tỷ đồng của Nguyễn Thanh B tại DAB Sở Giao dịch theo Hợp đồng tín dụng số K0288/12 ngày 30/06/2010; 153 tỷ đồng để trả nợ gốc cho khoản vay 153 tỷ đồng của Nguyễn Thiện N theo Hợp đồng tín dụng số K0287/12 ngày 30/06/2010; 127,5 tỷ đồng để trả nợ gốc cho khoản vay 127,5 tỷ đồng của Nguyễn Thiện N tại DAB Sở Giao dịch theo Hợp đồng tín dụng số K0289/12 ngày 30/06/2010.

Đến ngày 24/12/2018, Nguyễn Thiện N còn nợ 842.093.583.333 đồng, gồm 416,5 tỷ đồng tiền gốc và 425.593.583.333 đồng tiền lãi.

2.2. Khoản vay 110 tỷ đồng của Nguyễn Thanh T tại DAB Sở Giao dịch theo Hợp đồng tín dụng số K.0314/12 ngày 25/12/2012

Ngày 25/12/2012, DAB Sở giao dịch (gồm: Nguyễn Đức T, Nguyễn Chí C) có Tờ trình đề nghị DAB Hội sở (gồm: Trần Phương B và Nguyễn Thị Ngọc V) cho Nguyễn Thanh T vay 110 tỷ đồng để mua cổ phần của công ty cổ phần vật

liệu xây dựng Vĩnh Đức. Cùng ngày 25/12/2012, Nguyễn Thị Ngọc V ký kiểm soát tờ trình và trình Trần Phương B phê duyệt cho vay.

Ngày 25/12/2012, Nguyễn Văn Thuận ký Hợp đồng tín dụng số K.0314/12 cho Nguyễn Thanh T vay 110.000.000.000 đồng, thời hạn 5 năm, tài sản đảm bảo: 11.750.000 cổ phần (trong đó có 3.000.000 cổ phần là tài sản hình thành từ vốn vay) của công ty cổ phần vật liệu xây dựng Vĩnh Đức được DAB định giá tại thời điểm cho vay là 117,5 tỷ đồng và DAB thuê Exima định giá tại thời điểm tháng 5/2016 là 0 đồng; Hội đồng định giá tài sản trong TTHS tỉnh Lâm Đồng định giá tại thời điểm hiện nay là 0 đồng. Hiện DAB không giữ bản gốc Sổ cổ đông và Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần của Nguyễn Thanh T.

Ngày 25/12/2012 và 26/12/2012, DAB Sở Giao dịch giải ngân 110 tỷ đồng vào tài khoản của Tô Thị Ngọc T mở tại DAB Chi nhánh Quận 10 để sử dụng trả các khoản nợ vay tại DAB Sở Giao dịch của 06 cá nhân thuộc Nhóm TTC, gồm: Nguyễn Thiện N, Tô Thị Ngọc T, Nguyễn Thị Minh D, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thanh B và Nguyễn Thị Minh C.

Đến ngày 24/12/2018, Nguyễn Thanh T còn nợ 196.949.000.000 đồng, gồm 110 tỷ đồng tiền gốc và 86.949.000.000 đồng tiền lãi.

3. Khoản vay 319,977 tỷ đồng của Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng L tại DAB chi nhánh Quận 10.

Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng L (Công ty Lâm Viên) thành lập ngày 03/04/2007. Vốn điều lệ: 668.386.400.000 đồng, gồm các Thành viên: TTC (đại diện Nguyễn Đắc H) góp 664.619.400.000 đồng (99,44%); Nguyễn Thị Minh C góp 2.072.000.000 đồng (0,31%) và Công ty Lâm Viên góp 1.695.000.000 đồng (0,25%). Người đại diện pháp luật là Nguyễn Đắc H - Chủ tịch HĐQT.

Để hỗ trợ Nguyễn Thiện N trả 100 triệu USD cho VNL và VLHL, Trần Phương B chỉ đạo DAB CN Quận 10 cho TTC vay 258 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số H1940/1 ngày 06/12/2010 để trả nợ cho VNL và VIHL; ngày 28/12/2011, Trần Phương B tiếp tục chỉ đạo DAB PGD Saigon Pearl cho Trần Thanh V (nhân viên TTC) vay 246,36 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số 13001K0113/1 ngày 28/12/2011 để trả nợ cho khoản vay 258 tỷ đồng của TTC tại DAB CN Quận 10 như đã nêu trên.

Đến tháng 5/2012, do cần tiền để trả nợ cho khoản vay của Trần Thanh V và sử dụng tiền cho mục đích khác, Nguyễn Thiện N đã gặp Trần Phương B thống nhất: Sử dụng pháp nhân Công ty Lâm Viên để vay tiền của DAB; Trần Phương B chỉ đạo DAB CN Quận 10 cho Công ty Lâm Viên vay 319,977 tỷ đồng; tài sản bảo đảm là 50 căn hộ hình thành trong tương lai của Dự án Richland Southern và quyền đòi nợ từ các hợp đồng mua bán đối với 127 căn hộ (đã bán) của Dự án Richland Southern. Về giá trị tài sản bảo đảm nêu trên được Trần Phương B và Nguyễn Thiện N tự định giá là 465.416.322.343 đồng để cho đủ tỷ lệ đảm bảo cho khoản vay 319,977 tỷ đồng; Trần Phương B chỉ đạo DAB CN Quận 10 (Nguyễn Thị Tuyết H, Phó Giám đốc) tiếp nhận hồ sơ lập Biên bản định giá ngày 22/5/2012 với giá do Bình và Nhân ấn định để hoàn thiện hồ sơ vay; thực tế DAB CN Quận

10 không thẩm định giá, không có chức năng định giá; hợp đồng thế chấp tài sản không công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm.

Thực hiện chỉ đạo của Trần Phương B, ngày 23/05/2012, DAB CN Quận 10 (gồm: Nguyễn Thị Tuyết H và Lâm Thanh Phi Q) có Tờ trình đề nghị Hội sở DAB (gồm: Trần Phương B và Nguyễn Thị Ngọc V) cho Công ty Lâm Viên vay 319,977 tỷ đồng, với mục đích vay ghi trong hợp đồng để hợp thức hóa thỏa thuận giữa Trần Phương B và Nguyễn Thiện N là để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Phương Đông, hoàn trả vốn góp cho ông Trần Thanh V theo Hợp đồng hợp tác số 96.11/HĐHT/LAVICO-MrVINH ngày 26/12/2011 và bổ sung vốn lưu động. Cùng ngày 23/05/2012, Nguyễn Thị Ngọc V ký kiểm soát tờ trình và trình Trần Phương B phê duyệt cho vay.

Ngày 25/5/2012, Nguyễn Thị Tuyết H - Phó Giám đốc ký Hợp đồng tín dụng số H.2689/1, thời hạn cho vay 12 tháng và Hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo gồm: 50 căn hộ hình thành trong tương lai gắn liền với đất tại dự án Richland Southern tại số 9A ngõ 233 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội trị giá 370.026.580.000 đồng và quyền đòi nợ từ các Hợp đồng mua bán đối với 127 căn hộ (đã bán) của Richland Southern trị giá 95.389.742.343 đồng. Hợp đồng thế chấp chưa công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm; tổng trị giá TSBĐ là 465.416.322.343 đồng.

Từ ngày 25/5/2012 đến ngày 28/12/2012, DAB Chi nhánh Quận 10 đã giải ngân cho Công ty Lâm Viên tổng số tiền 319,977 tỷ đồng. Công ty Lâm Viên sử dụng: Chuyển 221,995 tỷ đồng vào tài khoản thẻ số 0101963140 của Trần Thanh V để trả 221,995 tỷ đồng tiền gốc cho khoản vay 246,36 tỷ đồng của Trần Thanh V tại DAB theo Hợp đồng tín dụng số K0113/1 ngày 28/12/2011; 4,449 tỷ đồng để công ty Lâm Viên thanh toán cho nhà thầu tiền thi công Tòa nhà Richland Sourthern; 13,167 tỷ đồng để Trần Thanh V thanh toán 13.167.551.944 đồng tiền lãi cho khoản vay 246,36 tỷ đồng của Trần Thanh V tại DAB theo Hợp đồng tín dụng số K0113/1 ngày 28/12/2011; chuyển 75 tỷ đồng đến tài khoản của Công ty Lâm Viên tại Ngân hàng TMCP Phương Đông chi nhánh Quận 4 để trả nợ cho Hợp đồng tín dụng số 0138/TST/10TGB ngày 01/11/2010.

Từ ngày 26/12/2012 đến ngày 01/9/2016, công ty Lâm Viên trả nợ gốc 64 lần cho DAB tổng số 226.983.900.000 đồng, trong đó có 180.568.500.000 đồng được lấy từ khoản vay 180.568.500.000 đồng của ông Trần Văn Kỳ tại DAB CN Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số K.3691/1 ngày 27/12/2013, mục đích vay để mua 37 căn hộ Dự án Richland Southern của Công ty Lâm Viên là tài sản thế chấp còn lại của khoản vay 319,977 tỷ đồng; các tài sản còn lại đã bị Trần Phương B và Nguyễn Thiện N chỉ đạo sử dụng cho việc khác.

Tính đến ngày 24/12/2018, khoản vay của Công ty Lâm Viên còn dư nợ 212.559.576.306 đồng (gồm: 87.627.100.000 đồng tiền gốc và 124.932.476.306 đồng tiền lãi); hợp đồng vay không còn tài sản đảm bảo; Nguyễn Đắc H vắng mặt tại nơi cư trú; Công ty Lâm Viên và Nhóm TTC không có khả năng trả nợ cho DAB.

Ngày 08/10/2019, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự TP Hà Nội có Kết luận định giá tài sản số 6678/KL-HĐĐGTS kết luận: Giá trị 50 căn hộ Dự án Richland Southern tại thời điểm DAB cho Công ty Lâm Viên vay 319,977 tỷ đồng (tháng 5/2012) là 210.135.813.247 đồng và thời điểm định giá (tháng 6/2019) là 159.990.888.141 đồng; giá trị 37 căn hộ Dự án Richland Southern tại thời điểm DAB cho ông Trần Văn Kỳ vay 180.568.500.000 đồng (tháng 12/2013) là 125.090.595.897 đồng và thời điểm định giá (tháng 6/2019) là 121.431.184.774 đồng.

4. Khoản vay 442 tỷ đồng và 185 tỷ đồng của Công ty cổ phần Lê Minh MC tại DAB chi nhánh Quận 10.

Công ty cổ phần Lê Minh MC được thành lập ngày 25/01/2008, vốn điều lệ: 700.000.000.000 đồng, cổ đông sáng lập gồm: Nguyễn Thanh T (chiếm 75% thời điểm 2008, từ 2012 là 20%); Nguyễn Ngọc M (chiếm 20% thời điểm 2008, từ 2012 là 75%); Nguyễn Thụy Ánh Chi (chiếm 5%). Người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Thanh T - Chủ tịch HĐQT.

Từ ngày 23/7/2007 đến ngày 16/8/2007, Trần Phương B chỉ đạo Nguyễn Thị Ngọc V để Vân chỉ đạo DAB CN Quận 10 (gồm: Nguyễn Tăng Ngọc L và Nguyễn Thái Hậu) lập tờ trình đề nghị Hội sở DAB (gồm: Trần Phương Bình, Nguyễn Thị Ngọc V) phê duyệt cho 11 nhân viên TTC do Nguyễn Thiện N nhờ đứng tên (gồm: Đoàn Thị Minh V, Trần Anh Thạch T, Nguyễn Ngọc Thùy T, Nguyễn Thị Minh D, Nguyễn Đắc H, Hoàng Kim Đ, Phan Minh T, Trần Thanh V, Nguyễn Thị Minh C, Nguyễn Thị Thiên L, Nguyễn Phan V) vay 11 khoản tổng số 897,6 tỷ đồng để đầu tư Dự án khu đô thị Vĩnh Thái. Tài sản bảo đảm là phần vốn góp của 11 cá nhân nêu trên tại Dự án khu đô thị Vĩnh Thái, DAB và khách hàng không ký hợp đồng thế chấp, được DAB định giá tại thời điểm cho vay là 1.056 tỷ đồng. Năm 2008, khi các khoản vay nêu trên đến hạn thanh toán, Trần Phương B chỉ đạo Nguyễn Thị Ngọc V và DAB CN Quận 10 tiếp nhận, thẩm định, lập hồ sơ cho 06 công ty thuộc Nhóm TTC (gồm: Công ty Vĩnh Đức Sài Gòn, Công ty Tài Lộc, Công ty Cao Đạt, Công ty Quang Minh, Công ty Bắc Bình và Công ty Thiên Lộc) vay 07 khoản tổng số 1.086 tỷ đồng để sử dụng 1.037 tỷ đồng tất toán khoản vay của 11 cá nhân nêu trên và sử dụng 48,32 tỷ đồng cho mục đích khác. Tháng 12/2009, khi các khoản vay của 06 công ty đến hạn thanh toán, trong khi Dự án Richland Hill đã được bán cho Trần Phương B để lấy tiền trả nợ cho VinaCapital, Nhóm TTC không còn tài sản nào khác, theo đề nghị của Nguyễn Thiện N, Trần Phương B đã chỉ đạo Nguyễn Thị Ngọc V, để Vân chỉ đạo Nguyễn Chí T (Chuyên viên Phòng Chính sách khách hàng Hội sở) lập hồ sơ cho công ty cổ phần Lê Minh MC vay tiền đảo nợ, cụ thể như sau:

4.1. Khoản vay 442 tỷ đồng theo Hợp đồng vay trung dài hạn số H.0066/12.

Thực hiện chỉ đạo của Trần Phương B và Nguyễn Thị Ngọc V, ngày 01/12/2009, Nguyễn Chí T (Chuyên viên Phòng chính sách khách hàng Hội sở DAB) lập, ký tờ trình đề nghị Trần Phương B phê duyệt cho Công ty cổ phần Lê

Minh MCvay 442 tỷ đồng. Ngày 04/12/2009, Nguyễn Thị Ngọc V ký kiểm soát tờ trình và trình Trần Phương B phê duyệt đồng ý cho vay.

Ngày 04/12/2009, Trần Phương B ký Hợp đồng vay trung dài hạn số H.0066/12 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất với Nguyễn Thanh T cho công ty cổ phần Lê Minh MCvay 442 tỷ đồng để xây dựng Dự án đầu tư xây dựng Khu chung cư cao tầng và nhà liền kề trong 9,6 ha đất tại Khu đô thị Hùng Vương - Tiền Châu, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, thời hạn cho vay: 60 tháng, tài sản bảo đảm: Một phần đất (diện tích 620.506,8 m²) và tài sản hình thành trên đất là công trình xây dựng trên đất tại Dự án đầu tư xây dựng Khu chung cư cao tầng và nhà liền kề trong 9,6 ha đất tại Khu đô thị Hùng Vương - Tiền Châu, được DAB định giá 946 tỷ đồng. Tài sản không công chứng và không đăng ký giao dịch bảo đảm.

Cùng ngày, DAB chi nhánh Quận 10 giải ngân 442 tỷ đồng vào tài khoản của TTC. Sau đó, TTC chuyển 442 tỷ đồng vào tài khoản của Công ty TNHH H để sử dụng: 213.046.750.000 đồng trả nợ cho 07 khoản vay tại DAB của 06 công ty thuộc Nhóm TTC (gồm: Công ty Vĩnh Đức Sài Gòn, Công ty Tài Lộc, Công ty Cao Đạt, Công ty Quang Minh, Công ty Bắc Bình và Công ty Thiên Lộc); 67.688.280.000 đồng để trả nợ cho các khoản vay của Công ty TNHH H tại DAB; 5 tỷ đồng chuyển tài khoản công ty Ninh Thịnh, sau đó chuyển vào tài khoản của Cao Ngọc Liên, ông Liên tiếp tục chuyển cho nhiều khách hàng. Còn lại 156.264.970.000 đồng để chuyển cho Trần Phương B sử dụng, trong đó Nguyễn Thiện N trả tiền trước đây vay của Trần Phương B là 93.266.970.000 đồng và cho Trần Phương B vay thêm 63 tỷ đồng, đến ngày 30/7/2010 Bình đã chuyển trả số tiền 63 tỷ đồng vào tài khoản công ty TTC cho Nguyễn Thiện N.

Tính đến ngày 24/12/2018, khoản vay trên còn dư nợ 915.727.628.192 đồng, gồm 377.021.267.400 đồng tiền gốc và 538.706.360.792 đồng tiền lãi.

4.2. Khoản vay 185 tỷ đồng theo Hợp đồng số H.0082/12 ngày 30/12/2010.

Thực hiện chỉ đạo của Trần Phương B, ngày 30/12/2010, DAB chi nhánh Quận 10 (gồm: Lê Thị Kim Tiên - Cán bộ tín dụng, Lâm Thanh Phi Q - Phó Trưởng phòng KHDN và Nguyễn Thị Tuyết H - Phó Giám đốc) ký Tờ trình đề nghị Trần Phương B phê duyệt cho công ty cổ phần Lê Minh MCvay 185 tỷ đồng. Cùng ngày 30/12/2010, Trần Phương B phê duyệt đồng ý cho vay.

Ngày 30/12/2010, Nguyễn Thị Ngọc V ký Hợp đồng vay trung hạn số H.0082/12 với Nguyễn Thanh T cho công ty cổ phần Lê Minh MC vay 185 tỷ đồng để tài trợ xây dựng Dự án đầu tư xây dựng Khu chung cư cao tầng và nhà liền kề trong 9,6 ha đất tại Khu đô thị Hùng Vương - Tiền Châu, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, thời hạn cho vay 60 tháng, chung tài sản đảm bảo với khoản vay 442 tỷ đồng nói trên.

Cùng ngày, DAB chi nhánh Quận 10 giải ngân 135 tỷ đồng, Công ty L chuyển 135 tỷ đồng vào tài khoản của TTC. Ngày 31/12/2010, DAB CN Quận 10 giải ngân thêm 50 tỷ đồng, Công ty L chuyển 50 tỷ đồng trên vào tài khoản của TTC. Số tiền trên đã được TTC sử dụng như sau: Chuyển 135,6 tỷ đồng cho Trần Phương B sử dụng (49.680.000.000 đồng mua 13.800 chỉ vàng nhập quỹ DAB để bù đắp âm quỹ

vàng; 76.781.900.001 đồng để trả nợ cho 03 khoản vay của Phạm Văn T tại DAB chi nhánh Quận 3; 9.138.099.999 đồng để sử dụng cá nhân); 24,6 tỷ đồng trả phí quản lý “Tài khoản ký thác 100 triệu USD” cho DAB; 18,4 tỷ đồng để trả nợ cho khoản vay của 05 cá nhân (gồm: Nguyễn Thanh T, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị Minh C và Tô Thị Ngọc T); 6,37 tỷ đồng trả nợ cho khoản vay 210 tỷ đồng của TTC Đà Lạt.

Từ ngày 05/01/2011 đến ngày 28/02/2011, Trần Phương B đã trả nợ cho Nguyễn Thiện N đối với khoản vay 135,6 tỷ đồng nêu trên. Nguyễn Thiện N sử dụng 111.246.351.422 đồng trả cho khoản vay 161,5 tỷ đồng của Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thiện N tại DAB; còn 24.353.648.578 đồng sử dụng cho mục đích khác (không trả nợ cho DAB khoản vay 185 tỷ đồng nêu trên).

Tính đến ngày 24/12/2018, khoản vay 185 tỷ đồng nêu trên còn dư nợ 444.342.946.181 đồng, gồm 185 tỷ đồng tiền gốc và 259.342.946.181 đồng tiền lãi.

Kết quả điều tra xác định: Công ty cổ phần xây dựng Thăng Long Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 5012/QĐ-UB chấp thuận làm Chủ đầu tư Dự án khu đô thị Hùng Vương - Tiền Châu, tại thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 16/01/2008, Công ty cổ phần xây dựng Thăng Long và TTC ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01.08/HTKD/TTC-TL. Ngày 23/3/2009, công ty cổ phần xây dựng Thăng Long và công ty cổ phần Lê Minh M ký Hợp đồng liên doanh số 01.09/HĐLK/LMMC-TL. Ngày 15/4/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có Công văn số 1283/UBND-CN1 về việc Liên doanh đầu tư hạ tầng khu nhà ở và đô thị Hùng Vương - thị xã Phúc Yên.

Do công ty cổ phần Lê Minh M không có khả năng tiếp tục góp vốn đầu tư nên ngày 02/4/2014 công ty cổ phần xây dựng Thăng Long và công ty cổ phần Lê Minh M ký Biên bản thanh lý số 101. BBTT/LM-TL để thanh lý Hợp đồng liên danh số 01.09/HĐLK/LMMC-TL và Hợp đồng thi công số 062/02.09/CON/HĐKT-KĐTHV-TC tháng 03/2009, mọi nghĩa vụ và quyền lợi của công ty cổ phần Lê Minh M liên quan đến dự án chấm dứt và 02 bên không còn ràng buộc pháp lý nào. Công ty cổ phần xây dựng Thăng Long không biết và không đồng ý việc công ty cổ phần Lê Minh M thể chấp Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất tại Dự án khu đô thị Hùng Vương - Tiền Châu để vay tiền DAB.

5 Đối với một số đối tượng có liên quan.

Đối với Nguyễn Thị Ngọc V, Nguyễn Thị Tuyết H, Lâm Thanh Phi Q và Lê Thị Kim Tiến là người làm công ăn lương, bị phụ thuộc, thực hiện theo chỉ đạo của Trần Phương B, không được hưởng lợi, thành khẩn khai báo, tin tưởng vào cam kết của Trần Phương B, nhận thức tài sản nêu trên đủ để đảm bảo cho cả 02 khoản vay của công ty cổ phần Lê Minh M nên mới thực hiện việc đề xuất cho vay theo chỉ đạo. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các cá nhân trên.

- Đối với Nguyễn Thiện N và Nguyễn Thanh T có hành vi sử dụng pháp nhân công ty cổ phần Lê Minh M vay 627 tỷ đồng của DAB để Nhân sử dụng vốn vay sai mục đích, lập khống phương án kinh doanh, mục đích vay vốn, sử dụng tài sản đảm bảo là không có giá trị pháp lý là Dự án đầu tư xây dựng khu chung cư cao tầng và nhà

liền kê tại khu đô thị Hùng Vương - Tiền Châu. Hiện nay, Nguyễn Thiện N đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú, TTC và công ty cổ phần Lê Minh MC đã ngừng hoạt động và không có khả năng hoàn trả cho DAB 1.360.070.574.373 đồng, trong đó 562.021.267.400 đồng tiền gốc và 798.049.306.973 đồng tiền lãi của 02 khoản vay nêu trên. Hành vi nêu trên của Nguyễn Thiện N và Nguyễn Thanh T đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng”, quy định tại Điều 206 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do Nguyễn Thiện N là đối tượng chính đang bỏ trốn, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an đã quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Nhân, Thủy, quyết định truy nã Nguyễn Thiện N đồng thời tách hành vi nêu trên của Nguyễn Thiện N và Nguyễn Thanh T để điều tra và xử lý sau.

II. Hành vi liên quan đến Nhóm khách hàng M&C

Nhóm khách hàng M&C do Phùng Ngọc Khánh là Tổng Giám đốc công ty M&C điều hành gồm 11 pháp nhân và 10 cá nhân, cụ thể: Công ty cổ phần M&C, Công ty cổ phần Đầu tư Khải Minh, Công ty Bà Nguyễn Thị M Quân, Công ty cổ phần Biển Bạc, Công ty cổ phần Đầu tư Liên Phát, Công ty cổ phần Tân Superdeck M&C, Công ty cổ phần Chợ Rẫy M&C, Công ty TNHH An Bình An, Công ty TNHH MTV Phát Vạn Hưng, Công ty cổ phần ĐT SX TM XNK Ngôi Sao; Công ty cổ phần địa ốc Sài Gòn M&C; 10 cá nhân gồm: Huỳnh Văn Danh, Nguyễn Trọng Thắng, Cao Thụy Anh, Bạch Tiến Nam, Phạm Thanh Dũng, Nguyễn Hữu Trí, Nguyễn Vĩnh Thụy, Ngô Thu Hương, Nguyễn Hữu Nghiêm, Duyệt Nguyễn Quốc Hải.

Trong thời gian từ năm 2007 đến năm 2013, Nhóm khách hàng M&C đã vay tổng cộng 7.106,47 tỷ đồng nợ gốc tại DAB. Đến nay, nhóm khách hàng M&C đã tắt toán một phần công nợ, trong đó nợ của các cá nhân đã tắt toán hết. Riêng khoản vay của công ty cổ phần M&C với tổng dư nợ gốc 146,122 tỷ đồng có tài sản đảm bảo là cổ phiếu công ty cổ phần địa ốc Sài Gòn M&C và khoản vay của 05 công ty (công ty Bà Nguyễn Thị M Quân, công ty cổ phần Biển Bạc, công ty cổ phần đầu tư Liên Phát, công ty Phát Vạn Hưng và công ty Ngôi sao) với tổng dư nợ gốc 1.976,122 tỷ đồng, nợ lãi 2.083,7 tỷ đồng có chung tài sản đảm bảo là 62.044,82m² thuộc dự án 7,6ha tại phường An Phú, Quận 2, do chưa có kết quả định giá tài sản đảm bảo nên sẽ tiếp tục xem xét xử lý sau. Còn lại là 05 khoản vay của 04 công ty với tổng số dư nợ 3.949.903.151.041 đồng (gốc 1.675.000.000.000 đồng, nợ lãi là 2.274.903.151.041 đồng), hiện các công ty này không có khả năng tài chính, không có tài sản đảm bảo để trả nợ cho DAB, cụ thể các khoản vay này như sau:

1. Khoản vay 270 tỷ đồng của Công ty cổ phần M&C tại DAB chi nhánh Phú Nhuận, tài sản đảm bảo là Dự án Sài Gòn – Ba Son.

Công ty cổ phần M&C được thành lập ngày 26/11/2001, quá trình hoạt động, Công ty đã 18 lần thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh, địa chỉ trụ sở tại tầng 19 Tòa nhà Sài Gòn One, số 34 Tôn Đức Thắng, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, người đại diện theo pháp luật là Phùng Ngọc Khánh, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc từ năm 2003.

Năm 2011, Phùng Ngọc K trao đổi với Trần Phương B về việc Công ty cổ phần M&C cần vay vốn tại DAB để hợp tác đầu tư vào dự án Sài Gòn - Ba Son, thời điểm này dự án đã được Bộ Quốc Phòng chấp thuận chủ trương giao cho Công ty TNHH MTV B (viết tắt là Công ty Ba Son) đầu tư, xây dựng. Phùng Ngọc K đề nghị vay 500 tỷ đồng để đặt cọc cho công ty Ba Son nhằm hợp tác đầu tư dự án. Do thời điểm đó, Công ty cổ phần M&C đang có dư nợ lớn tại DAB nên Trần Phương B không đồng ý cho vay. Sau đó, Trần Phương B nhận thấy đây là dự án có khả năng đem lại nguồn lợi về kinh tế có thể giúp công ty cổ phần M&C trả được nợ cho DAB nếu được hợp tác đầu tư xây dựng với công ty Ba Son. Đồng thời, Trần Phương B cũng muốn đầu tư vào dự án để có nguồn tiền bù cho việc âm quỹ tại DAB, nên Trần Phương B đã thông qua công ty cổ phần Vốn An Bình (Công ty này do Bình thành lập và nhờ bà Cao Thị Ngọc Hồng, em vợ Trần Phương B là người đứng tên đại diện theo pháp luật) để hợp tác đầu tư với công ty cổ phần M&C thực hiện dự án theo tỉ lệ 50 - 50. Do công ty cổ phần Vốn An Bình cũng đang có dư nợ tại DAB nên không thể vay vốn tại DAB được, Trần Phương B nhờ Cao Ngọc V sử dụng pháp nhân công ty cổ phần xây dựng kỹ thuật Đông Á (viết tắt là Công ty Đông Á) đứng tên vay 200 tỷ đồng và nhờ bà Cao Thị Ngọc Hồng đứng tên cá nhân vay 50 tỷ đồng tại DAB. Sau khi DAB giải ngân số tiền 250 tỷ đồng, Trần Phương B đã chỉ đạo Vũ và Hồng lập Ủy nhiệm chi chuyển tiền về công ty cổ phần Vốn An Bình. Sau đó, Trần Phương B chỉ đạo chuyển số tiền 250 tỷ đồng đến công ty cổ phần M&C. Khi nhận được tiền, Phùng Ngọc K chuyển cho công ty Ba Son theo hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên. Đến năm 2012, do Phùng Ngọc K không thu xếp được 250 tỷ đồng còn lại để đặt cọc cho công ty Ba Son nên Trần Phương B đã bàn bạc và thống nhất để Phùng Ngọc K sử dụng pháp nhân công ty trong nhóm M&C đứng tên vay vốn tại DAB để tất toán khoản vay của công ty Đông Á và cá nhân bà Cao Thị Ngọc Hồng.

Ngày 11/10/2012, Phùng Ngọc K đại diện Công ty cổ phần M&C ký, đề nghị vay của DAB Sở giao dịch số tiền 270 tỷ đồng; mục đích: Hoàn lại tiền hợp tác đầu tư tháp văn phòng, căn hộ thuộc dự án khu trung tâm phức hợp Sài Gòn - Ba Son; hình thức giải ngân là chuyển khoản. Tài liệu gửi kèm là hồ sơ dự án đầu tư khu căn hộ 38 tầng, hợp đồng xác lập phân chia quyền đầu tư, xây dựng và khai thác kinh doanh dự án số 20/2011/HĐKT.M&C ngày 28/10/2011; giấy đề nghị hoàn trả tiền của Công ty cổ phần Vốn An Bình ngày 22/09/2012; Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 20/09/2012; Tài sản đảm bảo là: Quyền khai thác kinh doanh 15.300 m² tháp căn hộ 38 tầng thuộc dự án khu Trung tâm phức hợp Sài Gòn - Ba Son; Tài sản đã được định giá là 318 tỷ ngày 12/10/2012 của Phòng khách hàng doanh nghiệp do Nguyễn Chí C lập.

Trên cơ sở đề nghị của Công ty cổ phần M&C, Nguyễn Chí C và Nguyễn Đức T đã lập và ký trình Trần Phương B ký phê duyệt đồng ý cho vay.

Ngày 12/10/2012, Nguyễn Đức T và Phùng Ngọc K ký kết hợp đồng vay vốn số H.0300/13, số tiền vay: 270 tỷ đồng; thời hạn cho vay: 84 tháng từ 12/10/2012 đến 12/10/2019. Cùng ngày, DAB giải ngân cho công ty cổ phần M&C số tiền 270 tỷ đồng. Công ty cổ phần M&C đã chuyển khoản cho công ty cổ

phần Vốn An Bình theo số tài khoản 006744890002 mở tại DAB Chi nhánh Phú Nhuận. Trong ngày, Công ty vốn An Bình chuyển 211,097 tỷ đồng cho công ty Đông Á để trả tiền vay hợp đồng H.0359/1 của công ty Đông Á tại DAB Chi nhánh Phú Nhuận và chuyển 58,903 tỷ đồng cho Cao Thị Ngọc Hồng để trả gốc, lãi Hợp đồng K.2018/1 của Cao Thị Ngọc Hồng tại DAB Chi nhánh Phú Nhuận.

Đến ngày 24/12/2018 khoản vay trên còn dư nợ 551.398.250.000 đồng, trong đó gốc là 270.000.000.000 đồng, lãi là 281.398.250.000 đồng.

2. Khoản vay 430 tỷ đồng của Công ty cổ phần Tân Superdeck M&C tại DAB chi nhánh Quận 9, tài sản đảm bảo là Dự án Sài Gòn – Ba Son.

Công ty cổ phần Tân Superdeck M&C thành lập ngày 25/7/2005 do Phùng Ngọc Khánh làm đại diện theo pháp luật, Tạ Nguyễn Tấn T làm Tổng Giám đốc, đến ngày 13/3/2013 do Nguyễn Quang M - Chủ tịch Hội đồng quản trị làm đại diện theo pháp luật.

Ngày 05/12/2011, Tạ Nguyễn Tấn T đề nghị DAB Chi nhánh Quận 9 (DAB Quận 9) cho vay số tiền 430 tỷ đồng; mục đích thanh toán tiền Hợp tác đầu tư xây dựng tháp căn hộ 38 tầng thuộc dự án Sài Gòn - Ba Son; hình thức giải ngân là chuyển khoản; lãi suất 24,2%/năm. Hồ sơ gửi kèm là phương án kinh doanh; hồ sơ chứng bà Nguyễn Thị M mục đích sử dụng vốn: Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 23A/2011/HĐKT-M&C ngày 28/11/2011 giữa công ty cổ phần M&C và công ty cổ phần Tân Superdeck M&C; Hồ sơ Dự án đầu tư tháp căn hộ 38 tầng ngày 05/12/2011. Tài sản đảm bảo là Quyền khai thác kinh doanh 24.840 m² tháp căn hộ 38 tầng thuộc Dự án Sài Gòn - Ba Son. Tài sản đã được thẩm định và định giá khi cho vay 615 tỷ đồng theo Biên bản định giá ngày 22/12/2011.

Ngày 24/12/2011, Trần Thị H - Nhân viên tín dụng, Phạm Chiến Q - Phó phòng Khách hàng doanh nghiệp, Nguyễn Quang T - Phó Giám đốc lập, ký tờ trình. Tờ trình được Nguyễn Thị Ngọc V - Phó Tổng Giám đốc ký kiểm soát và trình Trần Phương B, Tổng Giám đốc ký phê duyệt đồng ý cho vay ngày 26/12/2011.

Ngày 27/12/2011, Nguyễn Quang T và Tạ Nguyễn Tấn Trương đại diện ký Khế ước nhận nợ số H0001/13 với số tiền cho vay là 430 tỷ đồng; thời hạn cho vay: 07 năm. Cùng ngày, DAB chi nhánh Quận 9 đã giải ngân cho công ty cổ phần Tân Superdeck M&C số tiền 430 tỷ đồng vào tài khoản số 037000000125 mở tại DAB chi nhánh Quận 9. Sau đó Phùng Ngọc K chỉ đạo chuyển số tiền 430 tỷ đồng này vào tài khoản số 0000000877 của Công ty cổ phần M&C mở tại DAB Sở giao dịch và sử dụng số tiền này như sau:

- Chuyển cho Công ty Khải Minh 42 tỷ đồng để trả nợ Hợp đồng số 01901H0135/12 của Công ty phát sinh tại Phòng Giao dịch (PGD) Nguyễn Tất Thành;

- Chuyển tiền cho Công ty TNHH An Bình An 22,08 tỷ đồng để trả lãi trong hạn Hợp đồng số 01901H0147/12 của công ty phát sinh tại PGD Nguyễn Tất Thành;

- Số tiền còn lại thanh toán nợ gốc, lãi vay trong hạn và lãi vay quá hạn các hợp đồng vay của Công ty cổ phần M&C phát sinh tại DAB Q9 với tổng số tiền 365,924 tỷ đồng.

Đến ngày 24/12/2018 khoản vay trên còn dư nợ 1.036.399.888.889 đồng, trong đó gốc là 430.000.000.000 đồng, nợ lãi là 606.399.888.889 đồng.

3. Khoản vay 370 tỷ đồng của Công ty cổ phần đầu tư Khải Minh tại DAB chi nhánh Quận 4, tài sản đảm bảo là Dự án Sài Gòn – Ba Son.

Công ty cổ phần đầu tư Khải Minh được thành lập ngày 12/9/2007 do Lê Uy V - Tổng Giám đốc làm đại diện theo pháp luật.

Ngày 12/12/2011, Lê Uy V đề nghị DAB Quận 4 cho vay số tiền 370 tỷ đồng để Hợp tác đầu tư tháp căn hộ 38 tầng thuộc dự án Khu phức hợp Sài Gòn - Ba Son theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 23C/2011/HĐKT-M&C ngày 28/11/2011, lãi suất: 24,2%/năm. Hồ sơ gửi kèm gồm Hợp đồng hợp tác đầu tư số 23C/2011/HĐKT-M&C ký ngày 28/11/2011 giữa công ty cổ phần M&C và công ty Khải Minh; hồ sơ Dự án đầu tư khu căn hộ 38 tầng; Quyết định số 1273/QĐ-BQP phê duyệt hợp đồng đầu tư xây dựng kinh doanh khi trung tâm phức hợp Sài Gòn - Ba Son giữa Công ty TNHH MTV B, Bộ Quốc phòng và công ty cổ phần M&C ngày 19/04/2011. Tài sản đảm bảo là: Quyền khai thác kinh doanh 21.600m² tháp căn hộ 38 tầng thuộc Dự án Sài Gòn Ba Son và các tài sản trên đất hình thành trong tương lai từ quyền khai thác kinh doanh 21.600m² tháp căn hộ 38 tầng thuộc Dự án Sài Gòn Ba Son.

Ngày 25/12/2011, Trần Hoàng T - Cán bộ tín dụng và Nguyễn Văn B - Trưởng phòng tín dụng DAB Quận 4 lập Tờ trình, ký đại diện Phòng tín dụng, Vũ Đức Dũng ký với vai trò Phó Giám Đốc Chi nhánh, Phạm Huy L - Giám đốc Chi nhánh, ký với vai trò người đề nghị trình. Tờ trình được Trần Phương Bình ký phê duyệt đồng ý cho vay.

Ngày 29/12/2011, Phạm Huy L và Lê Uy V ký Hợp đồng vay số H0149/13 với số tiền cho vay 370 tỷ đồng; thời hạn cho vay: 84 tháng, kể từ ngày 29/12/2011 đến 28/12/2018; Tài sản đảm bảo: Quyền khai thác kinh doanh 21.600m² tháp căn hộ 38 tầng thuộc Dự án Sài Gòn - Ba Son và các tài sản trên đất hình thành trong tương lai từ quyền khai thác kinh doanh 21.600m² tháp căn hộ 38 tầng thuộc Dự án Sài Gòn - Ba Son. Trị giá tài sản thế chấp sau khi hoàn thành dự kiến là 544,838 tỷ đồng.

Cùng ngày 29/12/2011, DAB Quận 4 đã giải ngân cho Công ty Khải Minh số tiền 370 tỷ đồng vào tài khoản của Công ty cổ phần M&C mở tại DAB Sở giao dịch. Sau khi nhận được tiền vay, Phùng Ngọc K đã sử dụng số tiền này như sau:

Ngày 29/12/2011, chuyển cho Công ty cổ phần Chợ Rẫy-M&C số tiền 39,85 tỷ đồng để chuyển trả nợ vay cho DAB; Chuyển tiền vào tài khoản số 001304650001 của Cao Thụy A số tiền 80,317 tỷ đồng để trả gốc và lãi vay hợp đồng số 00001K6244/1 của Cao Thụy A tại DAB Sở Giao dịch với số tiền 79,786 tỷ đồng, rút tiền mặt tại DAB với số tiền 0,503 tỷ đồng; Chuyển khoản cho

Nguyễn Hữu Nghiêm số tiền 59,812 tỷ đồng để trả gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn hợp đồng số 00001K6489/1 của Nguyễn Hữu Nghiêm tại DAB Sở Giao dịch; Chuyển khoản cho Nguyễn Vĩnh Thụy để trả vốn gốc, lãi quá hạn hợp đồng số 00001K6243/1 tại DAB Sở Giao dịch; Chuyển khoản cho Bạch Tiến Nam số tiền 91,093 tỷ đồng để trả vốn gốc, lãi quá hạn hợp đồng 00001K6235/1 tại DAB Sở Giao dịch; Chuyển khoản đến công ty Liên Phát số tiền 30,2 tỷ đồng để trả lãi cho các hợp đồng vay tại DAB Quận 9.

Đến ngày 24/12/2018 khoản vay trên còn dư nợ số tiền 889.559.395.833 đồng, trong đó nợ gốc 370.000.000.000 đồng và nợ lãi 519.559.395.833 đồng.

4. Khoản vay 180 tỷ đồng của Công ty TNHH An Bình An tại DAB chi nhánh Quận 4, tài sản đảm bảo là trái phiếu công ty cổ phần M&C.

Công ty TNHH An Bình An được thành lập ngày 20/6/2005 do Lê Trọng Nhi - Giám đốc làm đại diện theo pháp luật.

Ngày 04/04/2011, Lê Trọng Nhi đề nghị DAB Chi nhánh Quận 4 cho vay số tiền 180 tỷ đồng đầu tư mua trái phiếu Công ty cổ phần M&C để đầu tư vào dự án Spring Walk An Phú (dự án 7,6 hecta phường An Phú, quận 2); tài sản đảm bảo là: 25.000 trái phiếu của công ty cổ phần M&C (mệnh giá 10.000.000đ/trái phiếu); lãi suất 24%/năm. Hồ sơ gửi kèm là: Giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu số MC_BOND2009 đề ngày 05/4/2011 (*ghi ngày phát hành 31/12/2009, ngày đáo hạn 31/12/2012*) và MC_BOND2011 đề ngày 31/03/2011 (*ghi ngày phát hành 31/3/2011, ngày đáo hạn 31/3/2013*); Hợp đồng mua trái phiếu công ty cổ phần M&C và Công ty TNHH An Bình An số 05/2011/HĐKT.TP.M&C đề tháng 12/2009 (không ghi ngày), số lượng 7.000 trái phiếu do công ty cổ phần M&C phát hành ngày 31/3/2011; Hợp đồng chuyển nhượng trái phiếu số 01/2011/HĐ-CNTP đề ngày 31/3/2011 giữa Công ty TNHH An Bình An và ông Nguyễn Trọng Thắng, số lượng 18.000 trái phiếu do Công ty cổ phần M&C phát hành ngày 29/12/2009 (*ông Thắng đã ký hợp đồng mua số trái phiếu này từ năm 2009, bằng tiền vay của DAB*).

Ngày 02/05/2011, Trần Hoàng Tín và Nguyễn Văn Bảo lập Tờ trình, ký đại diện Phòng tín dụng, Vũ Đức Dũng ký với vai trò Phó Giám đốc, Phạm Huy L ký với vai trò Giám đốc Chi nhánh. Tờ trình được Trần Phương Bình phê duyệt đồng ý cho vay ngày 07/05/2011.

Ngày 10/05/2011, Phạm Huy L và Lê Trọng Nhi ký hợp đồng vay số H0147/12 với số tiền cho vay là 180 tỷ đồng; thời hạn cho vay: 24 tháng. Cùng ngày, DAB Quận 4 đã giải ngân cho Công ty TNHH An Bình An số tiền 180 tỷ đồng vào tài khoản 019000000096, tài khoản trung gian chi vay của DAB Quận 4. Sau khi DAB giải ngân cho vay, Phùng Ngọc K sử dụng số tiền vay như sau:

Ngày 10/05/2011, công ty TNHH An Bình An chuyển 40 tỷ đồng cho Công ty cổ phần M&C số tài khoản 000008770002 mở tại DAB Sở Giao dịch. Công ty cổ phần M&C thực hiện chuyển khoản 4,788 tỷ đồng cho Nguyễn Vĩnh Thụy để trả lãi quá hạn tại DAB Sở Giao dịch; chuyển 5,604 tỷ đồng cho ông Cao Thụy A để trả lãi quá hạn tại DAB Sở Giao dịch; chuyển 2,706 tỷ đồng cho Nguyễn Trọng

Thắng, sau đó, Nguyễn Trọng Thắng chuyển lại cho công ty cổ phần M&C 2,734 tỷ đồng để trả lãi trong hạn của công ty cổ phần M&C tại DAB Quận 9; chuyển 6,528 tỷ đồng cho Bạch Tiến Nam để trả lãi quá hạn tại DAB Sở Giao dịch; Số tiền 23,492 tỷ đồng, được sử dụng để trả lãi cho các hợp đồng vay của Công ty cổ phần M&C phát sinh tại DAB CN Quận 9.

Đến ngày 24/12/2018, khoản vay trên còn dư nợ 390.246.944.444 đồng, trong đó nợ gốc là 155.000.000.000 đồng, lãi 235.246.944.444 đồng.

5. Khoản vay 450 tỷ đồng của Công ty TNHH An Bình An tại DAB chi nhánh Quận 4, tài sản đảm bảo là dự án Sài Gòn – Ba Son

Ngày 03/12/2011, ông Lê Trọng Nhi đề nghị DAB Quận 4 cho vay số tiền 450 tỷ đồng để hợp tác đầu tư tháp căn hộ 38 tầng thuộc Dự án Sài Gòn - Ba Son theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 23B/2011/HĐKT-M&C; lãi suất 24,2%/năm. 155

Ngày 25/12/2011, Trần Hoàng Tín và Nguyễn Văn Bảo lập Tờ trình, ký đại diện Phòng tín dụng, Vũ Đức Dũng ký với vai trò Phó Giám Đốc, Phạm Huy L ký với vai trò Giám Đốc. Tờ trình được Trần Phương Bình ký phê duyệt đồng ý cho vay ngày 28/12/2011.

Ngày 28/12/2011, Phạm Huy L và Lê Trọng Nhi ký Hợp đồng vay số H0148/13 với số tiền 450 tỷ đồng; thời hạn cho vay: 84 tháng, kể từ ngày 28/12/2011 đến 28/12/2018; tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành trong tương lai và Quyền khai thác kinh doanh 25.920m² tháp căn hộ 38 tầng thuộc dự án Sài Gòn - Ba Son.

Ngày 28/12/2011, DAB Quận 4 đã giải ngân cho Công ty TNHH An Bình An số tiền 450 tỷ đồng vào tài khoản trung gian chi vay của DAB Quận 4. Cùng ngày 28/12/2011, Công ty TNHH An Bình An ký ủy nhiệm chi chuyển 450 tỷ đồng cho công ty cổ phần M&C. Sau đó, công ty cổ phần M&C thực hiện chuyển khoản cho công ty Khải Minh với tổng số tiền 447,588 tỷ đồng để trả nợ gốc và lãi cho các hợp đồng vay của công ty Khải Minh phát sinh tại DAB Sở Giao dịch và PGD Nguyễn Tất Thành.

Đến ngày 24/12/2018, khoản vay trên còn dư nợ 1.082.298.671.875 đồng, trong đó nợ gốc là 450.000.000.000 đồng, lãi 632.082.298.671.875 đồng.

6. Kết quả xác bà Nguyễn Thị M tại các đơn vị có liên quan về tài sản đảm bảo đối với Dự án Sài Gòn - Ba Son.

Dự án Sài Gòn - Ba Son được Bộ Quốc phòng có chủ trương cho phép công ty Ba Son (là đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng) với vai trò là chủ đầu tư hợp tác với công ty M&C (và đơn vị khác) để thực hiện Dự án theo các Quyết định số 1729/QĐ-BQP ngày 07/4/2011 và Quyết định số 1273/QĐ-BQP ngày 19/4/2011. Tuy nhiên, Dự án chưa có Văn bản chấp thuận đầu tư của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chưa được UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 theo quy định về quy hoạch xây dựng. Căn cứ quy định tại Điều 5 và Điều 8 Nghị định 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010, Dự án phát triển

nhà ở phải được Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận đầu tư theo quy định và có Bản quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt.

Trong thỏa thuận hợp tác giữa công ty cổ phần M&C với Công ty Ba Son để thực hiện các bước dự án, công ty cổ phần M&C đã không thực hiện đúng các nghĩa vụ theo thỏa thuận hợp tác đầu tư với công ty Ba Son đã được Bộ Quốc phòng phê duyệt, không chuyển đủ số tiền 500 tỷ đồng bảo đảm thực hiện hợp đồng (mới thực hiện đóng 250 tỷ đồng) và chưa thanh toán đủ 8.500 tỷ đồng tiền sử dụng đất trong thời hạn Bộ Quốc phòng cho phép. Bộ Quốc Phòng đã có quyết định chấm dứt việc hợp tác với công ty M&C trong việc thực hiện Dự án Sài Gòn - Ba Son. Theo nội dung Văn bản số 134/UBND-NCPC ngày 02/11/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì nhà đất tại địa chỉ số 2 đường Tôn Đức Thắng, Quận 1 đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho Bộ Quốc phòng được bán chỉ định cho công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ thương mại Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Đối với các đối tượng có liên quan

Đối với Trần Hoài Ân, Trần Hoàng Tín và Trần Thị H có hành vi thực hiện lập, ký tờ trình theo sự chỉ đạo của Trần Phương B và các lãnh đạo chi nhánh nhưng không được hưởng lợi gì, không biết mục đích của các khoản vay nên Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an không khởi tố bị can để xem xét trách nhiệm hình sự đối với các cá nhân này.

Đối với Tạ Nguyễn Tấn Trương, Lê Trọng Nhi, Lê Uy V là các giám đốc làm thuê cho các công ty của Phùng Ngọc K, xét thấy các đối tượng này là những người làm thuê cho bị can Phùng Ngọc K, làm công ăn lương, không có tài sản, không được hưởng lợi gì khi đứng tên vay tiền cho Phùng Ngọc K, không được bàn bạc thống nhất với Trần Phương B, không được sử dụng tiền vay, thực hiện theo chỉ đạo của Phùng Ngọc K nên Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an không khởi tố bị can để xem xét trách nhiệm hình sự đối với các cá nhân này.

Đối với Nguyễn Kim Ngọc đứng tên cổ đông góp vốn công ty cổ phần M&C; Cao Thụy A, Nguyễn Hải Đăng đứng tên cổ đông góp vốn công ty cổ phần Tân Superdeck M&C, các cá nhân này là người đứng tên thành viên, cổ đông góp vốn nhưng thực chất không góp tiền thật, chỉ đứng tên hộ cho đủ thành viên theo Luật doanh nghiệp. Các cá nhân này được Phùng Ngọc Khánh nhờ ký các biên bản hợp về việc vay vốn để hoàn thiện hồ sơ vay, họ không biết việc sử dụng tiền của các khoản vay, không được Phùng Ngọc Khánh bàn bạc, không được hưởng lợi, không có mục đích vụ lợi đối với các khoản vay nên Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an không khởi tố bị can để xem xét trách nhiệm hình sự đối với các cá nhân này.

Đối với Nguyễn Văn Mai, Nguyễn Đăng Khoa, Nguyễn Xuân Đức, Phạm Văn Hạng là những người đứng tên thành viên góp vốn Công ty TNHH An Bình An, là bạn của Lê Trọng Nhi, chỉ đứng tên thành viên góp vốn nhưng không thực tế góp vốn vào Công ty; không quen biết Phùng Ngọc Khánh, không được bàn bạc về việc vay vốn. Lê Trọng Nhi nhờ các cá nhân này ký biên bản hợp công ty, họ

không biết mục đích của các khoản vay trên nên Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an không khởi tố bị can để xem xét trách nhiệm hình sự đối với các cá nhân này.

III. Hành vi liên quan đến Nhóm khách hàng Đồng Tiến.

Nhóm khách hàng Đồng Tiến gồm 02 pháp nhân, cụ thể: Công ty TNHH Thép Đồng Tiến (viết tắt là công ty Đồng Tiến) thành lập ngày 06/3/2007 do Trần Quang K làm đại diện theo pháp luật và Công ty TNHH tư vấn đầu tư T (viết tắt là Công ty TBTP) thành lập ngày 04/7/2011 do ông Bùi Văn D làm đại diện theo pháp luật nhưng Trần Quang K nắm 99,9 % phần vốn góp.

Từ ngày 25/5/2013 đến 13/9/2013, Nhóm khách hàng Đồng Tiến ký 10 Hợp đồng vay tín chấp tại DAB Sở giao dịch không có tài sản bảo đảm, mục đích vay để thanh toán LC và bổ sung vốn lưu động (07 hợp đồng của Công ty Đồng Tiến và 03 hợp đồng của Công ty TBTP với tổng số tiền vay là 265.100.000.000 đồng (Công ty Đồng Tiến 163.000.000.000 đồng; Công ty TBTP 102.100.000.000 đồng). Tính đến ngày 24/12/2018, các hợp đồng trên còn dư nợ 393.633.033.715 đồng gồm nợ gốc 222.917.200.000 đồng và nợ lãi 170.715.833.715 đồng, cụ thể như sau:

1. Khoản vay 31 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số 00001H6882/1 ngày 25/5/2013 của Công ty TBTP.

Ngày 13/3/2013, ông Bùi Văn D ký giấy đề nghị DAB cho vay số tiền 32,958 tỷ đồng để thanh toán tiền cho Hợp đồng mua phế liệu số SA13025 ký ngày 07/3/2013, thời hạn vay 12 tháng. Tài sản bảo đảm là toàn bộ tài sản đang thế chấp, cầm cố, tín chấp tại DAB hoặc chính lô hàng nhập khẩu.

Ngày 22/5/2013, Nguyễn Thị Hồng Nhung - nhân viên tín dụng, Vũ Thị Thanh Hoa - Trưởng phòng Tín dụng khách hàng doanh nghiệp và Nguyễn Đức T - Giám đốc DAB Sở giao dịch lập, ký tờ trình hồ sơ vay vốn ngắn hạn trình lãnh đạo DAB Hội sở xem xét cấp tín dụng cho Công ty TBTP vay số tiền 31 tỷ đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 13%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn thanh toán tiền nhập khẩu hàng hóa theo LC số 01130740003, tổng trị giá 1.652.000USD, tài sản bảo đảm là tín chấp. Ngày 24/5/2013, Nguyễn Thị Ngọc V - Phó Tổng Giám đốc ký kiểm soát và trình cho Trần Phương B, Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng tín dụng DAB phê duyệt đồng ý cho vay.

Nội dung tờ trình đề nghị cho vay vốn thể hiện, tại thời điểm phát sinh khoản vay này, dư nợ của Công ty TBTP tại DAB là 148,860 tỷ đồng, tài sản bảo đảm không có.

Ngày 25/5/2013, Nguyễn Văn Thuận, Phó Giám đốc DAB Sở giao dịch và ông Bùi Văn D ký Hợp đồng vay số H.6882/1. Cùng ngày, DAB Sở giao dịch giải ngân 31 tỷ đồng cho Công ty TBTP. Số tiền được giải ngân này, cùng với số tiền 5,355 tỷ đồng trích từ tài khoản số 007857230005 của Công ty TBTP mở tại DAB, Công ty TBTP đã sử dụng 36,355 tỷ đồng để mua 1.728.743,66 USD, chuyển ký quỹ thanh toán L/C số 000LC01130740003 để mua phế liệu của đối tác

phía Singapore theo Hợp đồng mua bán và hóa đơn thương mại giữa Công ty TBTP với Công ty phía Singapore (*LC thanh toán tiền cho đối tác nước ngoài qua DAB của Công ty TBTP đã được DAB phê duyệt đồng ý ngày 15/3/2013*).

Công ty TBTP thanh toán cho DAB số tiền là 9.135.000.000 đồng, gồm 4.080.000.000 đồng tiền gốc và 5.055.000.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 24/12/2018, công ty TBTP còn dư nợ 45.583.785.556 đồng, gồm 26.920.000.000 đồng tiền gốc và 18.663.785.556 đồng tiền lãi.

2. Khoản vay 33 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số 00001H7121/1 ngày 13/9/2013 của Công ty TBTP.

Ngày 12/3/2013, ông Bùi Văn D ký giấy đề nghị DAB cho vay số tiền 33 tỷ đồng nhằm mục đích thanh toán tiền cho Hợp đồng mua phế liệu số SR12221 ngày 08/03/2013, thời hạn vay 12 tháng. Tài sản bảo đảm là toàn bộ tài sản đang thế chấp, cầm cố, tín chấp tại DAB hoặc chính lô hàng nhập khẩu.

Ngày 06/9/2013, Nguyễn Thị Hồng Nhung, Vũ Thị Thanh Hoa và Nguyễn Đức T lập, ký tờ trình hồ sơ vay vốn ngắn hạn trình lãnh đạo DAB Hội sở xem xét cấp tín dụng cho Công ty TBTP vay số tiền 33 tỷ đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 12%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn thanh toán tiền nhập khẩu hàng hóa theo LC số 01130740004, trị giá 1.754.717,53 USD, tài sản bảo đảm là tín chấp. Ngày 12/9/2013, Lương Ngọc Quý Phó Chủ tịch HĐQT có ý kiến trong tờ trình về việc tài sản bảo đảm đối với khoản vay là không có (do hàng đã giao cho Công ty Đồng Tiến để sản xuất), nguồn thanh toán là từ tiền bán hàng của Công ty Đồng Tiến thanh toán cho Công ty TBTP. Ngày 13/9/2013, Nguyễn Thị Kim Xuyên, Phó chủ tịch thường trực Hội đồng tín dụng ký và trình Chủ tịch Hội đồng tín dụng, trong đó tài sản bảo đảm là chính lô hàng nhập khẩu để tại kho Công ty Thép Đồng Tiến, cho phép Công ty Thép Đồng Tiến được dùng phôi thép hoán đổi tài sản để đưa nguyên liệu, phế liệu vào sản xuất. Ngày 13/9/2013, Trần Phương B, Chủ tịch Hội đồng tín dụng ký phê duyệt đồng ý cho vay.

Nội dung Tờ trình đề nghị cho vay vốn thể hiện, tại thời điểm phát sinh khoản vay này, dư nợ của Công ty TBTP tại DAB là 99.600.000.000 đồng, không có tài sản bảo đảm.

Ngày 13/9/2013, Nguyễn Đức T và ông Bùi Văn D ký Hợp đồng vay số H.7121/1. Cùng ngày DAB Sở giao dịch giải ngân 33 tỷ đồng cho Công ty TBTP để mua 1.561.021,76 USD, chuyển ký quỹ thanh toán L/C số 000LC01130740004 để mua phế liệu của đối tác Singapore theo Hợp đồng mua bán và hóa đơn thương mại giữa Công ty TBTP với Công ty phía Singapore (*LC thanh toán tiền cho đối tác nước ngoài qua DAB của Công ty TBTP đã được DAB phê duyệt đồng ý ngày 15/3/2013*).

Công ty TBTP đã thanh toán cho DAB 4.091.000.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 24/12/2018, Công ty TBTP còn dư nợ 55.909.333.333 đồng, gồm 33.000.000.000 đồng tiền gốc và 22.909.333.333 đồng tiền lãi.

3. Khoản vay 38,1 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số 00001H6954/1 ngày

24/6/2013 của Công ty TBTP.

Ngày 24/4/2013, ông Bùi Văn D ký giấy đề nghị DAB cho vay số tiền 38,475 tỷ đồng nhằm mục đích thanh toán tiền cho Hợp đồng mua phế liệu số SA13044 ký ngày 18/4/2013, thời hạn vay 12 tháng. Tài sản bảo đảm là toàn bộ tài sản đang thế chấp, cầm cố, tín chấp tại DAB hoặc chính lô hàng nhập khẩu.

Ngày 18/6/2013, Nguyễn Thị Hồng Nhung, Vũ Thị Thanh Hoa và Nguyễn Đức T lập, ký tờ trình hồ sơ vay vốn ngắn hạn trình lãnh đạo DAB Hội sở xem xét cấp tín dụng cho Công ty TBTP vay số tiền 38,1 tỷ đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 13%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn thanh toán tiền nhập khẩu hàng hóa theo LC số 01131340001, tổng trị giá 2.014.320 USD, tài sản bảo đảm là tín chấp. Ngày 18/6/2013, Nguyễn Thị Ngọc V ký kiểm soát tờ trình và trình cho Trần Phương B phê duyệt đồng ý cho vay.

Nội dung tờ trình đề nghị cho vay vốn thể hiện, tại thời điểm phát sinh khoản vay này, dư nợ của Công ty TBTP tại DAB là 97,260 tỷ đồng, tài sản bảo đảm không có.

Ngày 24/6/2013, Nguyễn Văn Thuận và ông Bùi Văn D ký Hợp đồng tín dụng số H.6954/. Cùng ngày, DAB Sở giao dịch giải ngân 38,1 tỷ đồng cho Công ty này. Số tiền được giải ngân này, cùng với số tiền 3,513 tỷ đồng trích từ tài khoản số 007857230005 của Công ty TBTP mở tại DAB, Công ty TBTP đã sử dụng 41,613 tỷ đồng để mua 1.978.180,83 USD, chuyển ký quỹ thanh toán L/C số 000LC01131340001 để mua phế liệu của đối tác Singapore theo Hợp đồng mua bán và hóa đơn thương mại giữa Công ty TBTP với Công ty phía Singapore (LC thanh toán tiền cho đối tác nước ngoài qua DAB của Công ty TBTP đã được DAB phê duyệt đồng ý ngày 14/5/2013).

Công ty TBTP đã thanh toán nợ cho DAB 658 triệu đồng tiền lãi. Đến ngày 24/12/2018, Công ty TBTP còn dư nợ 64.375.779.167 đồng, gồm 38.100.000.000 đồng tiền gốc và 26.257.779.167 đồng tiền lãi.

4. Khoản vay 21 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số 00001H6883/1 ngày 25/5/2013 của công ty Đồng Tiến.

Ngày 22/5/2013, ông Trần Quang K ký giấy đề nghị DAB cho vay số tiền 25 tỷ đồng nhằm mục đích để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 09 tháng. Tài sản bảo đảm là toàn bộ tài sản đang thế chấp, cầm cố, tín chấp tại DAB.

Ngày 22/5/2013, Nguyễn Thị Hồng Nhung, Vũ Thị Thanh Hoa và Nguyễn Đức T lập, ký tờ trình hồ sơ vay vốn ngắn hạn trình lãnh đạo DAB Hội sở xem xét cấp tín dụng cho Công ty Đồng Tiến vay số tiền 21 tỷ đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 13%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, tài sản bảo đảm là tín chấp. Ngày 24/5/2013, Nguyễn Thị Ngọc V ký kiểm soát tờ trình và trình cho Trần Phương B phê duyệt đồng ý cho vay.

Nội dung Tờ trình đề nghị cho vay vốn thể hiện, tại thời điểm phát sinh khoản vay này, dư nợ của Công ty Đồng Tiến tại DAB là 670,210 tỷ đồng, tài sản bảo đảm là bất động sản và hàng hóa tồn kho trị giá là 335,172 tỷ đồng (gồm

190,815 tỷ đồng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, 144,357 tỷ đồng hàng hóa tồn kho), dư nợ không có tài sản bảo đảm là 344,578 tỷ đồng.

Ngày 25/5/2013, Nguyễn Văn Thuận và ông Trần Quang K ký Hợp đồng vay số H.6883/1. Cùng ngày, DAB Sở giao dịch giải ngân số tiền 21 tỷ đồng chuyển vào tài khoản số 007857230005 của công ty TBTP mở tại DAB Sở giao dịch để thanh toán tiền cho công ty Đồng Tiến mua phế liệu nhập khẩu của công ty TBTP theo hóa đơn GTGT số 0000152 ngày 17/5/2013.

Công ty Đồng Tiến đã thanh toán cho DAB 22,72 tỷ đồng, gồm 20,999 tỷ đồng tiền gốc và 1,721 tỷ đồng tiền lãi. Đến ngày 24/12/2018, công ty Đồng Tiến còn dư nợ 3.294.107.638 đồng, gồm 1.000.000 đồng tiền gốc và 3.293.110.846 đồng tiền lãi.

5. Khoản vay 31 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số 00001H6900/1 ngày 31/5/2013 của công ty Đồng Tiến

Ngày 30/5/2013, ông Trần Quang K, ký giấy đề nghị DAB cho vay số tiền 32 tỷ đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 09 tháng. Tài sản bảo đảm là toàn bộ tài sản đang thế chấp, cầm cố, tín chấp tại DAB.

Cùng ngày, Nguyễn Thị Hồng Nhung, Vũ Thị Thanh Hoa và Nguyễn Đức T lập, ký tờ trình hồ sơ vay vốn ngắn hạn trình lãnh đạo DAB Hội sở xem xét cấp tín dụng cho công ty Đồng Tiến vay số tiền 31 tỷ đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 13%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, tài sản bảo đảm là tín chấp. Ngày 31/5/2013, Nguyễn Thị Ngọc V ký kiểm soát tờ trình và trình cho Trần Phương B phê duyệt đồng ý cho vay.

Nội dung tờ trình đề nghị cho vay vốn thể hiện, tại thời điểm phát sinh khoản vay này, dư nợ của Công ty Đồng Tiến tại DAB là 662,779 tỷ đồng, tài sản bảo đảm là bất động sản và hàng hóa tồn kho là 351,909 tỷ đồng (gồm 190,815 tỷ đồng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, 161,094 tỷ đồng hàng hóa tồn kho), dư nợ không có tài sản bảo đảm là 322,945 tỷ đồng.

Ngày 31/5/2013, Nguyễn Đức T và ông Trần Quang K ký Hợp đồng vay số H.6900/1. Cùng ngày, DAB Sở giao dịch giải ngân số tiền 31 tỷ đồng chuyển vào tài khoản số 007857230005 của công ty TBTP mở tại DAB Sở giao dịch để thanh toán tiền cho công ty Đồng Tiến mua phế liệu nhập khẩu của công ty TBTP theo hóa đơn GTGT số 0000153 ngày 30/5/2013.

Công ty Đồng Tiến đã thanh toán cho DAB 19,34 tỷ đồng, gồm 17,104 tỷ đồng tiền gốc và 2,237 tỷ đồng tiền lãi. Đến ngày 24/12/2018, công ty Đồng Tiến còn dư nợ 13.896.200.000 đồng tiền gốc và 14.467.258.574 đồng tiền lãi.

6. Khoản vay 25 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số 00001H6955/1 ngày 25/6/2013 của Công ty Đồng Tiến

Ngày 18/6/2013, ông Trần Quang K ký giấy đề nghị DAB cho vay số tiền 25 tỷ đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 09 tháng. Tài sản bảo đảm là toàn bộ tài sản đang thế chấp, cầm cố, tín chấp tại DAB.

Ngày 17/6/2013, Nguyễn Thị Hồng Nhung, Vũ Thị Thanh Hoa và Nguyễn Đức T lập, ký tờ trình hồ sơ vay vốn ngắn hạn trình lãnh đạo DAB Hội sở xem xét cấp tín dụng cho công ty Đồng Tiến vay số tiền 25 tỷ đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 13%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, tài sản bảo đảm là tín chấp. Ngày 24/6/2013, Nguyễn Thị Ngọc V ký kiểm soát và trình cho Trần Phương B phê duyệt đồng ý cho vay.

Nội dung tờ trình đề nghị cho vay vốn thể hiện, tại thời điểm phát sinh khoản vay này, dư nợ của Công ty Đồng Tiến tại DAB là 698,253 tỷ đồng, tài sản bảo đảm là bất động sản và hàng hóa tồn kho là 325,858 tỷ đồng (gồm 190,815 tỷ đồng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, 135,043 tỷ đồng hàng hóa tồn kho), dư nợ không có tài sản bảo đảm là 426,714 tỷ đồng.

Ngày 25/6/2013, Nguyễn Văn Thuận và ông Trần Quang K ký Hợp đồng vay số H.6955/1. Cùng ngày, DAB Sở giao dịch giải ngân 23,2 tỷ đồng cho công ty Đồng Tiến để thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ cho 31 đối tác.

Ngày 29/6/2013, DAB Sở giao dịch tiếp tục giải ngân số tiền 1,8 tỷ đồng chuyển vào tài khoản số 007857230005 của công ty TBTP mở tại DAB Sở giao dịch để thanh toán tiền cho công ty Đồng Tiến mua phế liệu sắt thép của công ty TBTP theo hóa đơn GTGT số 0000154 ngày 10/6/2013.

Công ty Đồng Tiến đã thanh toán cho DAB 1,767 tỷ đồng tiền lãi. Đến ngày 24/12/2018, Công ty Đồng Tiến còn dư nợ 44.303.000.000 đồng, gồm 25.000.000.000 đồng tiền gốc và 19.303.000.000 đồng tiền lãi.

7. Khoản vay 20 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số 00001H7019/1 ngày 23/7/2013 của Công ty Đồng Tiến

Ngày 15/7/2013, ông Trần Quang K ký giấy đề nghị DAB cho vay số tiền 20 tỷ đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 09 tháng. Tài sản bảo đảm là toàn bộ tài sản đang thế chấp, cầm cố, tín chấp tại DAB.

Ngày 16/7/2013, Nguyễn Thị Hồng Nhung, Vũ Thị Thanh Hoa và Nguyễn Đức T lập, ký tờ trình hồ sơ vay vốn ngắn hạn trình lãnh đạo DAB Hội sở xem xét cấp tín dụng cho công ty Đồng Tiến vay số tiền 20 tỷ đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 12%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, tài sản bảo đảm là tín chấp. Ngày 17/7/2013, Lương Ngọc Quý – Thành viên Hội đồng tín dụng ký Tờ trình, trong đó phần ghi tài sản bảo đảm là không có tài sản và trình Trần Phương B phê duyệt đồng ý cho vay.

Nội dung Tờ trình đề nghị cho vay vốn thể hiện, tại thời điểm phát sinh khoản vay này, dư nợ của công ty Đồng Tiến tại DAB là 651,663 tỷ đồng, tài sản bảo đảm là bất động sản và hàng hóa tồn kho là 309,966 tỷ đồng (gồm 190,815 tỷ đồng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, 119,151 tỷ đồng hàng hóa tồn kho), dư nợ không có tài sản bảo đảm là 352,804 tỷ đồng.

Ngày 23/7/2013, Nguyễn Văn Thuận và ông Trần Quang K ký Hợp đồng tín dụng số H.7019/1. Cùng ngày, DAB Sở giao dịch giải ngân số tiền 18,453 tỷ đồng để công ty Đồng Tiến lập các Ủy nhiệm chi chuyển trả cho 31 khách hàng.

Ngày 29/7/2013, DAB Sở giao dịch tiếp tục giải ngân số tiền 1,547 tỷ đồng chuyển vào tài khoản số 007857230005 của công ty TBTP mở tại DAB Sở giao dịch để thanh toán tiền cho công ty Đồng Tiến mua phế liệu sắt thép của công ty TBTP theo hóa đơn GTGT số 0000157 ngày 12/7/2013.

Công ty Đồng Tiến đã thanh toán cho DAB 1,21 tỷ đồng tiền lãi. Đến ngày 24/12/2018, công ty Đồng Tiến còn dư nợ 35.366.388.886 đồng, gồm 20.000.000.000 đồng tiền gốc và 15.366.388.886 đồng tiền lãi.

8. Khoản vay 40 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số 00001H7020/1 ngày 23/7/2013 của Công ty Đồng Tiến

Ngày 12/7/2013, ông Trần Quang K ký giấy đề nghị DAB cho vay số tiền 45 tỷ đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 09 tháng. Tài sản bảo đảm là toàn bộ tài sản đang thế chấp, cầm cố, tín chấp tại DAB.

Ngày 15/7/2013, Nguyễn Thị Hồng Nhung, Vũ Thị Thanh Hoa và Nguyễn Đức T lập, ký Tờ trình hồ sơ vay vốn ngắn hạn trình lãnh đạo DAB Hội sở xem xét cấp tín dụng cho công ty Đồng Tiến vay số tiền 40 tỷ đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 12%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, tài sản bảo đảm là tín chấp. Ngày 17/7/2013, Lương Ngọc Quý ký tờ trình của DAB Sở giao dịch, trong đó phân ghi tài sản bảo đảm là không có tài sản, trình cho Trần Phương B phê duyệt đồng ý cho vay.

Nội dung tờ trình đề nghị cho vay vốn thể hiện, tại thời điểm phát sinh khoản vay này, dư nợ của công ty Đồng Tiến tại DAB là 677,483 tỷ đồng, tài sản bảo đảm là bất động sản và hàng hóa tồn kho là 309,966 tỷ đồng (gồm 190,815 tỷ đồng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, 119,151 tỷ đồng hàng hóa tồn kho), dư nợ không có tài sản bảo đảm là 378,624 tỷ đồng.

Ngày 23/7/2013, Nguyễn Văn Thuận và ông Trần Quang K ký Hợp đồng vay số H.7020/1. Cùng ngày, và DAB Sở giao dịch giải ngân 40 tỷ đồng để công ty Đồng Tiến để thanh toán 2,561 tỷ đồng tiền điện cho Tổng công ty Điện lực Miền Nam; thanh toán 0,29 tỷ đồng cho công ty TNHH SXTM Cơ khí Nguyễn Anh; chuyển 37,073 tỷ đồng vào tài khoản số 007857230005 của công ty TBTP mở tại DAB Sở giao dịch để thanh toán tiền mua phế liệu sắt thép theo hóa đơn GTGT số 0000154 ngày 10/6/2013 và hóa đơn GTGT số 0000157 ngày 12/7/2013.

Công ty Đồng Tiến đã thanh toán nợ cho DAB 2,427 tỷ đồng tiền lãi. Đến ngày 24/12/2018 còn nợ 70.732.777.779 đồng, gồm 40.000.000.000 đồng tiền gốc và 30.732.777.779 đồng tiền lãi.

9. Khoản vay 15 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số 00001H7052/1 ngày 07/8/2013 của Công ty Đồng Tiến

Ngày 26/7/2013, ông Trần Quang K ký giấy đề nghị DAB cho vay số tiền 15 tỷ đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 09 tháng. Tài sản bảo đảm là toàn bộ tài sản đang thế chấp, cầm cố, tín chấp tại DAB.

Ngày 29/7/2013, Nguyễn Đăng Khoa - Nhân viên tín dụng, Vũ Thị Thanh

Hoa và Nguyễn Đức T lập, ký tờ trình hồ sơ vay vốn ngắn hạn trình lãnh đạo DAB Hội sở xem xét cấp tín dụng cho công ty Đồng Tiến vay số tiền 15 tỷ đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 12%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, tài sản bảo đảm là tín chấp. Ngày 07/8/2013, Lương Ngọc Quý, Nguyễn Thị Kim Xuyên - Phó Tổng Giám đốc ký đồng ý nội dung tờ trình của DAB Sở giao dịch, trong đó phần ghi tài sản bảo đảm là không có tài sản; trình cho Trần Phương B phê duyệt đồng ý cho vay.

Nội dung tờ trình đề nghị cho vay vốn thể hiện, tại thời điểm phát sinh khoản vay này, dư nợ của Công ty Đồng Tiến tại DAB là 695,446 tỷ đồng, tài sản bảo đảm là bất động sản và hàng hóa tồn kho là 309,966 tỷ đồng (gồm 190,815 tỷ đồng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, 119,151 tỷ đồng hàng hóa tồn kho), dư nợ không có tài sản bảo đảm là 378,624 tỷ đồng.

Ngày 07/8/2013, Nguyễn Đức T và ông Trần Quang K ký Hợp đồng tín dụng số H.7052/1. Cùng ngày, DAB Sở giao dịch giải ngân 4,41 tỷ đồng cho công ty Đồng Tiến để thanh toán 3,049 tỷ đồng tiền điện cho công ty Điện lực Miền Nam; thanh toán 64 triệu đồng tiền điện cho Điện lực Tân Thành; thanh toán 0,798 tỷ đồng tiền lương công nhân tháng 6/2013; thanh toán 0,343 tỷ đồng cho công ty Petec; thanh toán 0,16 tỷ đồng cho công ty Nam Ứng.

Ngày 08/8/2013, DAB Sở giao dịch tiếp tục giải ngân 1,8 tỷ đồng (tương đương 99.400 USD) cho công ty Đồng Tiến để thanh toán tiền mua hàng cho đối tác Trung Quốc theo L/C số 000LC01131770006, theo hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại giữa công ty Đồng Tiến với công ty Hong Kong Rutine Carbon Material tại Trung Quốc (*LC thanh toán tiền cho đối tác nước ngoài qua DAB của Công ty Đồng Tiến đã được DAB duyệt đồng ý ngày 26/6/2013*).

Ngày 12/8/2013 và ngày 29/8/2013, DAB Sở giao dịch giải ngân 6,97 tỷ đồng chuyển vào tài khoản số 007857230005 của công ty TBTP mở tại DAB Sở giao dịch để thanh toán tiền cho công ty Đồng Tiến mua phế liệu sắt thép của công ty TBTP theo hóa đơn GTGT số 0000157 ngày 12/7/2013.

Ngày 03/9/2013, DAB Sở giao dịch giải ngân 1,82 tỷ đồng cho công ty Đồng Tiến để thanh toán 980 triệu đồng tiền lương tạm ứng tháng 07/2013; thanh toán 200 triệu đồng cho công ty Petec; thanh toán 160 triệu đồng cho công ty cổ phần VT&DV Petrolimex SG; thanh toán 100 triệu đồng cho công ty Trần Khánh Linh; thanh toán 193 triệu đồng cho công ty Dầu điều Ngọc Tú; thanh toán 117 triệu đồng cho công ty Điện lực Tân Thành; thanh toán 72 triệu đồng cho Nguyễn Thị Nga.

Công ty Đồng Tiến đã thanh toán nợ cho DAB 264 triệu đồng tiền lãi. Đến ngày 24/12/2018 còn nợ 26.421.666.667 đồng, gồm 15.000.000.000 đồng tiền gốc và 11.421.666.667 đồng tiền lãi.

10. Khoản vay 11 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số 00001H7053/1 ngày 21/8/2013 của Công ty Đồng Tiến

Ngày 01/8/2013, ông Trần Quang K ký giấy đề nghị DAB cho vay số tiền

11 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 09 tháng. Tài sản bảo đảm là toàn bộ tài sản đang thế chấp, cầm cố, tín chấp tại DAB.

Ngày 03/8/2013, Nguyễn Thị Hồng Nhung, Vũ Thị Thanh Hoa và Nguyễn Đức T lập, ký tờ trình hồ sơ vay vốn ngắn hạn trình lãnh đạo DAB Hội sở xem xét cấp tín dụng cho công ty Đồng Tiến vay số tiền 11 tỷ đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 12%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, tài sản bảo đảm là tín chấp. Ngày 07/8/2013, Lương Ngọc Quý và Nguyễn Thị Kim Xuyên đồng ý nội dung tờ trình của DAB Sở giao dịch, trong đó phần ghi tài sản bảo đảm là không có tài sản; ký trình Trần Phương B phê duyệt đồng ý cho vay.

Nội dung tờ trình đề nghị cho vay vốn thể hiện, tại thời điểm phát sinh khoản vay này, dư nợ của công ty Đồng Tiến tại DAB là 685,533 tỷ đồng, tài sản bảo đảm là bất động sản và hàng hóa tồn kho là 306,471 tỷ đồng (gồm 190,815 tỷ đồng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, 115,656 tỷ đồng hàng hóa tồn kho), dư nợ không có tài sản bảo đảm là 431,442 tỷ đồng.

Ngày 21/8/2013, Nguyễn Văn Thuận và ông Trần Quang K ký Hợp đồng vay số H.7053/1. Cùng ngày, DAB Sở giao dịch giải ngân 11 tỷ đồng vào tài khoản số 007857230005 của công ty TBTP mở tại DAB Sở giao dịch để thanh toán tiền cho công ty Đồng Tiến mua phế liệu sắt thép của công ty TBTP theo hóa đơn GTGT số 0000157 ngày 12/7/2013.

Công ty Đồng Tiến đã thanh toán cho DAB 658 triệu đồng tiền lãi. Khoản vay trên đến ngày 24/12/2018 còn dư nợ 19.300.263.889 đồng, gồm 11.000.000.000 đồng tiền gốc và 8.300.263.889 đồng tiền lãi.

11. Đối với các khoản vay khác còn dư nợ tại DAB và trách nhiệm của một số đối tượng có liên quan.

11.1. Đối với 48 khoản vay có tài sản thế chấp là sắt thép phế liệu và bất động sản.

Từ ngày 26/9/2013 đến ngày 21/7/2015, DAB đã làm thủ tục cho nhóm khách hàng Đồng Tiến vay tổng cộng 334,19 tỷ đồng theo 21 Hợp đồng vay vốn, tài sản thế chấp là 45.307,64 tấn sắt thép phế liệu, trị giá 360,02 tỷ đồng. Tính đến ngày 24/12/2018, 21 hợp đồng còn dư nợ gốc: 298,61 tỷ đồng và 159,70 tỷ đồng nợ lãi.

Từ ngày 29/6/2012 đến ngày 07/4/2015, DAB đã làm thủ tục cho nhóm khách hàng Đồng Tiến vay tổng cộng 556,154 tỷ đồng theo 27 Hợp đồng vay vốn, trị giá tài sản thế chấp là 630,676 tỷ đồng. Tính đến ngày 24/12/2018, 27 hợp đồng còn dư nợ 482.956.063.357 đồng nợ gốc và 330.167.923.202 đồng nợ lãi.

Để thực hiện nghĩa vụ đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, quá trình vay vốn nhóm khách hàng Đồng Tiến đã thế chấp, cầm cố cho DAB các tài sản là bất động sản, tài sản gắn liền trên đất, máy móc thiết bị tại địa bàn TP Hồ Chí Bà Nguyễn Thị M và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, sắt thép phế liệu hình thành từ vốn vay. Tổng trị giá tài sản tại thời điểm thế chấp là 990,696 tỷ đồng. Kết quả định giá tài sản trong tổ tụng hình sự đối với các tài sản thế chấp như sau:

- Ngày 19/4/2019, Hội đồng định giá tài sản trong TTHS tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có Kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐGTS, xác định giá trị quyền sử dụng đất, nhà cửa vật kiến trúc, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, hàng hóa tồn kho tại Nhà máy Thép Đồng Tiến ở xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại thời điểm định giá là 243.229.251.000 đồng.

- Ngày 13/8/2019, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự TP Hồ Chí Minh Bà Nguyễn Thị M có Kết luận định giá tài sản số 5009/KL-HĐĐGTS, xác định giá trị 11 nhóm tài sản gồm 16 quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có giá trị tại thời điểm định giá là 241.402.835.766 đồng. Trị giá này không bao gồm giá trị tài sản là quyền sử dụng 6.101,00^{m²} đất thuê 50 năm tại địa chỉ số 133/18 và 133/18A Phạm Văn Chiêu, Phường 15, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh Bà Nguyễn Thị M (nay là 143/12 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình). Tài sản này, DAB thuê Công ty cổ phần thẩm định giá Exim định giá độc lập, trị giá 121 tỷ đồng.

Kết quả điều tra xác định: Tại thời điểm cấp tín dụng cho 48 khoản vay trên có tài sản đảm bảo là sắt thép phế liệu nhập khẩu và mua bán trong nước và bất động sản, máy móc thiết bị, khi xét duyệt cấp tín dụng, lãnh đạo và nhân viên DAB có ký các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, xét duyệt cho vay có căn cứ vào phương án sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Sau khi giải ngân, tiền vay được sử dụng để thanh toán mua máy móc thiết bị, bổ sung vốn lưu động, đúng mục đích vay vốn. Mặc dù điều kiện cấp tín dụng tại thời điểm xét duyệt cho vay của các doanh nghiệp đang trong tình trạng thua lỗ, nhưng đã sử dụng tiền đúng mục đích vay, có tài sản bảo đảm để thế chấp, không có hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền của DAB, nhà máy thép Đồng Tiến ngừng hoạt động do điều kiện hoàn cảnh khách quan, doanh nghiệp không có nguồn thu để trả nợ. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an không đủ căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với lãnh đạo và nhân viên DAB trong việc cấp tín dụng đối với 48 khoản vay này.

11.2. Đối với một số cá nhân có liên quan

Đối với 06 đối tượng là lãnh đạo, nhân viên của DAB thực hiện theo chỉ đạo của Trần Phương B, lập hồ sơ và đề xuất cấp tín dụng dưới hình thức tín chấp cho nhóm khách hàng Đồng Tiến vay vốn, gồm: Nguyễn Thị Kim Xuyên, Lương Ngọc Quý, Nguyễn Văn Thuận, Vũ Thị Thanh Hoa, Nguyễn Thị Hồng Nhung và Nguyễn Đăng Khoa, xét các đối tượng làm công ăn lương, lập tờ trình và ký một số hồ sơ vay theo chỉ đạo của Trần Phương B, không được hưởng lợi nên Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an không khởi tố bị can để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với ông Trần Quang K và ông Bùi Văn D là Giám đốc các Công ty thuộc Nhóm khách hàng Đồng Tiến, tài liệu điều tra xác định: Tình trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp này liên tục bị thua lỗ là do phải đầu tư xây dựng nhà máy thép Đồng Tiến, hàng năm doanh nghiệp đều có báo cáo tài chính được kiểm toán gửi DAB. Các doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn thực và

đã sử dụng vốn đúng mục đích vay, tiền vay được DAB giải ngân vào tài khoản của các doanh nghiệp này mở tại DAB; phế liệu sắt thép được sản xuất thành phôi thép bán cho đối tác và được chuyển tiền về tài khoản của Công ty Đồng Tiến mở tại DAB và DAB thực hiện cắt trừ để thu hồi nợ cho các khoản vay trước đó còn dư nợ. Nhà máy Thép Đồng Tiến ngừng hoạt động do không còn vốn lưu động để sản xuất kinh doanh khi vận hành khai thác, dẫn đến các khoản vay này còn dư nợ. Xét thấy, khi lập hồ sơ đề nghị vay vốn đều thực hiện theo đúng quy định, sử dụng tiền vay đúng mục đích, không có hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền thông qua các khoản vay. Không có căn cứ để xác định những người này đã thỏa thuận, bàn bạc với Trần Phương B và các đối tượng tại DAB để rút tiền vay. Do vậy, Cơ quan điều tra không khởi tố bị can để xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Trần Quang K và ông Bùi Văn D.

IV. Hành vi liên quan đến nhóm Tân Vạn Hưng.

Nhóm khách hàng Tân Vạn Hưng do ông Huỳnh Bá Thành (hiện đã chết) chỉ đạo và điều hành, gồm 02 pháp nhân và 01 cá nhân sau: Công ty TNHH Tân Vạn Hưng (viết tắt là công ty Tân Vạn Hưng) thành lập ngày 12/06/2000; Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng Kim Hiền (viết tắt là DNTN Kim Hiền) thành lập ngày 22/09/1994, chủ doanh nghiệp là bà Nguyễn Thị M - Em ruột bà Vũ Thị L và cá nhân bà Nguyễn Thị Thu T - Con dâu của vợ chồng ông Thành, bà Vũ Thị L.

Năm 2009, DAB chi nhánh Quận 10 nhiều lần cho nhóm Tân Vạn Hưng vay vàng để kinh doanh. Để đảm bảo tỷ lệ nợ quá hạn tại DAB ở mức cho phép nên Trần Phương B đã chỉ đạo DAB Chi nhánh Quận 10 chuyển dư nợ của các khoản vay vàng của Công ty Tân Vạn Hưng và DNTN Kim Hiền về DAB Sở giao dịch để cơ cấu. Tháng 12/2012, khi đến hạn trả nợ, để tránh nợ xấu cho ngân hàng, Trần Phương B tiếp tục chỉ đạo Nguyễn Đức T – Giám đốc DAB Sở giao dịch cơ cấu các khoản vay vàng đến hạn thành dư nợ VNĐ và cho vay 02 khoản vay mới không có tài sản đảm bảo. Ngoài ra, Bình còn chỉ đạo Tài giải chấp tài sản đảm bảo đối với khoản vay 53,4 tỷ đồng của Nguyễn Thị Thu T tại DAB Sở giao dịch gây thiệt hại cho DAB tổng cộng 1.269.197.517.248 đồng, cụ thể như sau:

1. Khoản vay của Công ty Tân Vạn Hưng gây thiệt hại 1.000.857.407.165 đồng cho DAB.

Trong năm 2009, công ty Tân Vạn Hưng đã ký 06 hợp đồng tín dụng ngắn hạn vay vàng tại DAB Chi nhánh Quận 10, cụ thể: Vay 4.000 chỉ vàng theo Hợp đồng tín dụng số H0014/4 ngày 14/04/2009, không có tài sản đảm bảo; vay 25.000 chỉ vàng theo Hợp đồng tín dụng số H0015/4 ngày 24/04/2009, đủ tài sản đảm bảo; vay 55.100 chỉ vàng theo Hợp đồng tín dụng số H0017/4 ngày 18/5/2009, đủ tài sản đảm bảo; vay 12.000 chỉ vàng theo Hợp đồng tín dụng số H0016/4 ngày 11/7/2009, tài sản đảm bảo cho dư nợ 6.950 chỉ vàng, còn lại 5.050 chỉ vàng vay tín chấp; vay 10.000 chỉ vàng theo Hợp đồng tín dụng số H0018/4 ngày 23/7/2009, đủ tài sản đảm bảo; 26.000 chỉ vàng theo Hợp đồng tín dụng số H0020/4 ngày 03/9/2009, đủ tài sản đảm bảo. Đến ngày 13/01/2010, các khoản vay được chuyển về DAB Sở giao dịch.

Sau đó, DAB Sở giao dịch cơ cấu 06 khoản vay nêu trên thành khoản 05 khoản vay gồm: 29.000 chỉ vàng theo Hợp đồng tín dụng H0058/4 ngày 28/4/2010, tài sản đảm bảo nhà 13 - 15 Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP Hồ Chí Bà Nguyễn Thị M; 55.000 chỉ vàng theo Hợp đồng tín dụng H0059/4 ngày 01/6/2010; 12.000 chỉ vàng theo Hợp đồng tín dụng số H0062/4 ngày 14/7/2010; 31 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số H5588/4 ngày 29/01/2011 và 24.000 chỉ vàng theo Hợp đồng tín dụng số H0065/4 ngày 31/8/2010; tài sản đảm bảo của 04 khoản vay còn lại nằm trong tổng tài sản thế chấp tại DAB. Công ty Tân Vạn Hưng không bổ sung thêm tài sản đảm bảo mới. Ngoài ra, DAB Sở giao dịch còn cho Công ty Tân Vạn Hưng vay mới 7.000 chỉ vàng theo Hợp đồng tín dụng số H0060/4 ngày 09/6/2010, không có tài sản đảm bảo.

Tháng 12/2012, trên cơ sở đề nghị của ông Huỳnh Bá Thành, Nguyễn Thị Hồng Nhung, nhân viên tín dụng và Trần Thanh Sang, Phó Trưởng Phòng tín dụng đã đề xuất Nguyễn Đức T và Trần Phương B phê duyệt đồng ý cho Công ty Tân Vạn Hưng cơ cấu từ 06 hợp đồng tín dụng ngắn hạn thành 3 hợp đồng tín dụng trung hạn, cụ thể: Hợp đồng tín dụng trung hạn số H0328/12 ngày 25/12/2012 được cơ cấu từ hợp đồng tín dụng: số H0058/4 ngày 28/4/2010 với dư nợ gốc 20.616 chỉ vàng và một phần nợ gốc của hợp đồng tín dụng số H0059/4 ngày 01/6/2010 là 18.744 chỉ vàng, quy đổi ra VNĐ là 183.299.520.000 đồng, còn dư nợ 65.929.520.000 đồng; Hợp đồng tín dụng trung hạn số H0329/12 ngày 26/12/2012 được cơ cấu từ một phần dư nợ gốc của hợp đồng H0059/4 ngày 01/6/2010 là 36.256 chỉ vàng, nợ gốc của hợp đồng H0060/4 ngày 09/6/2010 là 7.000 chỉ vàng và nợ gốc của hợp đồng H0062/4 là 12.000 chỉ vàng, quy đổi ra VNĐ là 257.050.912.000 đồng; Hợp đồng tín dụng trung hạn số: H0331/12 ngày 27/12/2012 được cơ cấu từ hợp đồng ngắn hạn số H0065/4 ngày 31/8/2010, nợ gốc 24.000 chỉ vàng và số H5588/1 ngày 29/01/2011, nợ gốc 28.300.000.000 đồng, quy đổi ra VNĐ là 139.300.000.000 đồng.

Tổng dư nợ của 03 hợp đồng tín dụng trung hạn nêu trên là 579.650.432.000 đồng. Tài sản đảm bảo chung cho 03 hợp đồng này gồm 11 bất động sản, tổng trị giá 235.364.000.000 đồng. DAB đã xử lý 05 tài sản đảm bảo để thu nợ khoản vay theo hợp đồng tín dụng trung hạn số: H0328/12 ngày 25/12/2012 số tiền 117.370.000.000 đồng, khoản vay này còn dư nợ 65.929.520.000 đồng (183.299.520.000 đồng – 117.370.000.000 đồng).

Hiện nay, 03 hợp đồng tín dụng trung hạn nêu trên còn dư nợ gốc 462.280.432.000 đồng. Tài sản đảm bảo chung cho 03 hợp đồng tín dụng này còn lại 06 bất động sản gồm: Nhà, đất tại 85 Chế Lan Viên, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú; Nhà, đất tại 92 Dương Đức Hiền, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú; Nhà, đất tại 368B Trần Văn Quang, Phường 10, quận T; Nhà, đất tại 521 Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận T; Nhà, đất tại 521A Lý Thường Kiệt, Phường 08, Quận T và Quyền sử dụng đất ở Bình Trị Đông B, Quận T, TP Hồ Chí Bà Nguyễn Thị M. Tổng trị giá theo định giá của DAB thời điểm nhận thế chấp là 134.543.000.000 đồng.

Tính đến ngày 13/9/2019 (thời điểm khởi tố bổ sung vụ án), 03 khoản vay của Công ty Tân Vạn Hưng theo 03 hợp đồng tín dụng số H0328/12 ngày 25/12/2012, H0329/12 ngày 26/12/2012, H0331/12 ngày 27/12/2012, còn dư nợ 1.000.857.407.165 đồng (nợ gốc 462.280.432.000 đồng, 136.530.938.453 đồng lãi trong hạn và 402.046.036.712 đồng lãi quá hạn). Theo kết luận định giá tài sản số: 7955/KL-HĐĐGTS ngày 23/12/2019, Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự TP Hồ Chí Bà Nguyễn Thị M kết luận 06 bất động sản đảm bảo cho 03 khoản vay trên, trị giá vào tháng 9/2019 là 252.490.083.469 đồng.

2. Khoản vay của Doanh nghiệp tư nhân vàng Kim Hiền gây thiệt hại 163.070.910.083 đồng cho DAB.

Trong năm 2009, DNTN Kim Hiền đã ký 02 hợp đồng tín dụng ngắn hạn vay vàng tại DAB Chi nhánh Quận 10, cụ thể: Vay 5.500 chỉ vàng theo Hợp đồng tín dụng số H0019/4 ngày 24/7/2009, tài sản đảm bảo cho 1.860 chỉ vàng, còn lại 3.640 chỉ vàng vay tín chấp và 15 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số H1593/4 ngày 03/12/2009, tài sản đảm bảo với tổng trị giá 13.197.000.000 đồng, phần còn lại 1.803.000.000 đồng vay tín chấp. Đến năm 2010, các khoản vay nêu trên được chuyển về DAB Sở giao dịch đồng thời Sở giao dịch tiếp tục cho DNTN Kim Hiền vay mới 12 tỷ đồng theo hợp đồng tín dụng số H5037/1 ngày 14/01/2010, không có tài sản đảm bảo.

Ngày 24/12/2012, bà Nguyễn Thị M, Giám đốc DNTN Kim Hiền ký công văn gửi Sở giao dịch DAB đề nghị DAB xem xét cơ cấu dư nợ vay ngắn hạn vàng gồm các hợp đồng: H0061/4, H0063/4, H0064/4 với tổng dư nợ vàng tính đến ngày 24/12/2012 là 16.636,14 chỉ vàng thành dư nợ trung hạn VNĐ. Phương án trả nợ từ nguồn thu nhập của doanh nghiệp và từ việc bán tài sản khi đến hạn thanh toán.

Tháng 12/2012, trên cơ sở đề nghị của bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Hồng Nhung và Trần Thanh Sang đã đề xuất Nguyễn Đức T và Trần Phương B cơ cấu từ 03 hợp đồng tín dụng ngắn hạn nêu trên thành hợp đồng tín dụng trung hạn số H0327/12 ngày 25/12/2012, dư nợ gốc số tiền 77.474.500.000 đồng (1 chỉ vàng = 4,657 triệu đồng). Tài sản đảm bảo gồm: 02 quyền sử dụng đất tại phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Bà Nguyễn Thị M và 02 quyền sử dụng đất tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Tổng trị giá theo định giá của DAB thời điểm cho vay là 25.492.000.000 đồng. Ngoài ra còn tài sản đảm bảo là nhà 57 Bành Văn Trân, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông Huỳnh Bá T nhưng chưa ký Hợp đồng thế chấp.

Tính đến ngày 13/9/2019, khoản vay trên còn dư nợ 163.070.910.083 đồng (nợ gốc 77.474.500.000 đồng, 18.852.128.333 đồng lãi trong hạn và 66.744.281.750 đồng lãi quá hạn).

Theo Kết luận định giá số 17/KL-HĐĐGTS ngày 26/9/2019 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Tây Ninh và Kết luận định giá số 7955/KL-HĐĐGTS ngày 23/12/2019 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong Tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh, xác định giá trị 04

bất động sản tại tỉnh Tây Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo cho khoản vay này vào thời điểm tháng 9/2019 là 25.408.260.579 đồng.

3. Khoản vay của Nguyễn Thị Thu T, gây thiệt hại 53.400.000.000 đồng cho DAB.

Ngày 29/12/2010, bà Nguyễn Thị Thu T ký đề nghị vay vốn số tiền 55 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh mua căn nhà 198 Lê Thánh Tôn, Quận 1; tài sản đảm bảo là căn nhà này trị giá 87,75 tỷ đồng. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, ngày 30/12/2010, Trần Văn Quân, nhân viên tín dụng DAB Sở giao dịch lập và ký tờ trình hồ sơ vay ngắn hạn nội dung đề nghị Ban lãnh đạo xét duyệt cho bà Nguyễn Thị Thu T vay 55 tỷ đồng. Trần Thanh Sang và Nguyễn Đức T ký và trình Hội sở. Trong cùng ngày 30/12/2010, Nguyễn Thị Ngọc V, Phó Tổng Giám đốc DAB, ký kiểm soát tờ trình và trình Trần Phương B phê duyệt đồng ý cho vay và ký Hợp đồng thế chấp tại DAB, sau khi hoàn tất thủ tục sở hữu sẽ tiến hành các thủ tục công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm.

Ngày 30/12/2010, Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị Thu T ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn số K6676/1. Ngày 30/12/2010, DAB Sở Giao dịch giải ngân tiền mặt cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 51,4 tỷ đồng. Số tiền này, ông Huỳnh Bá Thành - bà Vũ Thị L chuyển thành vàng, nộp vào DAB Sở giao dịch 13.672,59 chỉ vàng mặt để trả 13.600 chỉ vàng nợ gốc và 62,59 chỉ vàng nợ lãi, tất toán khoản vay K0529/4 ngày 26/10/2009 của Huỳnh Bá Thành - Vũ Thị L tại DAB Sở giao dịch. Ngày 30/01/2011, DAB Sở Giao dịch giải ngân tiền mặt cho bà Nguyễn Thị Thu T 2 tỷ đồng, số tiền này Nguyễn Thị Thu T dùng để trả lãi. Như vậy, Hợp đồng tín dụng cho vay số tiền vay 55 tỷ đồng nhưng thực tế chỉ giải ngân 53,4 tỷ đồng. Số tiền này được DAB Sở giao dịch thu tiền gốc, lãi cho Hợp đồng H0529/4 ngày 26/10/2009.

Trong khi khoản vay 53,4 tỷ đồng của Nguyễn Thị Thu T chưa tất toán, ngày 30/12/2011 Nguyễn Đức T và Vũ Thị Thanh Hoa - Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp DAB Sở giao dịch, ký tờ trình đề nghị Trần Phương B cho giải chấp tài sản đảm bảo là nhà 198 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và 04 căn hộ tại 196 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng trị giá 3.400 lượng SJC để gán nợ cho 03 khoản vay gồm: Khoản vay 24.000 chỉ vàng của ông Thành, bà Vũ Thị L theo Hợp đồng tín dụng số K.0579/4 ngày 07/9/2010; Khoản vay 3.000 chỉ vàng của ông Huỳnh Bá T theo Hợp đồng tín dụng số K0572/4 và khoản vay 700 lượng vàng SJC của ông Huỳnh Bá Thành theo Hợp đồng tín dụng số K0093/4 ngày 01/2/2010.

Do vậy, từ ngày 30/12/2011, khoản vay 53,4 tỷ đồng của bà Nguyễn Thị Thu T theo Hợp đồng tín dụng số K6676/1 ngày 30/12/2010 không có tài sản đảm bảo. Ngày 30/12/2011, ông Huỳnh Bá Thành, bà Vũ Thị L có biên bản làm việc với DAB cam kết nhận lại khoản nợ của bà Nguyễn Thị Thu T nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đến ngày 29/12/2012, khoản vay trên được cơ cấu thành Hợp đồng tín dụng số K0315/12, dư nợ 53,4 tỷ đồng, không có tài sản đảm bảo.

Tính đến ngày 24/12/2018 (theo khởi tố vụ án), khoản vay còn dư nợ số tiền 105.269.200.000 đồng (nợ gốc 53.400.000.000 đồng, 12.994.000.000 đồng tiền lãi trong hạn và 38.875.200.000 đồng tiền lãi quá hạn), không có tài sản đảm bảo, gây thiệt hại cho DAB số tiền 105.269.200.000 đồng.

4. Đối với những người liên quan:

Đối với 07 lãnh đạo, nhân viên DAB Chi nhánh Quận 10 và Sở giao dịch gồm: Nguyễn Thị Hồng Nhung, Trần Thành Sang, Lâm Thanh Phi Q, Nguyễn Chí T, Nguyễn Tăng Ngọc L, Vũ Thị Thanh Hoa và Nguyễn Thị Ngọc V. Đây là người làm công ăn lương tại DAB, chỉ thực hiện 1 khâu hoặc 1 công đoạn trong quá trình vay vốn, ký hồ sơ theo chỉ đạo của Trần Phương B, Nguyễn Đức T không được hưởng lợi. Cơ quan điều tra xác định chưa đủ căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với 07 cá nhân nêu trên.

Đối với ông Huỳnh Bá Thành - Giám đốc Công ty Tân Vạn Hưng, hiện nay đã chết, do vậy Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Thành.

Đối với Nguyễn Thị M - Giám đốc, đại diện pháp luật của DNTN Kim Hiền tham gia ký các hợp đồng tín dụng với tư cách là Giám đốc DNTN Kim Hiền, hồ sơ vay không đủ tài sản đảm bảo hoặc không có tài sản đảm bảo với DAB và hiện nay mất khả năng thanh toán 163.070.910.083 đồng. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị M chỉ đứng tên làm Giám đốc DNTN Kim Hiền giúp cho ông Huỳnh Bá Thành, ký hồ sơ vay theo chỉ đạo của ông Huỳnh Bá Thành, không nhận tiền vay, không được sử dụng tiền vay, không được hưởng lợi từ việc vay vốn nên Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an không khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị M.

Đối với bà Vũ Thị L (vợ ông Huỳnh Bá Thành): Là thành viên góp vốn tại Công ty Tân Vạn Hưng, cùng chồng là Huỳnh Bá Thành ký hồ sơ thế chấp tài sản tại DAB, ký giấy cam kết và giấy xác nhận cùng chồng là ông Huỳnh Bá Thành nhận trách nhiệm với DAB khoản nợ của Nguyễn Thị Thu T. Trần Phương B khai bà Vũ Thị L là người đại diện nhóm Tân Vạn Hưng làm việc với ông Trần Phương B, quyết định chủ trương đi vay vốn, còn ông Huỳnh Bá Thành chỉ đi cùng (nhưng Vũ Thị L không thừa nhận); tham gia điều hành Công ty Tân Vạn Hưng và kinh doanh vàng tài khoản. Tuy nhiên, Huỳnh Bá Thành là người đại diện pháp luật của Công ty Tân Vạn Hưng, chỉ đạo và điều hành hoạt động của Công ty Tân Vạn Hưng và DNTN Kim Hiền, đại diện Công ty Tân Vạn Hưng ký hồ sơ vay vốn tại DAB. Đến nay, Công ty Tân Vạn Hưng và DNTN Kim Hiền không còn lưu giữ tài liệu liên quan đến việc vay và sử dụng tiền vay tại DAB, việc kinh doanh vàng tài khoản nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối bà Vũ Thị L.

Đối với bà Dương Thị Hạnh: Là người làm hồ sơ vay vốn, đại diện Công ty Tân Vạn Hưng, DNTN Kim Hiền làm việc với DAB Chi nhánh Quận 10, DAB Sở giao dịch theo chủ trương đã được ông Huỳnh Bá Thành, bà Vũ Thị L thống nhất. Dương Thị Hạnh ký các chứng từ nhận tiền vay trên hồ sơ vay nhưng không nhận và sử dụng tiền vay. Dương Thị Hạnh chỉ là người làm công, ăn lương, không tư

lợi cá nhân trong việc vay vốn tại DAB. Dương Thị Hạnh có sổ tay theo dõi các khoản vay của Công ty Tân Vạn Hưng, DNTN Kim Hiền. Dương Thị Hạnh tham gia xuyên suốt quá trình Công ty Tân Vạn Hưng, DNTN Kim Hiền vay vốn tại DAB. Tuy nhiên, Dương Thị Hạnh không biết rõ tình hình tài chính của Công ty Tân Vạn Hưng và DNTN Kim Hiền, do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối bà Dương Thị Hạnh.

Đối với ông Huỳnh Bá T - Thành viên góp vốn Công ty Tân Vạn Hưng, con trai của ông Huỳnh Bá Thành: Đúng tên góp vốn vào Công ty Tân Vạn Hưng theo chỉ đạo của ông Huỳnh Bá Thành. Trong biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty Tân Vạn Hưng liên quan đến 03 khoản vay còn dư nợ của Công ty Tân Vạn Hưng có chữ ký của ông Huỳnh Bá T nhưng 03 Hợp đồng dư nợ chỉ cơ cấu lại các khoản vay trước đây, không cấp tín dụng, không giải ngân. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Huỳnh Bá T.

Đối với ông Huỳnh Bá L và ông Hợp là thành viên góp vốn, bà Nguyễn Thị Vi Thoa và bà Trương Thái Anh Tâm là Kế toán trưởng Công ty Tân Vạn Hưng: Đều là người thân của ông Huỳnh Bá Thành, chỉ thực hiện 1 khâu hoặc 1 công đoạn trong quá trình vay vốn, ký hồ sơ theo chỉ đạo của ông Huỳnh Bá Thành, không được hưởng lợi; đến nay ông Huỳnh Bá Thành đã chết, sau ngày 29/8/2009 ông Huỳnh Bá L và ông Hợp không còn là thành viên góp vốn công ty Tân Vạn Hưng (đã thực hiện thủ tục thay đổi thành viên theo quy định do chuyển nhượng vốn góp); Công ty Tân Vạn Hưng và DNTN Kim Hiền không cung cấp tài liệu liên quan đến việc vay và sử dụng tiền vay của DAB nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với các đối tượng trên.

Đối với Nguyễn Thị Thu T chưa có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Thu T có biết việc DAB nhận chuyển nhượng căn nhà 198 Lê Thánh Tôn, Quận 1 để thu nợ các khoản vay khác và Nguyễn Thị Thu T tiếp tục đề nghị cơ cấu lại khoản nợ nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị Thu T về hành vi nêu trên.

V. Hành vi liên quan đến nhóm khách hàng Lê Anh Tuấn - Nguyễn Thị Ngọ.

Nhóm khách hàng Lê Anh Tuấn - Nguyễn Thị Ngọ do bà Ngọ chỉ đạo và điều hành gồm: Công ty TNHH Hoàng Lê, Công ty cổ phần Châu Á Thái Bình Dương, Trường Châu Á Thái Bình Dương và 30 cá nhân. Bà Ngọ và Trần Phương B có quan hệ quen biết từ những năm 1990, khi thành lập DAB năm 1992, bà Ngọ góp vốn vào DAB nhưng để bố chồng là ông Lê Trọng Nghĩa đứng tên cổ đông sáng lập. Đồng thời, bà Nguyễn Thị Ngọ và chồng là ông Lê Anh Tuấn thành lập Công ty TNHH Hoàng Lê kinh doanh phân bón, mua bán xuất khẩu gạo, thuốc bảo vệ thực vật.

Từ năm 2006 đến năm 2013, bà Ngọ sử dụng pháp nhân các công ty của mình để vay và nhờ các cá nhân đứng tên các khoản vay cá nhân, vay thấu chi tại DAB để kinh doanh phân bón, đầu tư hoạt động giáo dục dạy học, mua bán bất động sản và mua bán cổ phiếu. Kết quả điều tra xác định, tính đến ngày

24/12/2018, nhóm khách hàng Lê Anh Tuấn - Nguyễn Thị Ngọc còn dư nợ tại DAB tổng số tiền 1.529.537.847.885 đồng, gồm 905.690.826.052 đồng tiền gốc, 623.847.021.833 đồng tiền lãi. Tài sản đảm bảo, gồm: 32 bất động sản, 757.200 cổ phiếu PNJ; 4.590 cổ phần công ty Thủy tinh Gò Vấp; 200.000 cổ phần công ty cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông; 2.000 cổ phần công ty Thốt Nốt.

Để làm rõ thiệt hại và căn cứ xử lý các đối tượng có liên quan trong việc DAB cho nhóm khách hàng Lê Anh Tuấn - Nguyễn Thị Ngọc vay tiền, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an (C03) đã trưng cầu Hội đồng định giá thường xuyên trong Tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh định giá đối với các tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại DAB nhưng đến nay chưa có kết quả. Do vậy, ngày 14/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an ra Quyết định tách vụ án hình sự số 20/C03-P13, khi nào có kết quả định giá tài sản sẽ tiếp tục xem xét xử lý sau.

B - Hành vi của Trần Phương B lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt 75.633.400.000 đồng của DAB

I. Hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản 5.000.000.000 đồng của DAB để trả lãi cho khoản vay 47.800.000.000 đồng của Phạm An tại DAB CN Quận 10 theo Hợp đồng tín dụng số K1701/1 ngày 08/9/2012.

Ngày 08/9/2012, DAB chi nhánh Quận 10 do Nguyễn Thị Tuyết H - Phó Giám đốc đại diện ký Hợp đồng tín dụng số K1701/1 cho ông Phạm An (Em trai của Phạm Văn T) vay 47,8 tỷ đồng với mục đích để mua nhà đất. Ngày 08/9/2012, DAB chi nhánh Quận 10 giải ngân cho Phạm An vay 47,8 tỷ đồng.

Ngày 10/4/2015, Trần Phương B chỉ đạo Nguyễn Văn Thuận - Phó Giám đốc DAB Sở Giao dịch để Thuận chỉ đạo Trần Thế Hùng - Thủ quỹ DAB Sở Giao dịch lập chứng từ số 10000047 thu không 05 tỷ đồng của Phạm An để trả lãi cho khoản vay 47,8 tỷ đồng nói trên. Cuối ngày, Nguyễn Đức Vinh - Trưởng phòng ngân quỹ DAB chỉ đạo Đỗ Thanh Hùng - Thủ quỹ DAB tiếp nhận điều chuyển số tiền đã thu không từ DAB Sở giao dịch về Phòng Ngân quỹ Hội sở để Hội sở chịu âm quỹ số tiền này.

Kết quả trưng cầu giám định chữ ký tại Kết luận giám định số 3523/C09-P5 ngày 20/6/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an xác định: Phạm Văn T ký hồ sơ khoản vay 47,8 tỷ đồng đứng tên Phạm An và chứng từ nộp không 05 tỷ đồng.

Kết quả điều tra xác định khoản vay trên do Trần Phương B nhờ Phạm Văn T - Trợ lý của Bình tìm người đứng tên vay tiền tại DAB cho Bình, Phạm Văn T nhờ em trai là Phạm An đứng tên vay 47,8 tỷ đồng tại DAB chi nhánh Quận 10, tiền vay được chuyển vào Tài khoản số 000148230001 của Công ty cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ) mở tại DAB Sở Giao dịch để mua 10.486 chỉ vàng SJC, sau đó sử dụng vào việc gì Bình không nhớ rõ. Đến nay khoản vay trên đã được tắt toán.

II. Hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt 67.633.400.000 đồng của DAB để trả nợ cho khoản vay 200 tỷ đồng của Phạm Văn T và khoản vay 200 tỷ đồng của Nguyễn Huy Trường Hồng tại DAB.

2.1. Hành vi chiếm đoạt 6.133.400.000 đồng để Phạm Văn T trả lãi cho khoản vay 200.000.000.000 đồng của Phạm Văn T tại DAB chi nhánh Lê Văn Sỹ:

Ngày 11/12/2009, DAB chi nhánh Lê Văn Sỹ do Nguyễn Thị Tuyết Hằng - Phó Giám đốc đại diện ký Hợp đồng tín dụng số K0263/1 cho Phạm Văn T và Nguyễn Thị Kim Cúc vay 200 tỷ đồng.

Ngày 30/9/2010, Trần Phương B chỉ đạo DAB Sở giao dịch gồm: Nguyễn Văn Thuận và Trần Thế Hùng lập chứng từ NT306544518 thu không 6.133.400.000 đồng của Phạm Văn T để chuyển vào tài khoản số 0101000023 của Phạm Văn T. Cùng ngày 30/9/2010, Phạm Văn T trả 6.133.333.333 đồng tiền lãi vay cho khoản vay nói trên. Cuối ngày 30/9/2010, sau khi cân trừ thu chi và để bù đắp số tiền 6.133.400.000 đồng thu không nêu trên, Hội sở điều chuyển cho DAB Sở Giao dịch 3,6 tỷ đồng.

Kết quả điều tra xác định khoản vay trên do Trần Phương B nhờ Phạm Văn T đứng tên vay tiền tại DAB để Bình đầu tư cổ phần, trái phiếu và sử dụng cá nhân. Ngày 30/9/2010, Bình chỉ đạo Nguyễn Văn Thuận lập và ký Phiếu thu không thay Phạm Văn T để trả lãi vay số tiền 6.133.400.000 đồng. Đến nay khoản vay trên đã được tất toán.

2.2. Hành vi chiếm đoạt 61.500.000.000 đồng để trả nợ gốc cho khoản vay 200.000.000.000 đồng của Nguyễn Huy Trường Hồng tại DAB chi nhánh Quận 7:

Ngày 30/12/2010, DAB Chi nhánh Quận 7 do Nguyễn Thành Tâm - Giám đốc đại diện ký Hợp đồng tín dụng số K0540/1 cho Nguyễn Huy Trường Hồng vay 200 tỷ đồng.

Ngày 29/3/2012 và ngày 30/3/2012, Trần Phương B chỉ đạo Nguyễn Văn Thuận và Trần Thế Hùng lập 02 chứng từ thu không tổng số 61,5 tỷ đồng của Nguyễn Huy Trường Hồng để trả nợ gốc cho khoản vay nêu trên. Cuối ngày, Nguyễn Đức Vinh chỉ đạo Đỗ Thanh Hùng tiếp nhận điều chuyển số tiền đã thu không từ DAB Sở Giao dịch về Phòng ngân quỹ Hội sở để Hội sở chịu âm quỹ số tiền này.

Kết quả điều tra xác định khoản vay trên do Trần Phương B nhờ Nguyễn Huy Trường Hồng đứng tên vay tiền tại DAB để Bình đảo nợ cho khoản vay 200 tỷ đồng của Phạm Văn T. Ngày 29/3/2012 và 30/3/2012, Bình chỉ đạo Nguyễn Văn Thuận lập và ký Phiếu thu không thay Nguyễn Huy Trường Hồng để trả một phần nợ gốc số tiền 61,5 tỷ đồng. Đến nay khoản vay trên đã được tất toán.

III. Hành vi chiếm đoạt 3 tỷ đồng để sử dụng cá nhân liên quan khoản vay 85.000.000.000 đồng của Phạm Văn T tại DAB chi nhánh Quận 3.

Để có tiền sử dụng cho mục đích cá nhân, ngày 11/01/2011, Trần Phương B chỉ đạo Nguyễn Thị Ngọc V để Vân chỉ đạo Nguyễn Tấn Thành - Phó Giám đốc

DAB chi nhánh Quận 3 ký Hợp đồng tín dụng số K0409/1 cho Phạm Văn Tân vay 85 tỷ đồng.

Ngày 29/3/2012, Trần Phương B chỉ đạo Nguyễn Văn Thuận và Trần Thế Hùng lập chứng từ số NT518853975 thu không 38 tỷ đồng để trả 35 tỷ đồng nợ gốc cho khoản vay nêu trên (*được kết luận tại Bản kết luận điều tra số 28/C46-P10 ngày 02/4/2018 của Cơ quan CSĐT Bộ Công an, đã xử lý ở giai đoạn I vụ án*); còn lại 3 tỷ đồng Phạm Văn T rút tiền mặt để Bình sử dụng. Cuối ngày, Trần Phương B chỉ đạo Phòng Ngân quỹ DAB gồm: Nguyễn Đức Vinh và Đỗ Thanh Hùng lập chứng từ tiếp nhận điều chuyển không 38 tỷ đồng để Hội sở chịu âm quỹ số tiền này.

Kết quả điều tra xác định khoản vay trên do Trần Phương B nhờ Phạm Văn Tân đứng tên vay tiền tại DAB để Bình trả nợ cá nhân. Ngày 29/3/2012, Bình chỉ đạo Nguyễn Văn Thuận lập và ký “*Phiếu thu*” không thay Phạm Văn Tân để trả một phần nợ gốc số tiền 35 tỷ đồng, còn lại 3 tỷ đồng Bình sử dụng cá nhân. Đến nay khoản vay trên đã được tất toán.

IV. Đối với một số cá nhân có liên quan

Đối với Phạm Văn T, Nguyễn Đức Vinh và Đỗ Thanh Hùng, Nguyễn Văn Thuận và Trần Thế Hùng do tin tưởng Trần Phương B có nguồn tiền trả, nên đã thực hiện theo chỉ đạo của Trần Phương B, lập chứng từ thu, nộp không tiền để trả nợ gốc, lãi các khoản vay của Bình tại DAB; bị Trần Phương B lợi dụng chiếm đoạt tiền của DAB nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an áp dụng chính sách hình sự theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 không khởi tố bị can về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” theo Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đối với Nguyễn Huy Trường Hồng, có hành vi đứng tên ký hồ sơ vay 200 tỷ đồng của DAB chi nhánh Quận 7 để Trần Phương B sử dụng, với tài sản đảm bảo là Trái phiếu công ty cổ phần Phát Triển BĐS Phát Đạt và trái phiếu Công ty cổ phần M&C, được DAB định giá vào thời điểm cho vay là 200 tỷ đồng. Đến nay, khoản vay đã được tất toán, Nguyễn Huy Trường Hồng không biết Trần Phương B sử dụng nguồn tiền nào để trả nợ, không ký chứng từ nộp không 61,5 tỷ đồng nêu trên. Tài liệu điều tra thể hiện Nguyễn Huy Trường Hồng không được hưởng lợi gì từ việc làm nêu trên. Do vậy, không đủ căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Huy Trường Hồng.

Đối với Phạm An, không ký hồ sơ khoản vay 47,8 tỷ đồng tại DAB chi nhánh Quận 10, không ký phiếu thu không nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông An.

C – Hành vi liên quan đến Nhóm Công ty TNHH H

Năm 2008, khi VinaCapital không gia hạn hợp đồng và yêu cầu TTC hoàn trả 100.000.000 USD, Trần Phương B lo sợ việc TTC không trả tiền cho Vinacapital sẽ ảnh hưởng đến uy tín của DAB và có thể những sai phạm của DAB

như thiếu hụt tiền, vàng trong kho quỹ sẽ bị phát hiện. Do vậy, để bảo đảm hoàn trả 100.000.000 USD cho VinaCapital, Trần Phương B chỉ đạo DAB cho công ty cổ phần Sơn Trà Điện Ngọc, Công ty TNHH Xây dựng B và 05 cá nhân gồm: Cao Ngọc V, Nguyễn Thị Minh D, Trang Thị Bảo T, Nguyễn Hưng Q và Phạm Văn T vay 11 khoản tổng số 1.820.850.000.000 đồng (sau đó DAB cho vay 06 khoản để trả nợ cho 11 khoản vay này) và xuất quỹ chi 77.782.250.000 đồng để sử dụng:

(1) 1.735.339.482.000 đồng mua lại 05 tài sản của Nhóm TTC (gồm: Dự án Richland Hill; 06 Lô đất tại TP Đà Nẵng; gói 1 và 15.000 m² gói 2 Dự án khu Đô thị Mỹ Gia; 29% vốn góp tại công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Vĩnh Thái và 35% vốn góp tại công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Bắc Bình.

(2) 29.692.768.000 đồng cho mục đích khác, gồm: 2,4 tỷ đồng để thanh toán tạm ứng của DAB cho công ty cổ phần Thẻ thông bà Nguyễn Thị M Vina, 24 tỷ đồng để bù đắp thua lỗ của DAB chi nhánh Đình Tiên Hoàng trong việc mở L/C cho công ty Hoàn Cầu và 3.292.768.000 đồng còn lại Trần Phương B không nhớ sử dụng vào việc gì.

(3) 133.600.000.000 đồng còn lại, DAB xác định 91,6 tỷ đồng không đi ra khỏi DAB (được sử dụng để che giấu âm quỹ vào cuối năm 2008), không xác định được 11 tỷ đồng rút tiền mặt Nguyễn Hưng Q có nhận tiền hay không và 31 tỷ đồng rút tiền mặt Trần Phương B không nhớ sử dụng vào việc gì.

Sau khi mua lại Dự án Richland Hill, Trần Phương B chỉ đạo DAB cho Công ty TNHH H và Công ty TNHH Xây dựng B tiếp tục vay 09 khoản tổng số tiền 669.479.076.288 đồng để đầu tư xây dựng Dự án Richland Hill (chưa tính 12 khoản vay của Công ty TNHH H để đầu tư Dự án Richland Hill đang còn dư nợ).

Quá trình trả nợ cho các khoản vay liên quan đến việc mua 05 tài sản của Nhóm TTC, Trần Phương B chỉ đạo 12 đối tượng cấp dưới gồm: Nguyễn Thị Ngọc V, Nguyễn Đức Vinh, Đỗ Thanh Hùng, Nguyễn Hồ Bảo Quốc, Lý Nguyễn Thu Hiền, Trần Đoàn Thùy Trang, Nguyễn Tăng Ngọc L, Nguyễn Quang Tâm, Nguyễn Văn Thuận, Trần Thế Hùng, Quách Thành Sang và Nguyễn Đỗ Thành Trung lập 62 chứng từ thu không tổng số 1.349.723.010.759 đồng để sử dụng:

(1) 1.007.486.255.540 đồng để trả 619.042.250.538 đồng tiền gốc và 388.444.005.002 đồng tiền lãi cho 30/38 khoản vay liên quan đến việc mua 05 tài sản của Nhóm TTC và đầu tư Dự án Richland Hill.

(2) 91.088.932.996 đồng sử dụng cho mục đích khác, gồm: 20 tỷ đồng để Trần Phương B trả nợ cho Nguyễn Thiện N; 32.705.749.999 đồng tiền nợ gốc cho khoản vay 442 tỷ đồng của Công ty L; 11.833.333.333 đồng trả lãi cho khoản vay 200 tỷ đồng của Phạm Văn T; 26.549.849.664 đồng sử dụng cho nhiều mục đích khác.

(3) 251.147.822.223 đồng để trả nợ cho 04 khoản vay không để che giấu âm quỹ của công ty TNHH Ninh Thịnh và công ty cổ phần Địa ốc Tài Lộc (không gây thiệt hại cho DAB).

Tính đến ngày 24/12/2018 (thời điểm khởi tố vụ án giai đoạn II), còn dư nợ 14 khoản vay liên quan đến việc mua lại tài sản của TTC và đầu tư dự án Richland Hill, gồm: Công ty TNHH H (08 khoản), Công ty TNHH ĐTXD Bách Việt (01 khoản), Công ty TNHH XD & PT Đô thị Thái An (01 khoản), Nguyễn Huy Trường Hồng (01 khoản), Phạm Văn T (01 khoản, chỉ giải ngân 740 triệu đồng), Cao Ngọc Huy (01 khoản, giải ngân 30 tỷ đồng) và Công ty cổ phần Vốn An Bình (01 khoản, chỉ còn nợ lãi), tổng số tiền 2.477.454.833.682 đồng, gồm: 1.203.885.527.445 đồng tiền gốc và 1.273.569.306.237 đồng tiền lãi. DAB đang nhận thế chấp 05 tài sản, trong đó 03 tài sản gồm: Dự án Richland Hill; Gói 1 và 15.000 m² Gói 2 Dự án khu Đô thị Mỹ Gia; 29% vốn góp tại Công ty CP PTĐT Vĩnh Thái, được Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Khánh Hòa định giá 2.767.731.041.789 đồng; đối với 02 tài sản gồm: 06 Lô đất tại TP Đà Nẵng và 35% vốn góp tại Công ty TNHH ĐTXD Bắc Bình Trần Phương B đã bán để sử dụng trả nợ khoản vay và mua cổ phần DAB.

Đối với các hành vi cho vay và thu không nói trên, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an đã kê biên 03 tài sản đảm bảo gồm: Dự án Richland Hill; Gói 1 và 15.000 m² Gói 2 Dự án khu Đô thị Mỹ Gia; 29% vốn góp tại Công ty CP PTĐT Vĩnh Thái để đảm bảo thu hồi dư nợ 14 khoản vay và số tiền thu không nói trên. Đồng thời, do thay đổi chính sách hình sự, đã xóa bỏ tội danh “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an và Viện kiểm sát nhân dân Tối cao căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội v/v thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 không khởi tố, điều tra, truy tố đối với Trần Phương B và các cá nhân có liên quan. Hành vi cụ thể của các bị cáo như sau:

1. Đối với hành vi lập chứng từ thu không 1.176.357.438.536 đồng để trả nợ cho 30 khoản vay liên quan đến việc mua 05 tài sản của Nhóm TTC và đầu tư Dự án Richland Hill; thanh toán tiền mua 35% vốn góp tại Công ty Bắc Bình và 20,33% vốn góp tại Công ty Thái An

Trần Phương B chỉ đạo Nguyễn Thị Ngọc V, Phòng ngân quỹ Hội sở gồm: Nguyễn Đức Vinh, Đỗ Thanh Hùng, DAB Sở giao dịch, Chi nhánh Quận 3 và Quận 10 gồm: Nguyễn Hồ Bảo Quốc, Lý Nguyễn Thu Hiền, Trần Đoàn Thùy Trang, Nguyễn Tăng Ngọc L, Nguyễn Quang Tâm, Nguyễn Văn Thuận, Trần Thế Hùng và Nguyễn Đỗ Thành Trung lập chứng từ thu không 1.176.357.438.536 đồng để trả 1.007.486.255.540 đồng (gồm: 619.042.250.538 đồng tiền gốc và 388.444.005.002 đồng tiền lãi) cho 30 khoản vay liên quan đến việc mua 05 tài sản của Nhóm TTC và đầu tư Dự án Richland Hill; thanh toán 77.782.250.000

đồng tiền mua 35% vốn góp tại Công ty Bắc Bình và 20,33% vốn góp tại Công ty Thái An; 91.088.932.996 đồng sử dụng cho mục đích cá nhân. Sau đó, làm thủ tục điều chuyển không 1.176.357.438.536 đồng về Hội sở DAB để Hội sở DAB chịu âm quỹ số tiền này.

Hành vi nêu trên của Trần Phương B và các cá nhân trên có dấu hiệu phạm vào tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, quy định tại Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên do thay đổi chính sách hình sự như đã nêu trên nên Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an không khởi tố bị can đối với Trần Phương B và 12 cá nhân để xem xét trách nhiệm hình sự mà thực hiện thu hồi tài sản liên quan đến 100% vốn góp tại Công ty TNHH H (Chủ đầu tư Dự án Richland Hill), 100% vốn góp tại công ty TNHH Xây dựng & Phát triển Đô thị Thái An (đơn vị đầu tư gói 1 và 15.000 m² gói 2 thuộc Dự án khu Đô thị Mỹ Gia) và 29% cổ phần tại công ty cổ phần Phát triển Đầu tư Vĩnh Thái để khắc phục hậu quả.

- Đối với 06 cá nhân thuộc Nhóm TTC (gồm: Nguyễn Đức Vinh, Nguyễn Thanh B, Trần Thế Hùng, Phạm Văn T, Nguyễn Đỗ Thành Trung và Nguyễn Văn Thuận) ký 29/62 chứng từ nộp không 1.427.505.260.759 đồng.

Kết quả điều tra đến nay xác định 06 cá nhân gồm: Nguyễn Thanh B, Nguyễn Văn Thuận, Trần Thế Hùng, Nguyễn Đức Vinh, Nguyễn Đỗ Thành Trung và Phạm Văn T ký, ký thay chữ ký của người khác tại 29/62 chứng từ trị giá 589.601.578.443 đồng. Đây là những người làm công ăn lương, bị lệ thuộc, ký chứng từ theo sự chỉ đạo của Trần Phương B và Nguyễn Thiện N, tin tưởng Trần Phương B và Nguyễn Thiện N, nguồn tiền do Trần Phương B chịu trách nhiệm nộp cho DAB, họ không được hưởng lợi gì. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an không đủ căn cứ để khởi tố bị can nhằm xem xét trách nhiệm hình sự đối với các cá nhân này. Còn lại 33 chứng từ thu không tổng số 586.755.860.093 đồng, trong đó có 04 chứng từ thu không 15.788.891.537 đồng không có người ký mục “*Người nộp tiền*” và 29 chứng từ thu không 570.966.968.556 đồng không xác định được người ký mục “*Người nộp tiền*” (do trên chứng từ chỉ có chữ ký, không ghi họ tên, đã giám định chữ ký nhưng không xác định được ai là người ký), nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

2. Đối với 14 khoản vay liên quan đến việc mua 05 tài sản của Nhóm TTC và đầu tư Dự án Richland Hill hoặc có sử dụng các tài sản trên làm tài sản thế chấp, còn dư nợ 2.477.454.833.682 đồng tại DAB.

2.1. Khoản vay 270 tỷ đồng của Công ty cổ phần vốn An Bình để mua lại 30% vốn góp của Nguyễn Hưng Q tại Công ty TNHH H.

Ngày 27/12/2010 Trần Phương B chỉ đạo DAB Chi nhánh Đình Tiên Hoàng ký Hợp đồng tín dụng số H0014/12 cho công ty cổ phần vốn An Bình vay 270 tỷ đồng để mua lại 30% vốn góp của Nguyễn Hưng Quốc tại Công ty TNHH H. Tài sản đảm bảo (hình thành từ vốn vay): 30% vốn góp tại Công ty TNHH H (trị giá 300 tỷ đồng).

Ngày 29/12/2010, DAB Chi nhánh Đình Tiên Hoàng giải ngân 270 tỷ đồng tiền vay vào Tài khoản số 0101015781 của Nguyễn Hưng Q mở tại DAB Chi nhánh quận 1.

Ngày 10/02/2011, Nguyễn Thị Ngọc Vân chuyển tất cả các giao dịch tiền gửi và vay của công ty cổ phần vốn An Bình từ DAB Chi nhánh Đình Tiên Hoàng về DAB Chi nhánh Phú Nhuận. Đến ngày 24/12/2018, công ty cổ phần vốn An Bình còn nợ DAB Chi nhánh Phú Nhuận 93.396.006.038 đồng tiền lãi (gồm: 91.370.704.127 đồng tiền lãi trong hạn và 2.025.301.911 đồng tiền lãi phạt).

2.2. Khoản vay 160 tỷ đồng của Công ty TNHH Xây dựng B để mua 29% cổ phần tại công ty cổ phần Phát triển Đô thị Vĩnh Thái.

Ngày 21/6/2010 Trần Phương B chỉ đạo DAB Chi nhánh Quận 10 ký Hợp đồng vay trung, dài hạn số K0073/12 cho Công ty TNHH Xây dựng B vay 160 tỷ đồng để thanh toán tiền mua 173.130 cổ phần (tương đương 29% vốn điều lệ) Công ty cổ phần Phát triển Đô thị V của Nguyễn Thanh B.

Ngày 21/6/2010, DAB Chi nhánh quận 10 giải ngân 160 tỷ đồng tiền vay vào Tài khoản số 001984480001 của Nguyễn Thanh B mở tại Chi nhánh quận 10.

Đến nay, Công ty TNHH Xây dựng B đã trả 19,6 tỷ đồng nợ gốc và 66,2 tỷ đồng tiền lãi. Tính đến ngày 24/12/2018, công ty Bách Việt còn nợ DAB 289.006.271.450 đồng, gồm 140.407.000.000 đồng tiền gốc và 148.599.271.450 đồng tiền lãi.

Ngày 23/5/2018, Hội đồng định giá trong TTHS tỉnh Khánh Hòa có Kết luận định giá số 2006/KL-HĐĐGTS xác định: Giá trị 29% cổ phần của Công ty TNHH Xây dựng B tại Công ty CP Phát triển Đô Thị Vĩnh Thái tại thời điểm tháng 12/2016 là 178.492.129.000 đồng và tại thời điểm tháng 12/2017 là 133.396.375.000 đồng.

2.3. Khoản vay 400,9 tỷ đồng của Công ty TNHH Xây dựng & Phát triển Đô thị Thái An để trả nợ cho các khoản vay của Phạm Văn T, Phạm Thái Sơn, Phạm An và Nguyễn Huy Trường Hồng.

Sau khi mua 100% vốn góp tại Công ty TNHH XD & PT Đô thị Thái An, Trần Phương B chỉ đạo DAB Sở giao dịch ký Hợp đồng tín dụng số H.0330/12 ngày 26/12/2012 cho công ty TNHH Xây dựng & Phát triển Đô thị Thái An vay 400,9 tỷ đồng để trả nợ cho các khoản vay của Phạm Văn T, Phạm Thái Sơn, Phạm An và Nguyễn Huy Trường Hồng tại DAB. Tài sản thế chấp là Gói 1 Dự án khu đô thị Mỹ Gia tại xã Vĩnh Thái, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 26/12/2012 và 27/12/2012, DAB Sở giao dịch giải ngân 400,9 tỷ đồng tiền vay vào Tài khoản số 0101000023 của Phạm Văn T mở tại DAB Sở giao dịch.

Tính đến ngày 24/12/2018, Công ty Thái An còn nợ 815.196.666.667 đồng, gồm 400,90 tỷ đồng tiền gốc và 414.296.666.667 đồng tiền lãi.

Ngày 09/3/2018, Hội đồng định giá trong TTTHS tỉnh Khánh Hòa có Kết luận định giá tài sản số 798/KL-HĐĐGTS kết luận: Giá trị gói 1 và 15.000 m² gói 2 Dự án khu Đô thị Mỹ Gia tại thời điểm tháng 12/2016 là 745.222.386.758 đồng và tại thời điểm tháng 12/2017 là 750.867.012.474 đồng; giá trị 100% vốn góp tại Công ty Thái An tại thời điểm tháng 12/2016 là 573.465.800.000 đồng và tại thời điểm tháng 12/2017 là 505.942.335.000 đồng.

2.4. Các khoản vay của Công ty TNHH H

- Khoản vay 80 tỷ đồng để đầu tư Dự án Richland Hill (chỉ giải ngân 62.260.500.000 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số H.0080/12 ngày 30/11/2010 tại DAB Chi nhánh quận 10. Đến ngày 24/12/2018, khoản vay này còn dư nợ 120.455.043.458 đồng, gồm 62.260.500.000 đồng tiền gốc và 58.194.543.458 đồng tiền lãi.

- Khoản vay 125 tỷ đồng để đầu tư Dự án Richland Hill theo Hợp đồng tín dụng H.0083/12 ngày 28/04/2011 tại DAB Chi nhánh quận 10. Đến 24/12/2018, khoản vay này còn dư nợ 241.156.250.000 đồng, gồm 125 tỷ đồng tiền gốc và 116.156.250.000 đồng tiền lãi.

- Khoản vay 200 tỷ đồng để đầu tư Dự án Richland Hill (chỉ giải ngân 185.792.000.000 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số H.0065/13 ngày 21/05/2012 tại DAB Chi nhánh quận 10. Đến ngày 24/12/2018, khoản vay này còn dư nợ 367.917.267.112 đồng, gồm 185.792.000.000 đồng tiền gốc và 182.125.267.112 đồng tiền lãi.

- Khoản vay 200 tỷ đồng để đầu tư Dự án Richland Hill (chỉ giải ngân 19,7 tỷ đồng) theo Hợp đồng tín dụng số H.0066/13 ngày 02/10/2012 tại DAB Chi nhánh quận 10. Đến ngày 24/12/2018, khoản vay này còn dư nợ 37.998.837.500 đồng, gồm 19,7 tỷ đồng tiền gốc và 18.298.837.500 đồng tiền lãi.

- Khoản vay 15 tỷ đồng để đầu tư dự án khu nhà ở Hiệp Phú theo Hợp đồng tín dụng số H.0055/12 ngày 06/3/2009 tại DAB Chi nhánh quận 10. Đến ngày 24/12/2018, khoản vay này còn dư nợ 22.299.167.275 đồng, gồm 11.035.561.157 đồng tiền gốc và 11.263.606.118 đồng tiền lãi.

- Khoản vay 60 tỷ đồng để đầu tư dự án khu nhà ở Hiệp Phú theo Hợp đồng tín dụng số H.0063/12 ngày 08/10/2009 tại DAB Chi nhánh quận 10. Đến ngày 24/12/2018, khoản vay này còn dư nợ 117.523.238.333 đồng, gồm 59.846.898.337 đồng tiền gốc và 57.676.339.996 đồng tiền lãi.

- Khoản vay 40 tỷ đồng để đầu tư dự án khu nhà ở Hiệp Phú theo Hợp đồng tín dụng số H.0067/12 ngày 29/12/2009 tại DAB Chi nhánh quận 10. Đến ngày

24/12/2018, khoản vay này còn dư nợ 78.458.079.183 đồng, gồm 39.953.567.951 tiền gốc và 38.504.511.232 đồng tiền lãi.

- Khoản vay 12 tỷ đồng để đầu tư dự án khu nhà ở Hiệp Phú theo Hợp đồng tín dụng số H.0070/12 ngày 05/02/2010 tại DAB Chi nhánh quận 10. Đến ngày 24/12/2018, khoản vay này còn dư nợ 23.216.333.333 đồng, gồm 12 tỷ đồng tiền gốc và 11.216.333.333 đồng tiền lãi.

2.5. Khoản vay 116,25 tỷ đồng của Nguyễn Huy Trường Hồng.

Ngày 24/12/2012, DAB Chi nhánh Lê Văn Sỹ ký Hợp đồng tín dụng số K0027/12 cho Nguyễn Huy Trường Hồng vay 116,25 tỷ đồng để mua 2.500 lượng vàng trả nợ cho khoản vay 2.500 lượng vàng, mục đích vay: Cơ cấu nợ chuyển đổi Hợp đồng tín dụng số K0060/4 ngày 23/12/2009 sang VND tương đương 25.000 chỉ vàng. Tài sản bảo đảm: Tín chấp.

Tính đến ngày 24/12/2018, Nguyễn Huy Trường Hồng còn nợ DAB Chi nhánh Lê Văn Sỹ 208.242.500.000 đồng, gồm 116,25 tỷ đồng tiền gốc và 91.992.500.000 đồng tiền lãi.

Để bán nợ cho VAMC, năm 2014 Trần Phương B chỉ đạo chỉnh sửa hồ sơ và thế chấp Dự án Richland Hill để bảo lãnh cho khoản vay nêu trên của Nguyễn Huy Trường Hồng. Năm 2016, VAMC đơn phương chấm dứt Hợp đồng mua bán khoản nợ của Nguyễn Huy Trường Hồng.

2.6. Khoản vay 360 tỷ đồng của Phạm Văn T.

Để che giấu âm quỹ tiền tại DAB, ngày 28/12/2012 Trần Phương B chỉ đạo Nguyễn Đức T (Giám đốc DAB Sở giao dịch) ký Hợp đồng tín dụng số K0082/13 cho Phạm Văn T vay không 360 tỷ đồng. Ngày 28/12/2012, DAB Sở giao dịch giải ngân chuyển khoản 360 tỷ đồng vào Tài khoản thẻ số 0101000023 của Phạm Văn T; Phạm Văn T chỉ ký chứng từ giải ngân, chuyển tiền, rút tiền nhưng không nhận tiền.

Ngày 29/12/2012, Trần Phương B đã lợi dụng việc DAB Sở giao dịch cho Phạm Văn T vay không 360 tỷ đồng để sử dụng 740.000.000 đồng trả lãi cho khoản vay 12 tỷ đồng của Phạm Văn T tại DAB Chi nhánh Lê Văn Sỹ theo Hợp đồng tín dụng số K0449/1 ngày 01/7/2011.

Còn lại 359.260.000.000 đồng Phạm Văn T rút tiền mặt 209.260.000.000 đồng và chuyển 150 tỷ đồng cho Tăng Bà Nguyễn Thị M Trung. Sau đó, Tăng Bà Nguyễn Thị M Trung làm thủ tục rút tiền mặt nhưng không nhận tiền, 359.260.000.000 đồng không đi ra khỏi DAB, được sử dụng để che giấu âm quỹ tiền tại DAB.

Để bán nợ cho VAMC, năm 2014 Trần Phương B chỉ đạo chỉnh sửa hồ sơ và thế chấp Dự án Richland Hill để bảo lãnh cho khoản vay nêu trên của Phạm Văn

T, tuy nhiên năm 2016 VAMC đơn phương chấm dứt Hợp đồng mua bán khoản nợ của Phạm Văn T.

Như vậy, khoản vay 360 tỷ đồng nêu trên chỉ giải ngân 740.000.000 đồng. Do vậy, trên hệ thống DAB hạch toán tại thời điểm ngày 24/12/2018 Phạm Văn T còn nợ 731.760.000.000 đồng, gồm 360 tỷ đồng tiền gốc và 371.760.000.000 đồng tiền lãi là không chính xác. Ngày 08/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an có Văn bản số 5401/C03-P13 đề nghị xem xét lại việc tính dư nợ gốc và lãi phát sinh của khoản vay 360 tỷ đồng nêu trên, việc tính dư nợ gốc và lãi phát sinh của khoản vay trên cơ sở số tiền giải ngân thực tế, không tính dư nợ phát sinh từ số tiền giải ngân không hoặc không giải ngân.

2.7. Khoản vay 270 tỷ đồng của Cao Ngọc Huy.

Đề che giấu âm quỹ tiền tại DAB, ngày 28/12/2012 Trần Phương B chỉ đạo Nguyễn Đức T (Giám đốc DAB Sở giao dịch) ký Hợp đồng tín dụng số K0081/13 cho Cao Ngọc Huy vay 270 tỷ đồng. Ngày 28/12/2012, DAB Sở giao dịch giải ngân 270 tỷ đồng vào Tài khoản số 0101000010 của Cao Ngọc Huy mở tại DAB; Cao Ngọc Huy chỉ ký chứng từ giải ngân, chuyển tiền, rút tiền nhưng không nhận tiền.

Ngày 28/12/2012, Trần Phương B và Nguyễn Thị Kim Xuyên đã lợi dụng việc DAB Sở giao dịch cho Cao Ngọc Huy vay không 270 tỷ đồng để chuyển 70 tỷ đồng để sử dụng cho mục đích cá nhân. Còn lại 200 tỷ đồng tiền không đi ra khỏi DAB, được sử dụng để che giấu âm quỹ tiền tại DAB.

Để bán nợ cho VAMC, năm 2014 Trần Phương B chỉ đạo chỉnh sửa hồ sơ và thế chấp Dự án Richland Hill để bảo lãnh cho khoản vay nêu trên của Cao Ngọc Huy, tuy nhiên năm 2016 VAMC đơn phương chấm dứt Hợp đồng mua bán khoản nợ của Cao Ngọc Huy.

Như vậy, khoản vay 270 tỷ đồng nêu trên chỉ giải ngân 70 tỷ đồng, trong đó Trần Phương B sử dụng 30 tỷ đồng và Nguyễn Thị Kim Xuyên sử dụng 40 tỷ đồng (*đã được kết luận tại Bản kết luận điều tra vụ án số 28/C46-P10 ngày 02/4/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.*). Do vậy, trên hệ thống DAB hạch toán tại thời điểm ngày 24/12/2018 Cao Ngọc Huy còn nợ 270 tỷ đồng tiền gốc và 278.820.000.000 đồng tiền lãi là không chính xác. Ngày 08/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an có Văn bản số 5401/C03-P13 đề nghị xem xét lại việc tính dư nợ gốc và lãi phát sinh của khoản vay 270 tỷ đồng nêu trên, việc tính dư nợ gốc và lãi phát sinh của khoản vay trên cơ sở số tiền giải ngân thực tế, không tính dư nợ phát sinh từ số tiền giải ngân không hoặc không giải ngân.

Tính đến ngày khởi tố vụ án 24/12/2018 tổng cộng 14 khoản vay trên còn dư nợ 2.477.453.833.682 đồng, gồm 1.203.885.527.445 đồng tiền gốc và 1.273.569.306.237 đồng tiền lãi. DAB đang nhận thế chấp 03 tài sản gồm: Dự án

Richland Hill, Gói 1 và 15.000 m² Gói 2 Dự án khu Đô thị Mỹ Gia, 29% vốn góp tại Công ty CP PTĐT Vĩnh Thái được Hội đồng định giá trong TTHS TP Hồ Chí Bà Nguyễn Thị M và tỉnh Khánh Hòa định giá tổng số 2.767.731.041.789 đồng đủ để trả nợ gốc và lãi cho các khoản vay nêu trên; DAB có thể phát mại tài sản này để thu hồi nợ. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với 19 cán bộ tín dụng và các cá nhân ký hồ sơ vay liên quan đến việc DAB cho 05 tổ chức và 07 cá nhân vay 30 khoản tổng số 3.352.576.576.288 đồng để mua 05 tài sản của Nhóm TTC, đầu tư dự án Richland Hill.

D - Một số vụ việc xảy ra tại DAB đã được điều tra làm rõ nhưng không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với các đối tượng liên quan

1. Việc DAB cho Công ty Vĩnh Đức vay 03 khoản tổng số 136.010.000.000 đồng để nhập khẩu dây chuyền sản xuất gạch bê tông nhẹ công nghệ khí chưng áp số 02 của Đức.

Từ ngày 28/4/2010 đến 31/8/2010, Công ty cổ phần Mua bán nợ và tài sản Vĩnh Đức (Công ty Vĩnh Đức) do Nguyễn Thiện N chỉ đạo và điều hành, đã được DAB cho vay 03 khoản tổng số 136.010.000.000 đồng để thanh toán tiền nhập khẩu dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất gạch bê tông nhẹ công nghệ khí chưng áp số 02 của Cộng hòa LB Đức và xây dựng Nhà máy sản xuất gạch bê tông nhẹ công nghệ khí chưng áp số 02 tại Khu Công nghiệp Lộc Sơn, Công ty Vĩnh Đức sử dụng vốn vay đúng mục đích. Khoản vay có tài sản đảm bảo hình thành từ vốn vay, được DAB định giá vào thời điểm cho vay là 210 tỷ đồng, DAB thuê Exima định giá tại thời điểm tháng 5/2016 là 168 tỷ đồng và Hội đồng định giá trong TTHS tỉnh Lâm Đồng định giá tại thời điểm ngày 22/3/2019 là 101.903.943.330 đồng (không đủ cơ sở để định giá tại thời điểm cho vay). Tính đến ngày 24/12/2018 dư nợ 03 khoản vay là 222.585.523.334 đồng (gồm 114,01 tỷ đồng tiền gốc và 108.575.523.334 đồng tiền lãi). Xét thấy 03 khoản vay nêu trên của Công ty Vĩnh Đức sử dụng vốn vay đúng mục đích, có tài sản thế chấp được DAB định giá tại thời điểm cho vay là 210 tỷ đồng và Hội đồng định giá trong TTHS tỉnh Lâm Đồng định giá tại thời điểm ngày 22/3/2019 là 101.903.943.330 đồng, gần đủ để trả nợ gốc cho 03 khoản vay nêu trên, giá trị tài sản đảm bảo bị suy giảm là do công nghệ dần lạc hậu. DAB có thể phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an không đủ căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với các đối tượng liên quan đến 03 khoản vay nêu trên.

2. Đối với các khoản vay của Công ty TNHH TM & ĐT Gia Kim, Công ty TNHH ĐTXD Bắc Bình, Công ty cổ phần Địa ốc Đông Á và Cao Ngọc Huy- Lê Nguyễn Đăng Hằng

- Từ năm 2007 đến năm 2015, công ty TNHH TM & ĐT Gia Kim (Công ty Gia Kim) và Chi nhánh công ty Gia Kim tại Hà Nội đã ký 1.267 hợp đồng tín dụng vay tổng số 6.250.514.121.739 đồng của DAB để kinh doanh. Công ty Gia Kim đã thanh toán cho DAB tổng số 6.085.323.755.427 đồng tiền gốc và

187.324.954.886 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 31/5/2019, công ty Gia Kim và Chi nhánh Công ty Gia Kim tại Hà Nội còn nợ DAB 63 khế ước tổng số 245,84 tỷ đồng, gồm: 165,19 tỷ đồng tiền gốc và 80,65 tỷ đồng tiền lãi. Tài sản đảm bảo gồm: Quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền với đất tại 333/14 Nguyễn Văn Công, phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh và Quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền với đất tại số 178/11/7 Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; xe ô tô Toyota 07 chỗ; 11.796,6 kg Nickel tồn kho.

Từ tháng 01/2019 đến tháng 05/2019, Công ty Gia Kim đã trả cho DAB 37 tỷ đồng nợ gốc. Công ty Gia Kim có Phương án thanh toán hết toàn bộ dư nợ tại DAB và đã được DAB chấp thuận phương án trả nợ của Công ty Gia Kim tại Văn bản số 420/TB-DAB-KTD ngày 09/7/2019. Do vậy, chưa có căn cứ để xác định thiệt hại và xem xét trách nhiệm hình sự các đối tượng liên quan đến các khoản vay của Công ty Gia Kim và Chi nhánh Công ty Gia Kim tại Hà Nội. Ngày 08/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an có Văn bản số 5400/C03-P13 thống nhất về mặt chủ trương để DAB và Nhóm Công ty Gia Kim chủ động bổ sung tài sản đảm bảo và thu nợ theo phương án đã được DAB phê duyệt tại Thông báo số 420/TB-DAB-KTD ngày 09/7/2019.

- Đối với việc DAB cho Công ty Gia Kim vay 03 khoản 66,64 tỷ đồng để xử lý nợ cho Công ty Bà Nguyễn Thị M Thanh, đến nay còn dư nợ 12.517.603.520 đồng tiền gốc và 1.061.622.855 đồng tiền lãi. Kết quả điều tra xác định: Trần Phương B nhờ Nguyễn Hưng Q sử dụng pháp nhân Công ty Gia Kim mua 510.277 kg thép của Công ty Bà Nguyễn Thị M Thanh để thế chấp vay tiền DAB, mục đích để DAB xử lý nợ của Công ty Bà Nguyễn Thị M Thanh, tiền vay không đi ra khỏi DAB (DAB hạch toán thu nợ của Công ty Bà Nguyễn Thị M Thanh). Do vậy, chưa đủ căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Trần Phương B, Nguyễn Hưng Q và các đối tượng liên quan trong việc DAB cho Công ty Gia Kim vay 03 khoản nêu trên.

- Đối với các khoản vay của Công ty TNHH ĐTXD Bắc Bình tại DAB: Tại thời điểm Ngân hàng Nhà nước ban hành Kết luận thanh tra số 20/KLTT-Cục II.2 ngày 23/7/2015, Công ty TNHH ĐTXD Bắc Bình còn dư nợ 02 khoản vay tại DAB, gồm khoản vay 227.348.666.666 đồng theo Hợp đồng số H.0076/12 ngày 22/7/2010 và khoản vay 42 tỷ đồng theo Hợp đồng số H.0085/12 ngày 27/09/2012. Đến thời điểm ngày 16/12/2016, Công ty TNHH ĐTXD Bắc Bình đã thanh toán cho DAB toàn bộ tiền gốc và tiền lãi của 02 khoản vay nêu trên. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an chưa có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự các đối tượng liên quan đến 02 khoản vay nêu trên của Công ty TNHH ĐTXD Bắc Bình.

- Đối với các khoản vay của công ty cổ phần Địa ốc Đông Á và Cao Ngọc Huy - Lê Nguyên Đăng Hằng. Kết quả điều tra xác định: Các khoản vay của công ty cổ phần Địa ốc Đông Á và Cao Ngọc Huy- Lê Nguyên Đăng Hằng đều có tài sản đảm bảo, giá trị tài sản đảm bảo đủ để trả nợ vay, nếu khách hàng không trả được nợ vay thì DAB có thể phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình

sự các đối tượng liên quan đến các khoản vay của công ty cổ phần Địa ốc Đông Á và Cao Ngọc Huy - Lê Nguyên Đăng Hằng tại DAB.

3. Đối với việc DAB cho Trương Quốc Tân vay không 300 tỷ đồng và Nguyễn Hưng Q vay không 250 tỷ đồng để che giấu âm quỹ.

Tháng 6/2013 DAB đang bị thiếu hụt số lượng lớn tiền, vàng trong kho quỹ. Để che giấu âm quỹ, đối phó với công tác thanh tra và kiểm tra, Trần Phương B nhờ Nguyễn Hưng Q và Trương Quốc Tân đứng tên vay không 550 tỷ đồng tại DAB, trong đó Nguyễn Hưng Q vay 250 tỷ đồng (Hợp đồng tín dụng số 11101K0752/1 ngày 28/6/2013) và Trương Quốc Tân (Hợp đồng tín dụng số K1895/1 ngày 29/6/2013) vay 300 tỷ đồng, sau đó Trần Phương B đã sử dụng 3 tỷ đồng từ khoản vay không 300 tỷ đồng của Trương Quốc Tân để trả nợ cho các khoản vay đến hạn của công ty cổ phần Công Nghệ Hội Tụ và Trương Quốc Tân, còn lại 297 tỷ đồng được sử dụng để che giấu âm quỹ tại DAB, không đi ra khỏi DAB; khoản vay 250 tỷ đồng của Nguyễn Hưng Q không giải ngân, không đi ra khỏi DAB (mục đích che giấu âm quỹ DAB). Ngày 08/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an có Văn bản số 5401/C03-P13 đề nghị xem xét lại việc tính dư nợ gốc và lãi phát sinh đối với các khoản vay nêu trên, việc tính dư nợ gốc và lãi phát sinh của khoản vay trên cơ sở số tiền giải ngân thực tế, không tính dư nợ phát sinh từ số tiền giải ngân không hoặc không giải ngân.

Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an chưa đủ căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Trần Phương B, Nguyễn Hưng Q, Trương Quốc Tân và các đối tượng liên quan đến hành vi nêu trên.

4. Đối với việc Trần Phương B chuyển 500.000 USD cho Nguyễn Thiện N.

Kết quả điều tra đến nay Trần Phương B vẫn giữ nguyên lời khai về việc Trần Phương B chuyển 500.000 USD cho Nguyễn Thiện N để chi phí thuê tư vấn mua hoặc đầu tư vào DAB; do Nguyễn Thiện N bỏ trốn khỏi nơi cư trú nên chưa làm việc được với Nguyễn Thiện N; nên việc Trần Phương B chuyển 500.000 USD cho Nguyễn Thiện N sẽ được điều tra làm rõ cùng với các hành vi của Nguyễn Thiện N liên quan đến Nhóm TTC vay tiền của DAB đã được Cơ quan điều tra tách ra xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 470/2020/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 355; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: **Trần Phương B** 20 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” và tù chung thân về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là tù chung thân.

Cấm bị cáo Trần Phương B đảm nhiệm chức vụ có liên quan đến hoạt động tín dụng trong thời gian 05 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Tổng hợp với hình phạt của bản án số 310/2019/HS-PT ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt cho cả hai bản án là tù chung thân.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/12/2016.

- Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: **Phùng Ngọc K** 18 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày 08/1/2019.

- Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: **Nguyễn Đức T** 07 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”.

Tổng hợp với hình phạt 13 năm tù của bản án số 310/2019/HS-PT ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt cho cả hai bản án là 20 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày **21/4/2017**.

- Căn cứ khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: **Nguyễn Thị Ngọc V** 04 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: **Nguyễn Tăng Ngọc L** 05 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: **Nguyễn Quang T** 05 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: **Phạm Huy L** 07 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: **Vũ Đức D** 04 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: **Nguyễn Văn B** 03 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: **Nguyễn Chí C** 02 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”.

Tổng hợp với hình phạt 02 năm tù của bản án số 310/2019/HS-PT ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt cho cả hai bản án là 04 năm tù Thời hạn tù tính từ ngày **03/4/2020**.

- Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: **Phạm Chiến Q** 03 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: **Nguyễn Chí T** 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho chính quyền địa phương là Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Nếu bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ Luật Hình Sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc Trần Phương B phải bồi hoàn lại cho ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á toàn bộ số tiền thiệt hại liên quan đến hành vi lập chứng từ thu khống là 1.962.947.576.018 đồng.

Buộc Trần Phương B phải bồi thường cho ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á toàn bộ số tiền thiệt hại liên quan đến hành vi lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản là 120.940.999.400 đồng.

Buộc Phùng Ngọc K phải bồi hoàn lại cho ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á số tiền là 3.949.903.151.041 đồng được xác định là thiệt hại liên quan đến khoản vay của các công ty gồm: Công ty cổ phần M&C, Công ty CP tân Superdeck M&C, Công ty CP đầu tư Khải Minh, Công ty TNHH An Bình An.(Các tài sản (nếu có) của các công ty gồm Công ty cổ phần M&C, Công ty CP tân Superdeck M&C, Công ty CP đầu tư Khải Minh, Công ty TNHH An Bình An sẽ được dùng để đảm bảo, xử lý nghĩa vụ của bị cáo Phùng Ngọc K trong vụ án này)

Buộc công ty TNHH Thép Đồng Tiến nay là Công ty TNHH thép Đ (do ông Trần Quang K là đại diện) phải bồi hoàn lại cho ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á số tiền là 208.352.397.221 đồng.

Buộc Công ty TNHH tư vấn đầu tư T (do ông Bùi Văn D là đại diện) phải bồi hoàn lại cho ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á số tiền là 184.053.763.494 đồng.

Buộc bà Vũ Thị L phải liên đới cùng Công ty TNHH Tân Vạn Hưng bồi hoàn cho ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á số tiền là 1.000.857.407.165 đồng (với tỷ lệ là bà Vũ Thị L 50%, công ty Tân Vạn Hưng 50%);

Buộc bà Vũ Thị L phải liên đới cùng bà Nguyễn Thị M- chủ doanh nghiệp tư nhân Kim Hiền bồi hoàn cho ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á số tiền là 163.070.910.083 đồng. (với tỷ lệ là bà Vũ Thị L 50%, bà Nguyễn Thị M 50%);

Buộc bà Vũ Thị L phải liên đới cùng bà Nguyễn Thị Thu T bồi hoàn cho ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á số tiền là 105.269.200.000 đồng. (với tỷ lệ là bà Vũ Thị L 50%, Bà Nguyễn Thị Thu T 50%);

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với số tiền 250.000.000.000 đồng mà Công ty TNHH MTV B đã chuyển về tài khoản tạm giữ của cơ quan thi hành án để đảm bảo nghĩa vụ bồi hoàn của Phùng Ngọc K trong vụ án. Về yêu cầu bồi thường các chi phí phát sinh của Công ty TNHH MTV B liên quan đến công ty CP M&C Hội đồng xét xử xét thấy đây là một quan hệ pháp luật khác cần tách ra giải quyết trong một vụ án khác khi các bên có yêu cầu theo quy định pháp luật.

(Số tiền đang được tạm giữ tại Cục thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo ủy nhiệm chi ngày 02/6/2020 của kho bạc nhà nước Hà Nội)

Tiếp tục kê biên đối với tài sản được xác định là của Trần Phương B gồm: 100% vốn góp tại Công ty TNHH XD & PT Đô thị Thái An và các tài sản liên quan đến số vốn góp này là gói 1, và 15.000 m² của gói 2 dự án khu đô thị Mỹ Gia (tài sản được xác định và kê biên theo lệnh kê biên số 23 ngày 03/8/2017, biên bản kê biên của cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công An ngày 14/8/2017, kết luận định giá số 798/KL-HĐDGTS ngày 09/3/2018 của hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa) để đảm bảo thu hồi nợ đối với khoản vay của Công ty TNHH XD & PT Đô thị Thái An được thế chấp bằng tài sản này tại ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á, phần tài sản còn lại (nếu có) sẽ được bảo đảm nghĩa vụ của bị cáo Trần Phương B trong vụ án này và giai đoạn 1 của vụ án và các nghĩa vụ dân sự khác của bị cáo Trần Phương B (nếu có).

Tiếp tục kê biên đối với tài sản được xác định là của Trần Phương B gồm : 100% vốn góp tại Công ty TNHH H, gồm: 30% vốn góp của Công ty cổ phần Vốn An Bình, 40% vốn góp của Phạm Văn T và 30% vốn góp của Cao Ngọc Huy, Công ty TNHH H là chủ đầu tư Dự án khu nhà ở cao tầng phường Hiệp Phú, Quận 9, TP Hồ Chí Minh Bà Nguyễn Thị M (tài sản được xác định và kê biên theo lệnh kê biên số 19/C46-P10 ngày 28/4/2017, biên bản kê biên của cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công An ngày 31/5/2017, kết luận định giá số 3308/KL-HĐDGTS ngày 05/6/2019 của hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh) để đảm bảo cho ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á xử lý thu hồi các khoản nợ được thế chấp bằng tài sản này tại ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á, số tiền còn lại sau khi thu hồi các khoản nợ (nếu có) sẽ được dùng để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ của Trần Phương B trong vụ án này và giai đoạn 1 của vụ án và các nghĩa vụ dân sự khác của bị cáo Trần Phương B (nếu có).

Tiếp tục kê biên đối với tài sản được xác định là của Trần Phương B gồm: tài sản là 29% cổ phần của Công ty TNHH Xây dựng B tại Công ty CP Phát triển Đô thị Vĩnh Thái và phần tài sản liên quan đến số cổ phần này, Công ty CP Phát triển Đô thị Vĩnh Thái là chủ đầu tư Dự án khu đô thị Mỹ Gia tại xã Vĩnh Thái, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, (tài sản được xác định và kê biên theo lệnh kê biên số 19/C46-P10 ngày 28/4/2017, biên bản kê biên của cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công An ngày 14/8/2017, kết luận định giá số 2006/KL-HĐDGTS ngày 23/5/2018 của hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa) để đảm bảo cho ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á xử lý thu hồi các khoản nợ được thế chấp bằng tài sản này tại ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á, số tiền còn lại sau khi thu hồi các khoản nợ (nếu có) sẽ được dùng để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ của Trần Phương B trong vụ án này và giai đoạn 1 của vụ án và các nghĩa vụ dân sự khác của bị cáo Trần Phương B (nếu có).

Tiếp tục phong tỏa đối với các tài sản:

+ 05 bất động sản của ông Huỳnh Bá Thành, bà Vũ Thị L gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 368B Trần Văn Quang, Phường 10, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ mới là 102 Trần Văn Quang, Phường 10, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh);

- Tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 85 Chế Lan Viên, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 92 Dương Đức Hiền, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 521 Lý Thường Kiệt, Phường 08, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 521A Lý Thường Kiệt, Phường 08, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Các tài sản trên dùng để đảm bảo thi hành án đối với các nghĩa vụ của công ty TNHH Tân Vạn Hưng được đảm bảo bằng các tài sản này trong vụ án, phần tài sản dư ra sau khi xử lý các tài sản trên để thu hồi nợ (nếu có) sẽ được đảm bảo nghĩa vụ của bà Vũ Thị L trong vụ án.

Tiếp tục phong tỏa đối với Quyền sử dụng đất (trên khuôn viên đất có công trình xây dựng chưa hoàn công) tại địa chỉ 50 đường 28 thuộc phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Huỳnh Bá P để đảm bảo thi hành án các nghĩa vụ của công ty TNHH Tân Vạn Hưng trong vụ án.

Tiếp tục phong tỏa đối với các tài sản:

+02 Quyền sử dụng đất tại ấp Chánh, xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 585207 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE320300 do ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu tỉnh Tây Ninh cấp) của ông Đặng Bà Nguyễn Thị M Q, bà Phan Thị Hiệp.

+ 02 Quyền sử dụng đất (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 769377 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N213517 do ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp) tại phường Long Phước, Quận 9, TP Hồ Chí Minh của bà Nguyễn Thị M; Quyền sử dụng đất tại địa chỉ Căn hộ tầng 1+ lửng tại 57 Bành Văn Trân, Phường 7, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Huỳnh Bá T.

Các tài sản trên dùng để đảm bảo thi hành án đối với nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị M-chủ doanh nghiệp tư nhân Kim Hiền trong vụ án, phần tài sản dư ra sau khi xử lý các tài sản trên để thu hồi nợ (nếu có) sẽ được đảm bảo nghĩa vụ của bà Vũ Thị L trong vụ án.

Tiếp tục phong tỏa đối với tài sản là nhà, quyền sử dụng đất tại số 57 Tân Xuân, Phường 8, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để bảo đảm thi hành án phần nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị M trong vụ án (Bà Nguyễn Thị M có quyền sở hữu đối với 1/2 giá trị của tài sản này).

Tiếp tục phong tỏa giao dịch đối với: nhà, quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 55/6 Trần Đình Xu, phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và 03 thửa đất tại xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 705055, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 705944 , giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V484650 do ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp) giao cho cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an tiếp tục xác bà Nguyễn Thị M làm rõ các tài sản này có thuộc sở hữu của ông Huỳnh Bá Thành, bà Vũ Thị L hay công ty TNHH Tân Vạn Hưng hay không, nếu là tài sản của những đối tượng vừa nêu thì sẽ được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của

công ty TNHH Tân Vạn Hưng và bà Vũ Thị L trong vụ án. Nếu không liên quan đến ông Huỳnh Bá Thành, bà Vũ Thị L hay công ty TNHH Tân Vạn Hưng thì đề nghị chấm dứt phong tỏa theo quy định pháp luật.

(các tài sản nêu trên bị phong tỏa giao dịch theo: công văn 3069/C03-P13 ngày 30/6/2019; công văn 3069/C03-P13 ngày 20/6/2019; công văn 3068/C03-P13 ngày 30/6/2019; công văn 2479/C03-P13 ngày 30/5/2019; công văn 3441/C03-P13 ngày 27/9/2018; công văn 3442/C03-P13 ngày 27/9/2018 của cơ quan cảnh sát điều tra bộ công an)

Đề nghị ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á sau khi xử lý tài sản được đảm bảo của 48 khoản vay có thể chấp của công ty TNHH Thép Đồng Tiến Việt Nhật Osaka và Công ty TNHH tư vấn đầu tư T để thu hồi nợ đối với 48 khoản vay có thể chấp theo đúng quy định pháp luật, đối với phần tài sản còn lại sau khi xử lý (nếu có) nếu xác định được là thuộc sở hữu của Công ty TNHH thép Đ và Công ty TNHH tư vấn đầu tư T thì yêu cầu phải được dùng để đảm bảo nghĩa vụ của 02 công ty này trong vụ án này.

Hội đồng xét xử chuyển các kiến nghị của ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á cùng đơn của bị cáo Trần Phương B cho cơ quan cảnh sát điều tra- Bộ công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với số tiền 3.000.000.000 đồng liên quan việc ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á cho Trương Quốc Tân vay không 300.000.000.000 đồng, do bị cáo Trần Phương B hoàn toàn không bị truy tố, hoặc xem xét trách nhiệm hình sự đối với hành vi này, bên cạnh đó khoản vay này cũng liên quan đến các kiến nghị của ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á nên Hội đồng xét xử xét chuyển cho cơ quan cảnh sát điều tra xem xét giải quyết theo quy định pháp luật cùng với các kiến nghị của ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á.

Đối với khoản vay của ông Trần Văn Kỳ tại ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á, Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ pháp luật khác giữa ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á, ông Trần Văn Kỳ, bị cáo Trần Phương B nên cần tách ra giải quyết bằng 01 vụ án khác khi các bên có yêu cầu theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo như sau:

- Ngày 09/12/2020 bị cáo Trần Phương B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Ngày 15/12/2020 bị cáo Nguyễn Đức T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Ngày 08/12/2020 bị cáo Nguyễn Thị Ngọc V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Ngày 07/12/2020 bị cáo Nguyễn Tăng Ngọc L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Ngày 04/12/2020 bị cáo Phạm Huy L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và

xin được hưởng án treo.

- Ngày 10/12/2020 bị cáo Vũ Đức D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

- Ngày 08/12/2020 bị cáo Nguyễn Quốc Bảo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Ngày 03/12/2020 bị cáo Nguyễn Quang T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 08/12/2020 bị cáo Phạm Chiến Q kháng cáo xin được hưởng án treo.

- Ngày 08/12/2020 bị cáo Phùng Ngọc K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xem lại số tiền 250 tỷ đồng trừ vào tiền nợ gốc và xác định lại số tiền lãi.

* Nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo:

- Ngày 10/12/2020 Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á (DAB) kháng cáo phần dân sự của bản án sơ thẩm.

- Ngày 10/12/2020 Công ty cổ phần Phát triển Đô thị V kháng cáo cho rằng việc kê biên Gói 1 và 1,5 ha Gói 2 Dự án Khu đô thị Mỹ Gia là không đúng.

- Ngày 12/12/2020 Công ty TNHH thép Đ kháng cáo phần án sơ thẩm bồi hoàn cho Ngân hàng Đông Á số tiền 208.352.397.221đ.

- Ngày 12/12/2020 Công ty TNHH tư vấn đầu tư T kháng cáo việc án sơ thẩm buộc Công ty bồi thường cho Ngân hàng số tiền trên 184 tỷ đồng.

- Ngày 03/12/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M kháng cáo không đồng ý liên đới cùng bà Vũ Thị L bồi thường cho Ngân hàng Đông Á số tiền trên 163 tỷ đồng.

- Ngày 17/12/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Bà Nguyễn Thị M Q kháng cáo cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh là tài sản chung, ông không thể chấp, yêu cầu tuyên bố vô hiệu.

- Ngày 17/12/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị L kháng cáo phần tài sản Ngân hàng xử lý liên quan đến Doanh nghiệp Tân Vạn Hưng và vàng bạc Kim Hiền.

- Ngày 17/12/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Bá T kháng cáo cho rằng những tài sản Tòa tiếp tục kê biên không được đăng ký giao dịch bảo đảm, không có ký thế chấp, nên không đồng ý chịu trách nhiệm.

- Ngày 18/12/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Bá L kháng cáo cho rằng ông không thể chấp tài sản bảo lãnh vay Ngân hàng nên việc kê biên tài sản ông là không đúng.

- Ngày 17/12/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T kháng cáo cho rằng không thể chấp tài sản, không ký vào giấy thế chấp nên không chịu liên đới cùng bà Vũ Thị L trả nợ.

- Ngày 09/12/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đức H, ông Trần Đức Hoà người đại diện của bà Nguyễn Thị Chấn kháng cáo cho rằng không bảo lãnh cho khoản vay nên không chịu trách nhiệm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Bị cáo Nguyễn Quang T thay đổi yêu cầu kháng cáo từ xin giảm nhẹ hình phạt sang kêu oan cho rằng mình không phạm tội.

- Quan điểm của đại diện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng của VKSNDTC đã truy tố và Bản án hình sự sơ thẩm số 470/2020/HS-ST ngày 07/11/2020 của TAND Thành phố Hồ Chí Minh đã quy kết. Do đó, bản án sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Trần Phương B về các tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”, “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. Các bị cáo Phùng Ngọc K, Nguyễn Đức T, Phạm Huy L, Vũ Đức D, Nguyễn Thị Ngọc V, Nguyễn Văn B, Nguyễn Tăng Ngọc L, Nguyễn Quang T, Nguyễn Chí C, Phạm Chiến Q, Nguyễn Chí T về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”, là có căn cứ, đúng pháp luật.

1. Đối với kháng cáo của bị cáo Trần Phương B, nhận thấy:

+ Bị cáo Trần Phương B - Nguyên Tổng giám đốc DAB là người đề ra chủ trương và trực tiếp chỉ đạo Nguyễn Thị Ngọc V, Nguyễn Đức T tổ chức phân công cho những nhân viên dưới quyền tại Ngân hàng Đông Á bao gồm sở giao dịch và chi nhánh Quận 4, Quận 9, Quận 10 và chi nhánh Lê Văn Sỹ cấp tín dụng và cơ cấu nợ trái với quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy chế của DAB gây thiệt hại cho Ngân hàng Đông Á tổng số tiền 8.474.017.397.524 đồng, trong đó cho nhóm khách hàng TTC vay tiền gây thiệt hại 3.139.182.039.568 đồng; cho nhóm khách hàng Đồng Tiến vay tiền gây thiệt hại cho 393.633.033.715 đồng; cho nhóm khách hàng M & C vay tiền gây thiệt hại 3.949.903.151.041 đồng; cho nhóm khách hàng Tân Vạn Hưng vay tiền và cơ cấu nợ gây thiệt hại 991.299.173.200 đồng. Ngoài ra, bị cáo còn trực tiếp chiếm đoạt sử dụng cá nhân và trả nợ gốc lãi các khoản vay của bản thân số tiền 75.633.400.000 đồng. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc hơn các bị cáo còn lại.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có những đóng góp cũng như tâm huyết của bị cáo đối với DAB nói riêng cũng như những đóng góp cho công tác xã hội, khuyến học, khuyến tài nên đã cho bị hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để tuyên mức án 20 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” và tù chung thân về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là tù chung thân, là tương xứng tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần

Phương B không có cơ sở để chấp nhận.

2. Đối với kháng cáo của bị cáo Phùng Ngọc K, nhận thấy:

a) Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt:

Bị cáo Phùng Ngọc K, là Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần M&c biết rõ các khoản vay của Nhóm M&c do bị cáo trực tiếp điều hành đang có dư nợ đặc biệt lớn tại DAB và không có khả năng trả nợ nên đã bàn bạc, thống nhất với Trần Phương B về việc cung cấp các pháp nhân và lập hồ sơ vay không cung cấp cho DAB nhằm đảo nợ kéo dài thời hạn vay. Bị cáo cũng đại diện công ty cổ phần M&c trực tiếp ký hồ sơ vay 270 tỷ đồng tại DAB Sở giao dịch; ký hợp đồng hợp tác đầu tư khổng và nhờ Lê Trọng Nhi, Lê Uy V và Tạ Nguyễn Tấn Trương sử dụng pháp nhân các công ty TNHH An Bình An, công ty cổ phần đầu tư Khải Minh và công ty cổ phần Tân Superdeck M&C (thuộc Nhóm khách hàng M&C) lập hồ sơ vay DAB 1.405 tỷ đồng tại DAB chi nhánh Quận 4 và Quận 9 cũ. Các công ty đứng tên vay vốn không còn hoạt động, không có tài sản, không có khả năng khắc phục hậu quả, gây thiệt hại cho DAB tổng số tiền 3.949.903.151.041 đồng. (nợ gốc 1.675.000.000.000đồng, nợ lãi là 2.274.903.151.041 đồng). Bị cáo phạm tội nhiều lần, do đó cần có mức án nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo và để phòng ngừa chung. Song, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xét đến bị cáo đã thành khẩn khi báo, tỏ ra ăn năn hối cải; quá trình điều hành nhóm M&C có hoạt động từ thiện tham gia tài trợ cho Hội thảo quốc tế về cây ghép gan từ người cho sống tại Việt Nam nên đã áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, mức án 18 năm tù là tương xứng tính chất hành vi phạm tội, do không có tình tiết giảm nhẹ mới, vì vậy không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

b) Đối với kháng cáo của bị cáo Phùng Ngọc K đề nghị xem xét căn trừ số tiền 250 tỷ đồng tiền vật chứng do Công ty TNHH MTV B đã chuyển trả vào trong tổng số tiền mà bị cáo gây thiệt hại 3.949.903.151.041 đồng cho Ngân hàng Đông Á (DAB), xem xét lại số tiền lãi buộc bị cáo phải bồi hoàn cho DAB và buộc các bị cáo khác phải liên đới bồi thường cùng bị cáo, thấy rằng:

Số tiền 250 tỷ đồng do Công ty TNHH MTV B đã chuyển đến tài khoản tạm giữ của Cơ quan thi hành án theo yêu cầu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, đây là tiền do bị cáo Trần Phương Bình chỉ đạo cho Cao Thị Ngọc Hồng và Công ty CP ĐT XD KT Đông Á đứng tên vay DAB trái pháp luật, sau đó thông qua Công ty CP vốn An Bình, chuyển cho Công ty CP M&C để Công ty CP M&C chuyển cho Công ty TNHH MTV B vào ngày 31/10/2011. Bị cáo Trần Phương B chuyển cho bị cáo Phùng Ngọc K đặt cọc đảm bảo việc hợp tác đầu tư dự án Sài Gòn - Ba Sơn với Công ty TNHH MTV B. Đây là tiền của DAB, là vật chứng của vụ án, liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Trần Phương B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Phương B và bị cáo Phùng Ngọc K đều khai: Đến ngày 12/10/2012 (tức gần 1 năm sau) DAB Sở giao dịch mới cho công ty cổ phần M&c của bị cáo Phùng Ngọc K vay 270 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số 00001H03 00/1 để hoàn tiền đầu tư cho công ty cổ phần vốn An Bình, tài sản đảm bảo là Dự án Sài Gòn - Ba Son. Sau khi giải ngân, DAB Sở giao dịch tất toán gốc và lãi khoản vay của Cao Thị Ngọc Hồng và công ty cổ phần xây dựng kỹ thuật Đông Á, là pháp nhân Trần Phương B mượn để vay 250 tỷ đồng chuyển cho Phùng Ngọc K đặt cọc đảm bảo việc hợp tác đầu tư dự án Sài Gòn - Ba Son với Công ty TNHH MTV B. Như vậy, khoản tiền 250 tỷ đồng này không liên quan đến số tiền mà bị cáo Phùng Ngọc K chiếm đoạt, mà khoản vay 270 tỷ đồng của Công ty CP M&C mới liên quan đến số tiền bị cáo Phùng Ngọc K chiếm đoạt của DAB (3.949.903.151.041 đồng). Đối với nợ lãi là 2.274.903.151.041 đồng đã được Tòa án cấp sơ thẩm kiểm tra, đối chiếu theo quy định pháp luật.

Do đó, kháng cáo yêu cầu xem xét căn trừ số tiền 250 tỷ đồng mà Công ty TNHH MTV B đã chuyển trả lại DAB căn trừ vào trong số tiền bị cáo gây thiệt hại 3.949.903.151.041 đồng cho DAB và xem xét lại số tiền lãi buộc bị cáo phải bồi hoàn cho DAB là không có căn cứ.

Bản án hình sự sơ thẩm tuyên: Tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với số tiền 250.000.000.000 đồng mà Công ty TNHH MTV B đã chuyển về tài khoản tạm giữ của cơ quan thi hành án để đảm bảo nghĩa vụ bồi hoàn của bị cáo Phùng Ngọc K trong vụ án là phù hợp.

Đối với số tiền 3.949.903.151.041 đồng mà DAB bị thiệt hại do hành vi trái pháp luật của bị cáo Phùng Ngọc K gây ra, không liên quan đến các bị cáo khác trong vụ án, chỉ có bị cáo Phùng Ngọc K sử dụng vào các mục đích khác nhau, cho nên bị cáo Phùng Ngọc K phải có trách nhiệm bồi thường cho DAB. Do đó, bị cáo Phùng Ngọc K yêu cầu buộc các bị cáo khác phải liên đới bồi thường cùng bị cáo trong vụ án này là không có căn cứ để chấp nhận.

3. Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Vũ Đức D, nhận thấy:

Bị cáo Vũ Đức D, nguyên là Phó giám đốc DAB Chi nhánh Quận 4, đã có hành vi ký tờ trình đề nghị cấp tín dụng cho Công ty TNHH An Bình An và Công ty cổ phần Đầu tư Khải Minh vay tổng số tiền là 975 tỷ đồng gây thiệt hại cho DAB số tiền 2.362.105.012.152 đồng. Bị cáo phạm tội 2 lần, theo quy định của Nghị quyết số 02/2018 của HĐTP TAND tối cao thì không được cho hưởng án treo. Mức án 04 (bốn) năm tù là tương xứng tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Vũ Đức D không có cơ sở để chấp nhận.

4. Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn Bảo, nhận thấy:

Bị cáo Nguyễn Văn Bảo, nguyên là Phó phòng Khách hàng doanh nghiệp, DAB Chi nhánh Quận 4. Theo sự chỉ đạo của Phạm Huy L, bị cáo Nguyễn Văn B không thực hiện thẩm định trực tiếp khách hàng, không trực tiếp gặp gỡ khách

hàng để nhận hồ sơ, chỉ thẩm định trên hồ sơ khi làm thủ tục cho Công ty An Bình An và Công ty Khải Minh vay. Hồ sơ vay không đủ điều kiện cho vay theo quy định Ngân hàng nhà nước, gây thiệt hại cho DAB số tiền 2.362.105.012.152 đồng. Mức án 03 (ba) năm tù là có chiều cố khoan hồng. Bị cáo phạm tội 2 lần, theo quy định của Nghị quyết số 02/2018 của HĐTP TAND tối cao thì không được cho hưởng án treo. Vì vậy, kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo không có căn cứ xem xét chấp nhận.

5. Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc V, nhận thấy:

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc V, nguyên là Phó Tổng giám đốc phụ trách khu vực, Phó chủ tịch Hội đồng tín dụng DAB, có các hành vi duyệt, ký Tờ trình, ký kiểm soát Tờ trình sai quy định, đề nghị Trần Phương B phê duyệt cho 03 nhóm khách hàng: Hiệp Phú Gia; Nhóm khách hàng M&C, Đồng Tiến vay với vai trò Phó Tổng giám đốc, gây thiệt hại cho DAB số tiền 3.704.582.009.131 đồng. Mức án 04 (bốn) năm tù là nhẹ, chưa tương xứng tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc V không có căn cứ để chấp nhận.

6. Đối với kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Quang T, nhận thấy:

Bị cáo Nguyễn Quang T, nguyên là Phó Giám đốc DAB Chi nhánh Quận 9, bị cáo kêu oan nhưng thừa nhận có hành vi ký Tờ trình đề nghị cấp tín dụng và ký hợp đồng tín dụng cho Công ty CP Tân Superdeck M&C vay 430 tỷ đồng theo chỉ đạo của Trần Phương B mà không tiến hành thẩm định tình hình hoạt động tài chính, không kiểm tra thực tế tài sản bảo đảm, gây thiệt hại cho DAB số tiền 1.036.399.888.889 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo mức án 05 (năm) năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”, là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Quang T không có căn cứ chấp nhận.

7. Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Phạm Huy L, nhận thấy:

Bị cáo Phạm Huy L, nguyên là Giám đốc DAB Chi nhánh Quận 4, nhận chỉ đạo trực tiếp từ bị cáo Trần Phương B. Bị cáo Phạm Huy L đã Ký tờ trình đề nghị cấp tín dụng và trực tiếp ký giải ngân cho Công ty TNHH An Bình An và Công ty CP Đầu tư Khải Minh vay tổng số tiền là 975 tỷ đồng tiền gốc sai quy định, gây thiệt hại cho DAB 2.362.105.012.152 đồng. Mức án 07 (bảy) năm tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Do không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ xem xét giảm hình phạt cho bị cáo. Mặt khác, bị cáo phạm tội 2 lần, theo quy định của Nghị quyết số 02/2018 của HĐTP TAND tối cao thì không được cho hưởng án treo. Vì vậy, kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo không có căn cứ xem xét chấp nhận.

8. Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Đức T, thì thấy:

Bị cáo Nguyễn Đức T, nguyên là Giám đốc DAB Sở giao dịch, theo chỉ đạo của Trần Phương B, bị cáo Nguyễn Đức T đã duyệt và ký Tờ trình đề nghị Hội sở DAB phê duyệt cho 03 nhóm khách hàng: Đồng Tiền (vay 265, tỷ); nhóm khách hàng M&C (vay 270 tỷ); nhóm khách hàng Tân Vạn Hưng (vay 593,1 tỷ) vay, gây thiệt hại cho DAB số tiền 1.955.541.895.034 đồng. Bị cáo phạm tội 2 lần trở lên, mức án 07 (bảy) năm tù là có phần nhẹ, đã có chiều cổ khoan hồng. Vì vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Đức T là không có căn cứ xem xét chấp nhận.

9. Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Tăng Ngọc L, nhận thấy:

Bị cáo Nguyễn Tăng Ngọc L, Nguyên là Phó Giám đốc DAB Chi nhánh Quận 10, theo chỉ đạo của Trần Phương B và Nguyễn Thị Ngọc V, bị cáo Nguyễn Tăng Ngọc L đã lập, ký Tờ trình đề nghị hội sở phê duyệt cho TTC Đà Lạt vay 210 tỷ đồng sai quy định, gây thiệt hại cho DAB 527.509.305.556 đồng. Xét thấy bị cáo phạm tội 01 lần, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo thấp hơn các bị cáo Phạm Chiến Q, Bảo nhưng bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Nguyễn Tăng Ngọc L mức án 4 năm tù là cao hơn mức án phạt của các bị cáo Phạm Chiến Q, Bảo là chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo Linh. Trong giai đoạn phúc thẩm bị cáo Nguyễn Tăng Ngọc L có tình tiết giảm nhẹ mới: Bị cáo cung cấp thêm nhiều bằng khen chiến sỹ thi đua cơ sở, tự nguyện nộp 50 triệu để khắc phục hậu quả, mặc dù án sơ thẩm không tuyên buộc bị cáo phải liên đới với các bị cáo khác bồi thường, bị cáo đang điều trị di chứng cột sống do bị tai nạn giao thông. Vì vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Tăng Ngọc L là có cơ sở để chấp nhận.

10. Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Phạm Chiến Quốc, nhận thấy:

Bị cáo Phạm Chiến Quốc, nguyên là Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP Đông Á (DAB) Chi nhánh Quận 9. Theo chỉ đạo của hội sở, mặc dù biết sai nhưng bị cáo vẫn lập, ký tờ trình đề nghị cấp tín dụng cho Công ty CP Tân Superdeck M&C vay 430 tỷ đồng, gây thiệt hại cho DAB số tiền 1.036.399.888.889 đồng.

Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, giữ vai trò thứ yếu, thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải, nên cần xét xét giảm hình phạt cho bị cáo. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo.

ĐỐI VỚI PHẦN KHÁNG CÁO VỀ TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ:

1. Đối với kháng cáo về phần dân sự của Ngân hàng TMCP Đông Á (DAB):

- Xét kháng cáo yêu cầu tính lãi các hợp đồng tín dụng đến khi xét xử sơ thẩm là 10.277.054.304.171 đồng, thì thấy:

Việc kháng cáo yêu cầu, tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án là ngày 19/11/2020 của Ngân hàng Đông Á là không có căn cứ chấp nhận.

Bởi lẽ, đối với hành vi phạm tội của bị cáo Trần Phương B và đồng phạm chỉ là

thực hiện việc đảo nợ, cơ cấu lại nợ xấu không đúng pháp luật. Do đó bản án sơ thẩm tính lãi đến ngày khởi tố vụ án là ngày 24/12/2018, riêng đối với thiệt hại liên quan đến khoản vay của công ty Tân Vạn Hưng và doanh nghiệp tư nhân Kim Hiền tính đến ngày khởi tố bổ sung vụ án là ngày 13/9/2019 là phù hợp.

- Xét kháng cáo yêu cầu đề nghị chấp nhận phần lãi suất tăng thêm tổng cộng 14.301.281.782 đồng đối với khoản vay 442 tỷ đồng của Công ty L và khoản vay 416,5 tỷ đồng của Nguyễn Thiện N do cung cấp sai số liệu trong quá trình điều tra, thấy rằng:

Phần lãi suất nêu trên theo yêu cầu của DAB chưa được điều tra làm rõ và Viện kiểm sát nhân dân tối cao không truy tố, đã tách ra để xử lý bằng một vụ án khác. Do đó trong phạm vi giới hạn xét xử theo quy định tại Điều 298 Bộ luật tố tụng Hình sự và đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo nên cấp xét xử sơ thẩm không thể buộc các bị cáo trong vụ án phải chịu trách nhiệm dân sự đối với phần lãi suất tăng thêm nói trên. Do đó, kháng cáo của DAB yêu cầu đề nghị chấp nhận phần lãi suất tăng thêm tổng cộng 14.301.281.782 đồng đối với khoản vay 442 tỷ đồng của Công ty L và khoản vay 416,5 tỷ đồng của Nguyễn Thiện N là không có căn cứ xem xét chấp nhận.

- Xét kháng cáo yêu cầu buộc bị cáo Trần Phương B và các cá nhân, doanh nghiệp có liên quan bồi thường thiệt hại cho DAB 06 khoản vay của nhóm Hiệp Phú Gia, TCC tính đến ngày xét xử sơ thẩm 19/11/2020 là 3.653.169.198.159 đồng, thấy rằng:

Như đã phân tích trên, hành vi phạm tội của bị cáo Trần Phương B và đồng phạm chỉ là thực hiện việc đảo nợ, cơ cấu lại nợ xấu không đúng pháp luật. Do đó bản án sơ thẩm tính lãi đến ngày khởi tố vụ án là ngày 24/12/2018 là phù hợp. Do đó, yêu cầu kháng cáo này của DAB là có căn cứ chấp nhận.

- Xét kháng cáo yêu cầu bị cáo Trần Phương B bồi thường thiệt hại 75.633.400.000 đồng gốc và lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/11/2020 là 58.259.819.150 đồng, tổng cộng là 133.893.219.150 đồng, thấy rằng:

Hành vi phạm tội này của bị cáo Trần Phương B không phải giao dịch dân sự vay tài sản. Bản án sơ thẩm chỉ xem xét tính lãi đến ngày khởi tố vụ án là ngày 24/12/2018 là phù hợp. Do đó, yêu cầu kháng cáo này của DAB là có căn cứ chấp nhận.

- Xét kháng cáo yêu cầu ông Trần Văn Kỳ và bị cáo Trần Phương B liên đới thanh toán cho DAB số tiền lãi và nợ tại HĐTD số K3691/1 ngày 27/12/2013 tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 360.936.368.333 đồng và buộc Sở tài nguyên và Môi trường TP.Hà Nội có trách nhiệm giao trả cho DAB hồ sơ chủ quyền của 37 căn hộ thuộc dự án Richland Southern Hà Nội, thì thấy:

Theo lời khai của ông Trần Văn Kỳ và của bị cáo Trần Phương B tại phiên tòa thì đây là khoản vay mà ông Kỳ ký vay giúp bị cáo Trần Phương B tại DAB. Xét thấy, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tín dụng giữa DAB

với ông Trần Văn Kỳ và bị cáo Trần Phương B. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tách ra để dành quyền cho DAB khởi kiện thành một vụ kiện khác là đúng quy định của pháp luật, không gây thiệt hại gì cho các bên. Do đó, kháng cáo của DAB đối với yêu cầu trên là không có cơ sở xem xét chấp nhận.

- Xét kháng cáo của DAB yêu cầu thu hồi số tiền 250 tỷ đồng là vật chứng của vụ án do Công ty TNHH MTV B đã chuyển vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan thi hành án, thấy rằng:

Như đã phân tích tại phần xét kháng cáo của bị cáo Phùng Ngọc K. Do đó, kháng cáo của DAB đối với yêu cầu trên là không có cơ sở để chấp nhận.

- Xét kháng cáo của DAB yêu cầu UBND tỉnh Lâm Đồng chuyển trả cho DAB số tiền 18.950.454.845 đồng là tiền vật chứng của vụ án, thấy rằng:

Số tiền 18.950.454.845 đồng mà UBND tỉnh Lâm Đồng đang tạm giữ của Công ty Cổ phần vốn Thái Thịnh Đà Lạt (TTC Đà Lạt), là tiền của Công ty Cổ phần vốn Thái Thịnh Đà Lạt (TTC Đà Lạt) chuyển cho UBND tỉnh Lâm Đồng để thực hiện dự án Trung tâm Văn hóa thể thao tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 2012, Công ty Cổ phần vốn Thái Thịnh và Công ty Cổ phần vốn Thái Thịnh Đà Lạt (TTC Đà Lạt) ngừng hoạt động, Nguyễn Thiện N - Giám đốc của Công ty Thái Thịnh đã bỏ trốn nên UBND tỉnh Lâm Đồng đã thu hồi dự án. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã tách hành vi của Nguyễn Thiện N để xử lý thành một vụ án khác khi bắt được. Do đó, đối với số tiền 18.950.454.845 đồng mà UBND tỉnh Lâm Đồng đang tạm giữ của Công ty Cổ phần vốn Thái Thịnh Đà Lạt (TTC Đà Lạt) sẽ được Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an làm rõ để xử lý cùng hành vi phạm tội của Nguyễn Thiện N bằng vụ án khác. Vì vậy, kháng cáo của DAB đối với yêu cầu trên là không có cơ sở để chấp nhận.

- Xét kháng cáo của DAB yêu cầu buộc bị cáo Trần Phương B và các doanh nghiệp, cá nhân đứng tên vay 30 Hợp đồng tín dụng liên quan đến việc mua 05 tài sản của Nhóm TTC, đầu tư Dự án Richland Hill phải liên đới bồi thường số tiền thiệt hại 1.176.357.438.536 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm 19/11/2020 là 988.041.348.831 đồng, thấy rằng:

Việc bị cáo Trần Phương B chỉ đạo cấp dưới lập chứng từ thu không 1.176.357.438.536 đồng, để trả 1.007.486.255.540 đồng cho 30 khoản vay liên quan đến việc mua 05 tài sản của Nhóm TTC và đầu tư Dự án Richland Hill, thanh toán 77.782.250.000 đồng tiền mua 35% vốn góp tại Công ty Bắc Bình và 20,33% vốn góp tại Công ty Thái An; 91.088.932.996 đồng sử dụng cho mục đích cá nhân, gây thiệt hại cho Ngân hàng Đông Á. Việc chiếm đoạt này xuất phát từ thủ đoạn của cá nhân bị cáo Trần Phương B, toàn bộ những người thực hiện việc thu không đều làm theo chỉ đạo của bị cáo Trần Phương B, hoàn toàn không được hưởng lợi và các doanh nghiệp cũng không nhận được bất cứ lợi ích gì trong số tiền trên. Do đó, cấp xét xử sơ thẩm chỉ tuyên buộc một mình bị cáo Trần Phương B phải trả cho Ngân hàng Đông Á số tiền 1.176.357.438.536 đồng và lãi suất là có căn cứ. Vì vậy, kháng cáo của DAB đối với yêu cầu trên là không có cơ sở để chấp nhận.

- Xét kháng cáo của DAB yêu cầu bị cáo Trần Phương B và các doanh nghiệp, cá nhân có trách nhiệm liên đới thanh toán thanh toán cho DAB số tiền liên quan đến 14 khoản vay còn dư nợ và lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm 19/11/2020 là 2.935.650.751.656 đồng cho đến khi hết nợ và tiếp tục kê biên các tài sản là: 100% vốn góp của Công ty TNHH H, Dự án Richland Hill, 100% vốn góp của Công ty Thái An, 29% vốn góp tại Công ty phát triển đô thị Vĩnh Thái để đảm bảo thi hành án, thấy rằng:

Như đã phân tích trên, bản án sơ thẩm tính dư nợ đến ngày khởi tố vụ án là phù hợp. Vì vậy, kháng cáo của DAB đối với yêu cầu trên là không có cơ sở để chấp nhận.

- Xét kháng cáo của DAB yêu cầu buộc ông Trần Quang K và ông Bùi Văn D phải liên đới chịu trách nhiệm dân sự đối với số tiền còn dư nợ gốc và lãi của 48 khoản vay có tài sản đảm bảo và 10 khoản vay tín chấp (không có tài sản đảm bảo) của Công ty Cổ phần Đồng Tiến và Công ty TBTP, xét thấy:

Đối với 48 khoản vay có tài sản đảm bảo do ông Trần Quang K và ông Bùi Văn D và các khoản vay tín chấp để vay của DAB. Xét thấy, do các khoản vay này không bị xem xét trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, do giới hạn xét xử nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét giải quyết mà đề nghị Ngân hàng ADB và các bên liên quan cùng phối hợp giải quyết thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của DAB đối với yêu cầu trên là không có cơ sở để chấp nhận một phần đối với phần nợ vay tín chấp.

2. Đối với kháng cáo của Công ty cổ phần Phát triển Đô thị V yêu cầu buộc Công ty Thái An không có quyền nhận chuyển nhượng gói thầu số 1 và 15.000m² của gói thầu số 2 dự án khu đô thị Mỹ Gia để giao cho Công ty Vĩnh Thái và giải tòa kê biên đối với tài sản này, tuyên bố hợp đồng thế chấp giữa Công ty Thái An và DAB là vô hiệu và tuyên bố 29% cổ phần hiện Công ty Bách Việt đang nắm là trái pháp luật, thì thấy:

- Đối với kháng cáo yêu cầu buộc Công ty Thái An không có quyền nhận chuyển nhượng gói thầu số 1 và 15.000m² của gói thầu số 2 dự án khu đô thị Mỹ Gia để giao cho Công ty Vĩnh Thái và tuyên bố 29% cổ phần hiện Công ty Bách Việt đang nắm là trái pháp luật. Thấy rằng: yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh Khánh Hoà, mặt khác các đương sự đã khởi kiện và TAND TP Nha Trang đang thụ lý giải quyết, nên yêu cầu này không có cơ sở chấp nhận.

- Xét kháng cáo yêu cầu giải tòa kê biên đối với tài sản này, tuyên bố hợp đồng thế chấp giữa Công ty Thái An và DAB là vô hiệu, thấy rằng:

Về tính pháp lý, toàn bộ dự án là của Cty Vĩnh Thái, được UBND tỉnh Khánh Hoà cấp GCNQSDĐ (bao gồm cả Gói 1 và 1,5ha của Gói 2 khu đô thị Mỹ Gia). Đến nay, UBND tỉnh Khánh Hoà chưa cho phép Công ty Vĩnh Thái chuyển nhượng cho Công ty Thái An Gói 1 và 1,5 ha đất thuộc Gói 2 Dự án khu đô thị Mỹ Gia. Tuy nhiên, Công ty Thái An đã có đầu tư trên phần đất này, thực chất là của bị cáo Trần Phương B. Cơ quan CSĐT BCA kê biên gói 1 và 1,5ha của gói 2 khu đô thị Mỹ Gia là chưa phù hợp, mà phải kê biên giá trị đầu tư của công ty

Thái An trên phần đất này. Do đó, cần phải tiếp tục kê biên giá trị đầu tư của Công ty Thái An tại gói 1 và 1,5ha gói 2 khu đô thị Mỹ Gia để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Trần Phương B.

- Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Công ty Thái An với Ngân hàng DAB, thấy rằng Công ty Thái An thế chấp nhiều tài sản, trong đó có Gói 1 và 1,5ha Gói 2 để vay 409 tỉ đồng của DAB mà không được Công ty Vĩnh Thái (đứng tên GCNQSDĐ) ký bảo lãnh, nên hợp đồng thế chấp vô hiệu một phần đối với tài sản thế chấp là Gói 1 và 1,5ha Gói 2. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo về yêu cầu này của Công ty Vĩnh Thái.

3. Đối với kháng cáo của bà Trần Thị Thu Trang về việc không đồng ý liên đới thanh toán cho DAB số tiền 105.269.200.000 đồng tại hợp đồng tín dụng ngắn hạn số K6676/1 ngày 30/12/2010, thấy rằng:

Vào ngày 30/12/2010 Bà Nguyễn Thị Thu T ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn số K6676/1 với DAB vay 55 tỷ đồng, bà Nguyễn Thị Thu T là người đứng vay; ông Huỳnh Bá Thành và bà Vũ Thị L ký tên là người thế chấp tài sản đảm bảo (căn nhà số 198 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trong khi khoản vay của Nguyễn Thị Thu T chưa tất toán, ngày 30/12/2011 Nguyễn Đức T và Vũ Thị Thanh Hoa - Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp DAB Sở giao dịch, ký tờ trình đề nghị Trần Phương B cho giải chấp tài sản đảm bảo là nhà 198 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và 04 căn hộ tại số 196 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng trị giá 3.400 lượng vàng SJC để gán nợ cho 03 khoản vay gồm: Khoản vay 24.000 chỉ vàng của ông Thành và bà Vũ Thị L theo Hợp đồng tín dụng số K.0579/4 ngày 07/9/2010; Khoản vay 3.000 chỉ vàng của ông Huỳnh Bá T theo Hợp đồng tín dụng số K0572/4 và khoản vay 700 lượng vàng SJC của ông Huỳnh Bá Thành theo Hợp đồng tín dụng số K0093/4 ngày 01/2/2010. Vì vậy, từ ngày 30/12/2011 khoản vay 55tỷ đồng của bà Nguyễn Thị Thu T theo Hợp đồng tín dụng số K6676/1 ngày 30/12/2010 không có tài sản đảm bảo.

Xét thấy, DAB có lỗi vì đã giải chấp trái pháp luật. Mặt khác, ngày 30/12/2011 ông Huỳnh Bá Thành, bà Vũ Thị L có biên bản làm việc với DAB cam kết nhận lại khoản nợ của bà Nguyễn Thị Thu T. Do đó, kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu T là có căn cứ chấp nhận.

4. Đối với kháng cáo của bà Vũ Thị L không đồng ý cùng bà Nguyễn Thị M bồi hoàn cho DAB số tiền 163.070.910.083 đồng và yêu cầu tách nghĩa vụ trả nợ của nhóm Công ty Tân Vạn Hưng thành vụ án khác, thấy rằng:

Để đảm bảo tỷ lệ nợ quá hạn tại DAB ở mức cho phép nên bị cáo Trần Phương B đã đưa ra chủ trương và chỉ đạo gom nhóm khách hàng Tân Vạn Hưng là nhóm đang có các khoản vay lớn tại DAB về Sở giao dịch để quản lý, cơ cấu nợ. Theo đó, Trần Phương B chỉ đạo Nguyễn Đức T và các nhân viên tại DAB Sở giao dịch, cơ cấu các khoản vay vàng của nhóm Tân Vạn Hưng đến hạn thành dư nợ Việt Nam đồng và cho vay 02 khoản vay mới không có tài sản đảm bảo, tiếp tục cơ cấu thành các khoản vay khác, trong khi biết rõ nhóm Tân Vạn Hưng không đủ khả năng

tài chính trả nợ, các hợp đồng được tái cơ cấu đều quá hạn trả nợ hơn 1 năm. Bên cạnh đó bị cáo Trần Phương B còn cho giải chấp căn nhà 198 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP. Hồ Chí Bà Nguyễn Thị M (là tài sản đảm bảo cho khoản vay 55 tỷ đồng của Nguyễn Thị Thu T), để gán nợ cho 03 khoản vay của ông Huỳnh Bá Thành, bà Vũ Thị L và ông Huỳnh Bá T, dẫn đến khoản vay 53,4 tỷ đồng của Nguyễn Thị Thu T không có tài sản đảm bảo. Tính đến thời điểm khởi tố vụ án Công ty Tân Vạn Hưng còn dư nợ 1.000.857.407.165 đồng; DNTN Kim Hiền còn dư nợ 163.070.910.083 đồng, Nguyễn Thị Thu T còn dư nợ 105.269.200.000 đồng, các khoản nợ đều không có hoặc không đủ tài sản đảm bảo, gây thiệt hại cho DAB. Với những sai phạm này các bị cáo Trần Phương B, Nguyễn Đức T đã bị xử lý hình sự. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bà Vũ Thị L là vợ của ông Huỳnh Bá Thành có tham gia cùng ông Huỳnh Bá Thành vào việc chỉ đạo nhóm Tân Vạn Hưng vay vốn, sử dụng tiền vay từ DAB nhưng do ông Huỳnh Bá Thành đã chết nên không xem xét trách nhiệm hình sự của ông Huỳnh Bá Thành cũng như bà Vũ Thị L và các đối tượng liên quan trong nhóm Tân Vạn Hưng. Nhưng về trách nhiệm dân sự, bà Vũ Thị L và các đối tượng liên quan trong nhóm Tân Vạn Hưng phải có trách nhiệm liên đới bồi hoàn khoản dư nợ của Nhóm Tân Vạn Hưng cho DAB. Do đó, cấp sơ thẩm quy kết bà Vũ Thị L phải liên đới cùng Công ty Tân Vạn Hưng bồi hoàn cho DAB số tiền 1.000.857.407.165 đồng, đồng thời bà Vũ Thị L phải liên đới cùng bà Nguyễn Thị M bồi hoàn cho DAB số tiền 163.070.910.083 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của bà Vũ Thị L không đồng ý cùng bà Nguyễn Thị M bồi hoàn cho DAB số tiền 163.070.910.083 đồng và yêu cầu tách nghĩa vụ trả nợ của nhóm Công ty Tân Vạn Hưng thành vụ án khác là không có căn cứ xem xét chấp nhận.

5. Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị M không đồng ý cùng bà Vũ Thị L bồi hoàn cho DAB số tiền là 163.070.910.083 đồng, nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị M với trò là Chủ doanh nghiệp tư nhân Kim Hiền, bà Nguyễn Thị M đã đứng ra trực tiếp ký kết với DAB các hợp đồng vay tín dụng H0061/4, H0063/4, H0064/4 vào ngày 24/12/2012. Tháng 12/2012, trên cơ sở đề nghị của bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Hồng Nhung và Trần Thanh Sang đã đề xuất Nguyễn Đức T và Trần Phương B cơ cấu từ 03 hợp đồng tín dụng ngắn hạn nêu trên thành hợp đồng tín dụng trung hạn số H0327/12 ngày 25/12/2012, dư nợ gốc số tiền 77.474.500.000 đồng (1 chỉ vàng = 4,657 triệu đồng). Tài sản đảm bảo gồm: 02 quyền sử dụng đất tại phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh và 02 quyền sử dụng đất tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Tính đến ngày 13/9/2019, khoản vay trên còn dư nợ 163.070.910.083 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm quy kết bà Nguyễn Thị M cùng bà Vũ Thị L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho DAB số tiền nợ 163.070.910.083 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của bà Nguyễn Thị M đối với yêu cầu trên là không có cơ sở để chấp nhận.

6. Đối với kháng cáo của ông Trần Quang K (đại diện Công ty TNHH thép Đ) và Bùi Văn D (đại diện Công ty TBTP) kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Công ty TNHH thép Đ và Công ty TBTP chỉ thanh toán nợ cho DAB trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty, thấy rằng:

Vốn điều lệ là căn cứ để xác định quyền, nghĩa vụ của từng thành viên góp vốn vào công ty. Còn việc vay và trả nợ vay thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 466 BLDS năm 2015. Vì vậy, kháng cáo của ông Trần Quang K và ông Bùi Văn D không có cơ sở chấp nhận.

7. Đối với kháng cáo của ông Trần Đức H, ông Trần Đức H1 yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tín dụng số H6863/1 ngày 14/05/2013 giữa Công ty TNHH thép Đ với DAB là vô hiệu và tách hai tài sản bảo lãnh của ông Trần Đức H và bà Trần Thị Kim Yến ra khỏi hợp đồng này, nhận thấy:

Tại phiên toà phúc thẩm, ông Hoà trình bày vụ việc mà ông Trần Đức H khởi kiện và Tòa án nhân dân Quận 12 đang thụ lý giải quyết là quan hệ dân sự khác, chứ không phải tranh chấp Hợp đồng tín dụng số H6863/1 ngày 14/05/2013 giữa Công ty TNHH thép Đ với DAB. Vì trong giai đoạn điều tra chưa được làm rõ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

8. Đối với kháng cáo của ông Đặng Bà Nguyễn Thị M Q, ông Huỳnh Bá T yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của các ông để bảo lãnh cho bà Nguyễn Thị M - Giám đốc doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng Kim Hiền vay vốn tại DAB là vô hiệu theo Điều 134 BLDS năm 2005, nhận thấy:

+ Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của ông Đặng Bà Nguyễn Thị M Q có chữ ký của ông Đặng Bà Nguyễn Thị M Q.

+ Đối với hợp đồng thế chấp bất động sản tại số 57 Bành Văn Trân, quận T thì không có chữ ký của ông Huỳnh Bá T, nhưng DAB trình bày ông Huỳnh Bá T có bản cam kết đưa vào thế chấp.

Đối với hợp đồng thế chấp 2 thửa đất tại Quận 9 (cũ), ông Huỳnh Bá T có ký tên, nhưng cho rằng ông chỉ đứng tên cho hộ và trong hộ lúc đó có 8 thành viên.

+ Đối với khiếu nại của ông Huỳnh Bá T, cho rằng ông Huỳnh Bá P không ký tên trong hợp đồng thế chấp tài sản, vì năm 2009 ông Huỳnh Bá P định cư tại nước Úc không có về Việt Nam.

Vì trong giai đoạn điều tra chưa được làm rõ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Phương B, Nguyễn Quang T, Nguyễn Thị Ngọc V, Nguyễn Đức T, Phùng Ngọc K, Phạm Chiến Q, Vũ Đức D, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Ngọc V, Phạm Huy L.

2. Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Tăng Ngọc L, áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Tăng Ngọc L 03 năm tù, cho hưởng án treo, thử thách 05 năm.

3. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Chiến Q, giảm cho bị cáo 01 năm tù; xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù.

3. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn dân sự Ngân hàng TMCP Đông Á.

4. Chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần Phát triển Đô thị V. Tuyên bố vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp tài sản đối với Gói thầu số 1 và 1,5ha của Gói thầu số 2 Dự án khu đô thị Mỹ Gia.

Tiếp tục kê biên giá trị đầu tư của Công ty Thái An trên Gói thầu số 1 và 1,5ha của Gói thầu số 2 dự án khu đô thị Mỹ Gia để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Trần Phương B.

5. Chấp nhận kháng cáo của người có quyền, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thu T và chấp nhận một phần kháng cáo của ông Huỳnh Bá T.

6. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH thép Đ, Công ty TBTP; các bà Nguyễn Thị M, Vũ Thị L.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Ý kiến bào chữa của các luật sư:

Các luật sư bào chữa cho các bị cáo: Bị cáo Trần Phương B thực hiện hành vi phạm tội trong cùng một thời điểm nhưng việc tách ra xét xử làm 2 giai đoạn là bất lợi cho bị cáo, bị cáo Trần Phương B đã bị xét xử mức án chung thân, nay xét xử mức án lại chung thân, bị cáo xin giảm nhẹ là muốn Tòa đánh giá đúng bản chất của sự việc. Đối với các bị cáo khác các luật sư thống nhất về tội danh, riêng về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ, vì các bị cáo phạm tội trong trường hợp bị lệ thuộc người làm công ăn lương, việc ký đề xuất cho vay nhằm tháo nợ, tiền không mất đi vì các Công ty đã vay trước đó rồi.

- Bào chữa cho bị cáo Vũ Đức D: Luật sư cho rằng bị cáo Vũ Đức D chỉ ký vào tờ trình đề xuất sau khi các hợp đồng tín dụng đã giải ngân nên đề xuất của bị cáo không còn tác dụng để cho vay hay không do đó có dấu hiệu bị cáo không phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy phần tội danh và hình phạt của bị cáo Vũ Đức D để điều tra lại.

- Tự bào chữa cho mình bị cáo Nguyễn Quang T cho rằng mình không phạm tội về việc thẩm định có đủ điều kiện cho vay hay không thuộc thẩm quyền của bộ phận khác, bị cáo chỉ ký tờ trình khi các bộ phận khác đã làm đủ, nếu sai chỉ là mặt hành chính. Nên việc giải ngân đồng tiền đi đâu bị cáo không biết.

- Các luật sư bảo vệ cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn dân sự trình bày:

Ông Huỳnh Bá T và bà Nguyễn Thị Thu T đều khai vợ chồng ông dùng căn nhà ở 57 Bành Văn Trân và đất ở Quận 9 bảo lãnh cho Doanh nghiệp tư nhân Kim Hiền vay nên việc tiếp tục kê biên để đảm bảo thi hành án là đúng. Đây là khoản tiền Ngân hàng vay của nhân dân nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính lãi suất đến ngày xét xử mới đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng, cấp sơ thẩm không

tuyên buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng trả lại cho Ngân hàng Đông Á (DAB) 19 tỷ đồng là thiếu sót, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét trường hợp này. Các luật sư còn đưa ra các lập luận đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của người liên quan mà nội dung kháng cáo ảnh hưởng đến Ngân hàng.

- Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các Công ty các luật sư viện dẫn các chứng cứ, chứng bà Nguyễn Thị M cho yêu cầu của mình. Đặc biệt luật sư bảo vệ cho Công ty Thái An cho rằng việc chuyển nhượng Gói 1 và Gói 2 của Dự án khu đô thị Mỹ Gia giữa Công ty Thái An và Công ty Vĩnh Thái đã hoàn tất Công ty Thái An đã đầu tư trên dự án và có quyền thế chấp dự án cho Ngân hàng. Do đó cần phải kê biên Gói 1 và 1,5 ha Gói 2 của Dự án khu đô thị Mỹ Gia để đảm bảo thi hành án cho nghĩa vụ của bị cáo Trần Phương B.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đối chiếu với các chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” và tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ bởi các lẽ sau:

Trong khoản thời gian từ năm 2007 đến năm 2013 bị cáo Trần Phương B với vai trò là Tổng giám đốc, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị - Chủ tịch Hội đồng tín dụng đã chỉ đạo những người dưới quyền và các đối tượng khác gây thiệt hại cho Ngân hàng Đông Á số tiền là 8.827.549.141.076 đồng, trong đó hành vi vi phạm quy định về hoạt động Ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng, cho 04 nhóm khách hàng (*gồm Hiệp Phú Gia, TTC Đồng Tiến; M & C; Tân Vạn Hưng*) gây thiệt hại cho Ngân hàng số tiền là: 8.751.915.741.076 đồng, hành vi Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt số tiền 75.633.400.000 đồng.

Với hành vi phạm tội như trên dẫn đến thực trạng là Ngân hàng Đông Á tại thời điểm ngày 31/12/2015 lỗ lũy kế 31.076 tỷ đồng, vốn sở hữu âm 25.451 tỷ đồng, tổng tài sản thực chỉ còn 47.011 tỷ đồng.

Hành vi của bị cáo Trần Phương B và các đồng phạm khác đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” và tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 179 Bộ luật hình sự năm 1999 (*sửa đổi 2009*) và điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 355 Bộ luật hình sự năm 2015 (*Sửa đổi năm 2017*).

[1] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[1.1] Bị cáo Trần Phương B kháng cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. Xét thấy đề có tiền sử dụng các mục đích cá nhân và trả lãi cho các khoản vay của Phạm An, Phạm Văn T, Nguyễn Huy Trường Hồng mà trước đó Trần Phương B đã nhờ những người này đứng tên vay tại DAB, Trần Phương B đã chỉ đạo Phạm Văn T, Nguyễn

Văn Thuận, Trần Thế Hùng, Nguyễn Đức Vinh và Đỗ Thanh Hùng lập chứng từ thu nộp không chiếm đoạt của ADB số tiền là 75.633.400.000 đồng. Hành vi của Trần Phương B đã phạm vào điểm a khoản 4 Điều 355 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi năm 2017*). Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án tù chung thân là đúng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ đặc biệt, bị cáo cũng chưa hoàn trả hết số tiền đã chiếm đoạt cho DAB do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ y án sơ thẩm.

[1.2] Bị cáo Phùng Ngọc K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị cản trừ 250 tỷ đồng vào tiền nợ vay gốc xác định lại số tiền lãi. Xét thấy Phùng Ngọc K là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc Công ty cổ phần M & C, bị cáo biết rõ các khoản vay của nhóm M & C do bị cáo đang trực tiếp điều hành đang có dư nợ rất lớn tại DAB và không có khả năng trả nợ, bị cáo bàn bạc với Trần Phương B thống nhất thành lập các pháp nhân mới và lập hồ sơ vay không cung cấp cho DAB nhằm đảo nợ kéo dài thời hạn vay, dưới gốc độ đại diện cho Công ty M & C bị cáo ký vay 270 tỷ đồng tại DAB, ký hợp đồng hợp tác đầu tư không, không dừng lại ở đó bị cáo còn nhờ Lê Trọng Như, Lê Uy V và Tạ Nguyễn Tấn Trương sử dụng pháp nhân của Công ty TNHH An Bình An, Công ty Cổ phần đầu tư Bà Nguyễn Thị M Khai, Công ty cổ phần Tân Superdeck M & C lập hồ sơ vay DAB chi nhánh Quận 4 và Quận 9 1.405 tỷ đồng, gây thiệt hại cho DAB tổng số tiền là 3.949.903.151.041 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” với vai trò đồng phạm, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 18 năm tù là có căn cứ, mức án trên là thỏa đáng, do đó việc bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ.

Đối với số tiền 250 tỷ đồng án sơ thẩm tuyên tiếp tục tạm giữ đi đảm bảo nghĩa vụ bồi hoàn của bị cáo. Án sơ thẩm không tuyên số tiền 250 tỷ đồng trừ vào khoản nợ lãi vay nên việc bị cáo kháng cáo yêu cầu cản trừ 250 tỷ đồng vào tiền nợ gốc là không có căn cứ.

[1.3] Bị cáo Nguyễn Đức T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt xét thấy bị cáo nguyên là Giám đốc Sở giao dịch DAB, theo chỉ đạo của Trần Phương B bị cáo đã tham gia duyệt, ký tờ trình đề nghị Hội sở DAB phê duyệt cho vay sai quy định cho nhóm khách hàng Đồng Tiến, Công ty cổ phần M & C, Công ty Tân Vạn Hưng, Doanh nghiệp tư nhân Kim Hiền, rút tài khoản thế chấp khoản vay của Nguyễn Thị Thu T, tổng số tiền mà bị cáo gây thiệt hại cho DAB là 1.936.330.450.380 đồng, bị cáo đã thực hiện với vai trò đồng phạm tích cực, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” là đúng người, đúng tội, mức án trên là có phần nhẹ, do bị đơn dân sự không kháng cáo về hình phạt, Viện kiểm sát không kháng nghị nên giữ y về hình phạt đối với bị cáo. Từ phân tích trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[1.4] Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc V: Nguyễn là Phó tổng giám đốc, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị DAB, bị cáo cùng với Trần Phương B tham gia duyệt, ký tờ

trình đề nghị duyệt cho nhóm khách hàng Hiệp Phú Gia, Nhóm khách hàng Đồng Tiến, Công ty Cổ phần Tân Superdeck M & C vay sai quy định bị cáo đã gây thiệt hại cho DAB số tiền 3.704.582.009.131 đồng, với hành vi trên, Tòa sơ thẩm xử phạt bị cáo 04 năm tù là đã có xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên cấp phúc thẩm không thể giảm nhẹ cho bị cáo mà cần giữ y án sơ thẩm.

[1.5] Bị cáo Nguyễn Tăng Ngọc L là Phó giám đốc DAB chi nhánh Quận 10, bị cáo đã tham gia lập tờ trình đề nghị Ban tổng giám đốc cấp tín dụng cho TTC Đà Lạt vay 210 tỷ đồng, gây thiệt hại cho DAB trên 527 tỷ đồng. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 05 năm tù là đã có xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nên không có căn cứ xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo xử phạt bị cáo 03 năm tù và cho bị cáo được hưởng án treo. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ và Nghị quyết số 02 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên không chấp nhận.

[1.6] Bị cáo Nguyễn Quang T và Phạm Chiến Q:

Nguyễn Quang T là Phó giám đốc DAB chi nhánh Quận 9, Phạm Chiến Q là Phó phòng khách hàng doanh nghiệp chi nhánh DAB Quận 9, thực hiện chỉ đạo của Trần Phương B ký tờ trình đề nghị cấp tín dụng cho Công ty Cổ phần Tân Superdeck M & C vay 430 tỷ đồng sai quy định, gây thiệt hại cho DAB trên 1000 tỷ đồng, cấp sơ thẩm xử phạt Nguyễn Quang T 05 năm tù, Phạm Chiến Q 03 năm tù là đã có xem xét đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án. Hành vi ký tờ trình cấp tín dụng cho Công ty cổ phần M & C vay và gây thiệt hại dù có vụ lợi hay không nhưng gây thiệt hại cho DAB thì hành vi đó đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”; cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T tội danh trên là đúng, không oan như bị cáo kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phạm Chiến Q là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[1.7] Các bị cáo Phạm Huy L; Vũ Đức D và Nguyễn Văn B:

03 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Xét thấy Phạm Huy L Giám đốc, Vũ Đức D Phó Giám đốc, Nguyễn Văn B – Trưởng phòng khách hàng – chi nhánh DAB Quận 4, các bị cáo nhận thức được rằng Công ty TNHH An Bình, Công ty cổ phần đầu tư Khải Minh không đủ điều kiện theo quy định để được cấp tín dụng nhưng các bị cáo vẫn lập và ký tờ trình đề nghị cấp tín dụng cho Công ty TNHH An Bình vay 630 tỷ đồng, Công ty đầu tư Khải Minh vay 370 tỷ đồng hậu quả ngân hàng không thu hồi được nợ vay. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Phạm Huy L 07 năm tù, bị cáo Vũ Đức D 04 năm tù, bị cáo Nguyễn Văn B 03 năm tù là đã có căn nhắc xem xét, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

2/ Xét kháng cáo của nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[2.1] Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á (DAB) kháng cáo 09 nội dung về phần dân sự. Xét thấy:

- Đối với yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là không có căn cứ nên không chấp nhận.

- Đối với yêu cầu tính lãi suất tăng thêm như đã phân tích ở phần trên, Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất đến ngày khởi tố vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Đối với khoản thiệt hại trên 3000 tỷ do Nhóm Hiệp Phú Gia, TTC án sơ thẩm đã nhận định phần dân sự liên quan đến Nguyễn Thiện N đã được tách ra giải quyết bằng 1 vụ án riêng, do đó cấp sơ thẩm không xem xét trong vụ án này là có căn cứ.

- Đối với hành vi lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản của Trần Phương B Tòa sơ thẩm buộc bị cáo Trần Phương B bồi thường cho DAB số tiền gốc và lãi 120.940.999.400 đồng là đúng. Việc DAB yêu cầu trả 133.893.209.150 đồng (*lãi tính đến xét xử sơ thẩm lần 2 ngày 19/11/2020*) là không có căn cứ.

- Đối với khoản vay trên 180 tỷ đồng của ông Trần Văn Ký, nội dung này cấp sơ thẩm không xem xét, nên cấp phúc thẩm không xem xét kháng cáo nội dung này.

- Đối với khoản tiền 250 tỷ đồng liên quan đến Công ty Ba Son án sơ thẩm đã nhận định thực chất đây là khoản tiền DAB đưa vào liên doanh với Phùng Ngọc K và Công ty Cổ phần M & C, tuy nhiên việc liên doanh này không đúng quy định của pháp luật nên cần thu hồi trả lại cho DAB, song án sơ thẩm nhận định 250 tỷ đồng trên thu hồi sẽ được khấu trừ nghĩa vụ bồi hoàn của Phùng Ngọc K. Về nội dung này Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Án sơ thẩm buộc Phùng Ngọc K phải bồi hoàn lại cho DAB số tiền là: 3.949.903.151.041 đồng (*Trong đó có 250 tỷ đồng Công ty Ba Son đã chuyển trả lại, hiện cơ quan thi hành án đang tạm giữ*). Nếu buộc giao số tiền 250 tỷ đồng (*do Công ty Ba Son chuyển trả*) cho DAB, khoản 250 tỷ đồng sẽ được trừ vào số tiền 3.949.303.151.041 đồng mà Phùng Ngọc K phải trả cho DAB, đây chỉ là cách tuyên còn bản chất nó là một.

- Liên quan đến khoản tiền Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng chưa chuyển trả cho TTC Đà Lạt, DAB yêu cầu Tòa phúc thẩm tuyên buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng chuyển trả cho DAB số tiền 18.950.454.847 đồng để khắc phục thiệt hại cho DAB, đối với yêu cầu này Tòa sơ thẩm chưa xem xét, nên cấp phúc thẩm không xem xét nội dung này.

- Đối với yêu cầu lập chứng từ không, liên quan đến việc góp vốn tại Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Đô thị tại Thái An, nội dung này sẽ được phân tích ở phần xét kháng cáo của Công ty Vĩnh Thái.

- Đối với nhóm khách hàng Đồng Tiến, DAB đề nghị cần buộc ông Trần Quang K và ông Bùi Quang Dội, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng ông Trần Quang K và ông Bùi Văn D là người đại diện Công ty nên cấp sơ thẩm buộc pháp nhân là Công ty có trách nhiệm trả cho DAB là đúng.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của DAB.

[2.2] Xét kháng cáo của Công ty phát triển đô thị Vĩnh Thái. Công ty Vĩnh Thái kháng cáo cho rằng số tiền mà DAB giải ngân cho Phạm Văn T vay dưới hình thức là khoản vay của Công ty Thái An không được đầu tư vào Gói 1 và 1,5 ha Gói 2 của Dự án Khu đô thị Mỹ Gia, Công ty Thái An không phải là chủ Dự án Khu đô thị Mỹ Gia nên không có quyền thế chấp dự án này cho DAB.

Xét thấy: Căn cứ vào chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy cụ thể trang 54 – 55 kết luận điều tra số 100/C03 – P13 ngày 14/11/2019 của Cơ quan điều tra Bộ công an kết luận số tiền 400,9 tỷ đồng mà Phạm Văn T vay dưới hình thức là khoản vay của Công ty Thái An không được đầu tư vào Gói 1 và 1,5 ha Gói 2 của Dự án Khu đô thị Mỹ Gia mà khoản vay trên chỉ để thanh toán cho khoản nợ cá nhân sau:

- Chuyển 184,4 tỷ đồng trả cho khoản nợ cá nhân của ông Huỳnh Bá T tại Sở giao dịch DAB – Chi nhánh Lê Văn Sỹ.

- Chuyển 58 tỷ đồng cho khoản vay 100 tỷ đồng của ông Huỳnh Bá T tại DAB chi nhánh Lê Văn Sỹ.

- Chuyển 10,4 tỷ đồng trả nợ gốc và lãi cho khoản vay của ông Huỳnh Bá T tại DAB – Chi nhánh Lê Văn Sỹ.

- Chuyển 6,682 tỷ đồng trả nợ cho khoản vay của ông Phạm Thái Sơn (em trai ông Huỳnh Bá T) tại Sở giao dịch DAB.

- Chuyển 2,892 tỷ đồng trả nợ cho khoản vay của Phạm An (em trai ông Huỳnh Bá T) tại Sở giao dịch DAB.

- Chuyển 138,5 tỷ đồng trả nợ cho khoản vay của Nguyễn Huy Trường Hồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo Trần Phương B cũng thừa nhận toàn bộ nội dung này. Như vậy có đủ căn cứ kết luận số tiền 400,9 tỷ đồng mà Phạm Văn T vay dưới hình thức là khoản vay của Công ty Thái An nhằm mục đích đảo nợ chứ không phải để đầu tư vào dự án Khu đô thị Mỹ Gia như mục đích trong hồ sơ vay vốn.

Xét hợp đồng thế chấp số H0050 – 12/TC ngày 26/12/2012 về việc Công ty Thái An thế chấp Gói 1 và 1,5 ha Gói 2 Dự án khu đô thị Mỹ Gia cho DAB, vấn đề đặt ra ở đây là Công ty Thái An có quyền thế chấp Gói 1 và 1,5 ha Gói 2 Dự án Khu đô thị Mỹ Gia cho DAB không? Căn cứ vào chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy:

- Ngày 14/7/2010 Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa có Quyết định số 1820/QĐ.UBND cho phép chuyển đổi đầu tư Dự án từ V-ITASCO sang Công ty Vĩnh Thái, Công ty Vĩnh Thái đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án. Căn cứ các quyết định 782/QĐ.UBND ngày 02/4/2015, quyết định 2786/QĐ-UBND ngày 14/01/2011 và Quyết định số 943/QĐ.UBND ngày 18/4/2012 về việc giao đất, cho thuê đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh

Hòa cho thấy Gói 1 và 1,5 ha Gói 2 Dự án khu đô thị Mỹ Gia là của Chủ đầu tư Công ty Vĩnh Thái.

- Tại công văn số 8704/UBND-NC ngày 25/8/2020 Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa khẳng định: Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Vĩnh Thái là pháp nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa giao đất cho thuê đất để thực hiện dự án Khu đô thị Mỹ Gia. Do đó không có cơ sở để thực hiện việc bàn giao đất từ Công ty cổ phần Phát triển Đô thị V sang Công ty TNHH Xây dựng và phát triển Đô thị Thái An. Từ các chứng cứ trên cho thấy Công ty Thái An không phải là chủ dự án Gói 1 và 1,5 ha Gói 2 Dự án Khu đô thị Mỹ Gia nên Công ty Thái An không có quyền thế chấp dự án trên cho Ngân hàng DAB. Tại phiên tòa phúc thẩm khi trả lời câu hỏi của Hội đồng xét xử, bị cáo Trần Phương B cùng thừa nhận nếu không phải là Công ty Thái An thì DAB không nhận thế chấp dự án trên do không đảm bảo về mặt pháp lý.

Chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy giữa Công ty Vĩnh Thái và Công ty Thái An có ký hợp đồng khung số 03 ngày 11/11/2015 theo đó Công ty Vĩnh Thái giao cho Thái An Gói 1 và 1,5 ha Gói 2 Dự án khu đô thị Mỹ Gia, tuy nhiên, cơ quan có thẩm quyền không cho phép nên hợp đồng không thực hiện được. Thực tế Công ty Thái An có đầu tư vào dự án như đền bù giải pháp mặt bằng, rà soát bom mìn san lấp Gói 1 mà theo chứng thư thẩm định giá số 49/CTĐG Asian do Công ty cổ phần thẩm định Asian lập ngày 02/2/2018 thì số tiền bị cáo Trần Phương B đã đầu tư vào dự án thông qua Công ty Thái An là 63.921.477.078 đồng trước mặt kê biên số tiền này để đảm bảo thi hành án cho Trần Phương B. Công ty Thái An và Vĩnh Thái nếu có tranh chấp về số tiền đầu tư cũng như hợp đồng kinh tế đã ký kết có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

Từ những phân tích trên cho thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tiếp tục kê biên Gói 1 và 15.000m² Gói 2 Dự án Khu đô thị Mỹ Gia để thi hành án cho khoản vay của Công ty Thái An là chưa chính xác, chỉ kê biên số tiền mà Công ty Thái An đã đầu tư vào Gói 1 và 1,5 ha Gói 2 ở Khu đô thị Mỹ Gia để đảm bảo thi hành án cho Trần Phương B.

- Đối với kháng cáo về 29% cổ phần của Công ty TNHH Xây dựng B tại công ty phát triển Đô thị Vĩnh Thái. Công ty Vĩnh Thái đề nghị Tòa tuyên 29% cổ phần do Công ty Bình Việt đang nắm giữ là trái pháp luật, yêu cầu này của Công ty Vĩnh Thái không thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết trong vụ án hình sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Từ những phân tích trên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty Vĩnh Thái hủy lệnh kê biên Gói 1 và 15.000 ha Gói 2 Dự án khu đô thị Mỹ Gia. Tiếp tục kê biên số tiền mà Công ty Thái An đã đầu tư vào Gói 1 và 15.000 m² Gói 2 Dự án khu đô thị Mỹ Gia để đảm bảo thi hành án cho phần nghĩa vụ của bị cáo Trần Phương B, nhận định của Hội đồng xét xử ở nội dung này phù hợp với quan điểm đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm.

[2.3] Xét kháng cáo của Công ty TNHH thép Đ: Công ty kháng cáo cho rằng vốn điều lệ của Công ty chỉ có 186 tỷ đồng nhưng án sơ thẩm buộc Công ty phải trả cho Ngân hàng TMCP Đông Á trên 208 tỷ đồng cao hơn vốn điều lệ là không đúng. Xét thấy Công ty TNHH thép Đ cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì Công ty TNHH thép Đ còn nợ Ngân hàng TMCP Đông Á số tiền 208.352.397.221 đồng. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty trả cho Ngân hàng số tiền còn thiếu là có căn cứ, đúng pháp luật, việc Công ty có số vốn điều lệ thấp hơn số nợ phải trả cho Ngân hàng, nội dung này được thực hiện ở giai đoạn thi hành án. Từ phân tích trên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH thép Đ.

[2.4] Xét kháng cáo của Công ty TNHH tư vấn đầu tư T: Cũng như Công ty Thép Đồng Tiến Việt Nhật Osaka, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm Công ty TNHH tư vấn đầu tư T còn nợ Ngân hàng TMCP Đông Á 184.053.763.494 đồng, do đó Tòa sơ thẩm buộc Công ty TNHH tư vấn đầu tư T trả cho Ngân hàng TMCP Đông Á số tiền trên là đúng mà không phụ thuộc vốn điều lệ của Công ty là bao nhiêu.

[2.5] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu T: Bà Nguyễn Thị Thu T là con dâu của ông Huỳnh Bá Thành và bà Vũ Thị L. Hồ sơ cho thấy ông Huỳnh Bá Thành, bà Vũ Thị L đã nhiều lần vay tiền tại Ngân hàng Đông Á mà chưa thanh toán, ông Thành, bà Vũ Thị L bàn bạc với Trần Phương B là ông Thành bà Vũ Thị L ký hợp đồng bán căn nhà số 198 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị Thu T (*con dâu của mình*) để bà Nguyễn Thị Thu T dùng căn nhà trên thế chấp ngân hàng vay số tiền 53,4 tỷ đồng đưa cho ông Thành, bà Vũ Thị L. Được Trần Phương B đồng ý, bà Nguyễn Thị Thu T dùng căn nhà số 198 Lê Thánh Tôn thế chấp ngân hàng và ký hợp đồng tín dụng số K6676/1 ngày 30/10/2010 và ngân hàng giải ngân số tiền 53,4 tỷ đồng cho bà Nguyễn Thị Thu T nhằm thanh toán đảo nợ cho khoản vay 2.000 lượng vàng SJC của ông Thành, bà Vũ Thị L theo hợp đồng K0529/4 ngày 26/10/2009 không dùng lại ở đó tại biên bản làm việc ngày 30/12/2011 (BL 074469; 074470) giữa Ngân hàng Đông Á, bà Nguyễn Thị Thu T và vợ chồng ông Thành, bà Vũ Thị L các bên đồng ý bán căn nhà 198 Lê Thánh Tôn (*mà bà Nguyễn Thị Thu T thế chấp cho Ngân hàng*) cho Ngân hàng Đông Á để trả khoản nợ vay cho bà Nguyễn Thị Thu T, cũng trong ngày 30/12/2011 vợ chồng ông Thành bà Vũ Thị L thực hiện việc huỷ hợp đồng mua bán nhà 198 Lê Thánh Tôn với bà Nguyễn Thị Thu T và tiến hành ký hợp đồng chuyển nhượng căn nhà trên cho Ngân hàng Đông Á (*đại diện là ông Trần Phương B*) (BL 074483; 074484). Cùng ngày 30/12/2011 đại diện Ngân hàng bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Bá Thành ký biên đồng ý bán căn nhà 198 Lê Thánh Tôn cho Ngân hàng Đông Á để thu hồi nợ vay mua nhà của bà Nguyễn Thị Thu T (BL 74482-74483). Ngày 11/02/2012 ông Trần Phương B có tờ trình cho Hội đồng quản trị về việc nhận tài sản để trừ nợ (BL 074487-074488) cũng trong ngày 11/02/2012 tại Biên bản họp Hội đồng quản trị nhiệm kỳ VII đồng ý nhận tài sản trong đó căn nhà 198 Lê Thánh Tôn để trừ nợ vay cho bà Nguyễn Thị Thu T. (BL 074489 – 074490).

Từ phân tích trên cho thấy khoản nợ vay Ngân hàng của bà Nguyễn Thị Thu T đã được Ngân hàng mua lại căn nhà 198 Lê Thánh Tôn để trừ nợ, nên bà Nguyễn Thị Thu T không có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số nợ đã vay. Toà sơ thẩm tiếp tục buộc bà Nguyễn Thị Thu T liên đới cùng bà Vũ Thị L trả nợ cho Ngân hàng khoản vay mua căn nhà 198 Lê Thánh Tôn là không đúng. Do đó chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu T, về nội dung này quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[2.6] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Bá T: Ông Huỳnh Bá T cho rằng quyền sử dụng đất tại căn hộ tầng 1 + lửng ở số 57 Bành Văn Trân, phường 7, quận T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của 2 vợ chồng, những tài sản trên không đăng ký thế chấp để vay tiền Ngân hàng Đông Á, án sơ thẩm tuyên phong tỏa tài sản trên đảm bảo thi hành án cho doanh nghiệp tư nhân Bà Nguyễn Thị M Hiền là không đúng.

Xét căn hộ tầng 1 + lửng ở số 57 Bành Văn Trân, phường 7, quận T: Chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy căn hộ tầng 1 + lửng ở số 57 Bành Văn Trân ông Huỳnh Bá T và bà Nguyễn Thị Thu T nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Đức và bà Nguyễn Thị Rung theo hợp đồng chuyển nhượng số 155567/HĐ-MBN ngày 11 và 12/5/2006 đăng ký sở hữu ngày 06/6/2006 (Ông Thành, bà Vũ Thị L thiết lập quan hệ giao dịch vay tiền với bị cáo Trần Phương B từ năm 2007 – 2013). Ngày 15/8/2006 ông Huỳnh Bá T, bà Nguyễn Thị Thu T ký hợp đồng thế chấp căn hộ tầng 1 + lửng số 57 Bành Văn Trân để vay tiền của Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam (BL 76144) năm 2011 ông Huỳnh Bá T, bà Nguyễn Thị Thu T đã thanh lý hợp đồng vay, thế chấp với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, Ngân hàng đã xoá việc đăng ký giao dịch bảo đảm.

Ông Huỳnh Bá T và bà Nguyễn Thị Thu T không dùng căn hộ tầng 1 + lửng số 57 Bành Văn Trân thế chấp ngân hàng DAB để bảo lãnh khoản vay của DNTN Kim Hiền, tại kết luận điều tra số 100/C03-P13 ngày 14/11/2019 của Bộ công an (*trang 415 - BL 077436*) và bản án hình sự sơ thẩm số 470/2020/HSST ngày 27/11/2020 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (*trang 49*) cũng xác định: tài sản số 57 Bành Văn Trân, phường 7, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh chưa ký hợp đồng thế chấp bảo lãnh cho những khoản vay của Doanh nghiệp tư nhân Kim Hiền.

Từ phân tích trên cho thấy việc bản án sơ thẩm tiếp tục phong tỏa căn hộ tầng 1 + lửng số 57 Bành Văn Trân, Phường 7, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo thi hành án đối với nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị M – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Hiền là không có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Bá T về nội dung này.

Đối với 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà án sơ thẩm tiếp tục phong tỏa để đảm bảo thi hành án đối với nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị M – Chủ DNTN Kim Hiền. Xét thấy:

- Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N213517 có tổng diện tích 11.920m² được ông Huỳnh Bá T chuyển nhượng từ hộ ông Nguyễn Hữu Tài năm

2012 ông Huỳnh Bá T đã chuyển nhượng cho các hộ, hiện diện tích còn lại là $7.930m^2$ ($94m^2$ thửa 127 và $7.737m^2$ thửa 1016). Ngày 25/12/2012 ông Huỳnh Bá T ký hợp đồng thế chấp bảo lãnh cho DNTN Kim Hiền vay theo hợp đồng tín dụng cơ cấu nợ, trong hợp đồng không có công chứng chứng thực và đăng ký giao dịch đảm bảo, nhưng thể hiện ý chí ông Huỳnh Bá T là người dùng tài sản của mình bảo lãnh cho khoản vay cho DNTN Kim Hiền nên tài sản trên phải được đảm bảo cho khoản vay khi DNTN Kim Hiền không có khả năng trả nợ. Toà sơ thẩm tiếp tục phong tỏa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N213517 là có căn cứ, bác yêu cầu kháng cáo này của ông Huỳnh Bá T.

- Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 769377 có tổng diện tích $5.955,1m^2$ (gồm $4.558m^2$ thửa 536 và $1.397,1m^2$ thửa 537 tờ bản đồ số 26) phường Long Phước, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh diện tích đất này ông Huỳnh Bá T nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Kỳ và bà Nguyễn Thị Hải. Ông Huỳnh Bá T đã được Ủy ban nhân dân Quận 9 (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/01/2006 (BL 076217-076218). Tuy giấy chứng nhận đứng tên ông Huỳnh Bá T nhưng đây là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân (ông Huỳnh Bá T và bà Nguyễn Thị Thu T kết hôn tháng 8/2005) do đó đây là tài sản chung của ông Huỳnh Bá T và bà Nguyễn Thị Thu T. Việc ông Huỳnh Bá T dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 769377 thế chấp bảo lãnh cho khoản vay của Danh nghiệp tư nhân Kim Hiền chỉ có giá trị đối với phần của ông Huỳnh Bá T, bà Nguyễn Thị Thu T không ký thế chấp bảo lãnh nên bà Nguyễn Thị Thu T không chịu trách nhiệm phần bảo lãnh của mình, bà Nguyễn Thị Thu T có quyền khởi kiện yêu cầu xác định quyền tài sản đối với diện tích đất trên theo Điều 74 Luật thi hành án Dân sự khi cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thi hành phần trách nhiệm của ông Huỳnh Bá T song vẫn tiếp tục duy trì phong tỏa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

[2.7] Xét kháng cáo của bà Vũ Thị L: bà Vũ Thị L kháng cáo 3 vấn đề: đó là khoản nợ của bà Nguyễn Thị Thu T, Ngân hàng không cho bà biết hồ sơ liên quan khoản vay, Ngân hàng đã bán nhiều tài sản thu hồi nợ nhưng không cho biết thu hồi khoản vay nào. Bà không chấp nhận liên đới bồi thường với ông Huỳnh Bá Thành.

Xét thấy: Đối với kháng cáo liên quan đến căn nhà 198 Lê Thánh Tôn nội dung này đã có nhận định phản kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu T nên không nhận định lại.

Việc ngân hàng phát mãi tài sản để thu hồi nợ nhưng không nói rõ thu hồi khoản vay nào, vấn đề này bà Vũ Thị L làm việc trực tiếp với Ngân hàng, Toà phúc thẩm không giải quyết nội dung này.

Ông Huỳnh Bá Thành là chồng bà Vũ Thị L khi còn sống ông bà có quan hệ vay vốn với Ngân hàng Đông Á và với bị cáo Trần Phương B, đối với khoản vay của DNTN Kim Hiền nên Toà sơ thẩm buộc bà Vũ Thị L đới chịu trách nhiệm bồi thường khoản vay của DNTN Kim Hiền là đúng. Bác yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị L.

[2.8] Xét kháng cáo của ông Đặng Bà Nguyễn Thị M Q:

Tại cơ quan điều tra ông Đặng Bà Nguyễn Thị M Q thừa nhận ông Đặng Bà Nguyễn Thị M Q chỉ đứng tên giùm ông Thành, bà Vũ Thị L 2 thửa đất ở Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh vì đứng tên trên giấy nên ông Đặng Bà Nguyễn Thị M Q đứng ra thế chấp tài sản bảo lãnh cho khoản vay của DNTN Kim Hiền. Thực chất đây là tài sản của ông Thành, bà Vũ Thị L nên việc kê biên tài sản trên để đảm bảo thi hành án cho khoản nợ doanh nghiệp tư nhân Kim Hiền là đúng, bác yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Quang Bà Nguyễn Thị M.

[2.9] Xét kháng cáo của ông Trần Đức H: Ông cho rằng ông đưa căn nhà số 29 đường Thành Công, phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thế chấp để bảo lãnh cho khoản vay 2,9 tỷ đồng của Công ty TNHH Thép Đồng Tiến. Khoản vay này đã tất toán việc ngân hàng không giải chấp mà tiếp tục cho Công ty Thép Đồng Tiến vay 34 tỷ, ông không dùng tài sản để bảo lãnh cho khoản vay 34 tỷ đồng, việc tiếp tục phong toả tài sản để đảm bảo khoản vay của Công ty Thép Đồng Tiến là không đúng. Ông Trần Đức Hoà cũng kháng cáo như nội dung kháng cáo của ông Trần Đức H nên xem xét chung trong một nội dung.

Xét thấy: Toà sơ thẩm xác định ông Trần Đức H, ông Trần Đức Hoà, bà Trần Thị Kim Yến là người thừa kế quyền nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nội dung vụ án có nêu bà Nguyễn Thị C là chủ sở hữu căn nhà số 29 đường Thành Công, phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và dùng căn nhà trên thế chấp cho Ngân hàng Đông Á để đảm bảo khoản vay 2,9 tỷ đồng của Công ty Thép Đồng Tiến. Trong phần quyết định của bản án sơ thẩm, Toà án cấp sơ thẩm không tuyên tiếp tục kê biên hay phong toả tài sản là nhà và đất số 29 đường Thành Công, phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng Đông Á không kháng cáo nội dung này, ông Hoà kháng cáo yêu cầu Ngân hàng trả lại giấy tờ của căn nhà số 29 đường Thành Công, phường Tân Thành. Do Toà án cấp sơ thẩm chưa xem xét nội dung này, nên cấp phúc thẩm không xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Đức Hoà, ông Trần Đức H.

[2.10] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị M:

Bà Nguyễn Thị M đứng tên Chủ DNTN Kim Hiền nhưng thực chất điều hành hoạt động là do ông Huỳnh Bá Thành và bà Vũ Thị L, bà Nguyễn Thị M đứng tên doanh nghiệp và ký hợp đồng tín dụng với DAB cấp sơ thẩm kê biên tài sản của bà Nguyễn Thị M và buộc bà Nguyễn Thị M liên đới cùng bà Vũ Thị L bồi hoàn cho Ngân hàng DAB là có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà Trần Thị Bà Nguyễn Thị M.

[3] Xét khiếu nại của anh Huỳnh Bá T (*Người thừa kế theo pháp luật của ông Huỳnh Bá P*):

Án sơ thẩm không đưa ông Huỳnh Bá T (*người thừa kế theo pháp luật của ông Huỳnh Bá P*) tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng trong phần quyết định tuyên: Tiếp tục phong toả quyền sử dụng đất tại địa chỉ 50 đường 28 thuộc Phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân,

Thành phố Hồ Chí Minh của ông Huỳnh Bá P để đảm bảo thi hành án các nghĩa vụ của Công ty TNHH Tân Vạn Hưng trong vụ án.

Tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của anh Huỳnh Bá T đưa ra chứng cứ chứng bà Nguyễn Thị M hợp đồng ký thế chấp tài sản mà Ngân hàng DAB đang giữ là giả, vì năm 2009 ông Huỳnh Bá P đang ở Úc, năm 2013 ông Huỳnh Bá P mới về Việt Nam, do đó không có lý do gì năm 2009 ông Huỳnh Bá P ký thế chấp tài sản. Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Trần Phương B thừa nhận khi nhận thấy Công ty TNHH Tân Vạn Hưng dư nợ lớn không có khả năng thanh toán nên yêu cầu ông Huỳnh Bá Thành và bà Vũ Thị L thế chấp toàn bộ tài sản để đảm bảo thanh toán nên có nhiều hợp đồng thế chấp không đúng quy định pháp luật. Căn cứ lời khai của bị cáo Trần Phương B, hồ sơ thế chấp bản phô tô của ông Huỳnh Bá P, giấy xác nhận của Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an về thời gian xuất nhập cảnh của ông Huỳnh Bá P về Việt Nam, có căn cứ kết luận hồ sơ thế chấp quyền sử dụng đất ở địa chỉ 50 đường 28, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân cho Ngân hàng DAB năm 2009 lúc ông Huỳnh Bá P không có ở Việt Nam.

Do ông Huỳnh Bá T (*người thừa kế theo pháp luật của ông Huỳnh Bá P*) không được Toà sơ thẩm xác định là người có nghĩa vụ liên quan, nên ông Huỳnh Bá T không có quyền kháng cáo nhưng ông Huỳnh Bá T có quyền khiếu nại theo Điều 469 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên toà phúc thẩm này Hội đồng xét xử không thể tuyên bố hợp đồng thế chấp, hợp đồng bảo lãnh tài sản cho khoản vay Công ty TNHH Tân Vạn Hưng của ông Huỳnh Bá P vô hiệu được, ông Huỳnh Bá T có quyền khởi kiện yêu cầu Toà tuyên bố hợp đồng thế chấp, bảo lãnh tài sản vô hiệu. Hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*địa chỉ 50 đường 28 thuộc phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh*) do Ngân hàng DAB đang giữ, nên tiếp tục phong toả Quyền sử dụng đất trên không phải để đảm bảo Thi hành các nghĩa vụ của Công ty TNHH Tân Vạn Hưng mà để chờ phán quyết của Toà án khi giải quyết tranh chấp giữa người thừa kế theo pháp luật của ông Huỳnh Bá P với Ngân hàng DAB.

Từ những phân tích trên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trần Phương B, Nguyễn Đức T, Nguyễn Thị Ngọc V, Nguyễn Tăng Ngọc L, Phạm Huy L, Vũ Đức D, Nguyễn Văn B, Nguyễn Quang T, Phạm Chiến Q và Phùng Ngọc K; Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn dân sự Ngân hàng TMCP Đông Á; Không chấp nhận kháng cáo của một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Vĩnh Thái; Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Huỳnh Bá T và bà Nguyễn Thị Thu T.

[4] Kiến nghị: Theo kết luận điều tra, Cáo trạng và bản án sơ thẩm xác định hành vi của các bị cáo bị truy tố về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” đã gây thiệt hại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á (DAB) số tiền: 8.751.915.741.076 đồng. Căn cứ các chứng cứ có tại

hồ sơ, lời khai của các bị cáo, người liên quan tại phiên toà phúc thẩm cho thấy ngoài khoản tiền vốn gốc, việc Ngân hàng tính lãi và xem đó là phần thiệt hại để yêu cầu bồi thường cho thấy rất nhiều khoản lãi ngân hàng tính xác định đó là thiệt hại yêu cầu bồi thường trái với Bộ luật dân sự năm 2005, Bộ luật dân sự năm 2015.

Ví dụ 1: Nhóm các công ty của bị cáo Phùng Ngọc K vay của Ngân hàng DAB số tiền trên dưới 1.405 tỷ đồng nhưng buộc bị cáo Phùng Ngọc K bồi thường cho DAB số tiền là 3.949.903.151.041 đồng. Như vậy số tiền lãi hơn 2.200 tỷ đồng.

Ví dụ 2: Ngân hàng DAB cho Công ty cổ phần Tân Superdeck M & C vay 430 tỷ đồng, xác định thiệt hại 1000 tỷ.

Ví dụ 3: Ngân hàng DAB cho TTC Đà Lạt vay 210 tỷ, xác định thiệt hại 527 tỷ đồng.

Ví dụ 4: Ngân hàng DAB cho bà Nguyễn Thị Thu T vay 53,4 tỷ, nhưng buộc bà Nguyễn Thị Thu T bồi thường 105 tỷ đồng.

Cách tính thiệt hại với mức lãi suất cao và phạt chậm trả của DAB không chỉ với các đơn vị, cá nhân đơn cử trên mà rất nhiều trường hợp khác trong vụ án này.

Theo quy định chung Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất trần, trong biên độ cho phép các ngân hàng thương mại được đưa ra mức lãi suất huy động và cho vay. Khi Ngân hàng nhà nước điều chỉnh mức lãi suất trần thì các ngân hàng thương mại căn cứ tình hình kinh doanh điều chỉnh mức lãi suất cho vay phù hợp với mức lãi suất trần mà Ngân hàng nhà nước đã điều chỉnh. Ở đây có rất nhiều hợp đồng cho vay của DAB với lãi suất 24%/năm, 12%/năm, khi ngân hàng nhà nước điều chỉnh mức lãi suất trần thì Ngân hàng DAB không điều chỉnh lãi suất tiền vay mà căn cứ mức lãi suất 24%/năm tính thiệt hại và tính lãi quá hạn lãi, lãi chậm trả. Cách tính thiệt hại của Ngân hàng không phù hợp với tinh thần Bộ luật dân sự và Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm căn cứ báo cáo của Ngân hàng DAB để xác định thiệt hại, việc tính mức lãi suất là đơn phương từ Ngân hàng DAB, chưa có Biên bản đối chiếu xác định vốn gốc, mức lãi và lãi quá hạn giữa ngân hàng và các đơn vị vay.

Do giới hạn phạm vi xét xử phúc thẩm và tính chất vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung này, Hội đồng xét xử kiến nghị Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét theo trình tự giám đốc thẩm đối với phần tính lãi của Ngân hàng DAB trái với Bộ luật dân sự năm 2005 và 2015.

[5] Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do được chấp nhận kháng cáo mà (bà *Vũ Thị L phải chịu 213.269.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 105.269.200.000 đồng*).

Riêng các phần nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm khác vẫn được giữ nguyên theo bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Các bị cáo Trần Phương B, Nguyễn Đức T, Nguyễn Thị Ngọc V, Nguyễn Tăng Ngọc L, Phạm Huy L, Vũ Đức D, Nguyễn Văn B, Nguyễn Quang T, Phạm Chiến Q và Phùng Ngọc K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo.
- Chấp nhận một phần kháng cáo của một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phần trách nhiệm dân sự.

Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 470/2020/HSST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

I/VỀ HÌNH PHẠT:

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Trần Phương B, Nguyễn Đức T, Nguyễn Thị Ngọc V, Nguyễn Tăng Ngọc L, Phạm Huy L, Vũ Đức D, Nguyễn Văn B, Nguyễn Quang T, Phạm Chiến Q và Phùng Ngọc K. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 470/2020/HSST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt đối với các bị cáo. Tuyên xử:

1/ Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 355; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: **Trần Phương B** 20 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” và tù chung thân về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là tù chung thân.

Tổng hợp với hình phạt của bản án số 310/2019/HS-PT ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt cho cả hai bản án là tù chung thân.

Cấm bị cáo Trần Phương B đảm nhiệm chức vụ có liên quan đến hoạt động tín dụng trong thời gian 05 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/12/2016.

Tiếp tục tạm giam bị cáo đảm bảo Thi hành án.

2/ Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: **Phùng Ngọc K** 18 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Tổng hợp hình phạt 12 năm tù của Bản án hình sự phúc thẩm số 515/2021/HSPT ngày 01/11/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 30 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/01/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo Thi hành án.

3/ Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: **Nguyễn Đức T** 07 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”.

Tổng hợp với hình phạt 13 năm tù của bản án số 310/2019/HS-PT ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt cho cả hai bản án là 20 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/4/2017.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo Thi hành án.

4/ Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: **Nguyễn Thị Ngọc V** 04 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

5/ Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: **Nguyễn Tăng Ngọc L** 05 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

6/ Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: **Nguyễn Quang T** 05 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

7/ Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: **Phạm Huy L** 07 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

8/ Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: **Vũ Đức D** 04 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

9/ Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: **Nguyễn Văn B** 03 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

10/ Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: **Phạm Chiến Q** 03 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

III/ VỀ PHẦN TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ:

- Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Đông Á (DAB); bà Nguyễn Thị Liên; bà Nguyễn Thị M; ông Trần Quang K (đại diện Công ty TNHH thép Đ) và Bùi Văn D (đại diện Công ty TBTP); ông Đặng Bà Nguyễn Thị M Q; ông Trần Đức H, ông Trần Đức H1. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 470/2020/HSST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1/ Buộc Trần Phương B phải bồi hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á toàn bộ số tiền thiệt hại liên quan đến hành vi lập chứng từ thu không là 1.962.947.576.018 đồng.

Buộc Trần Phương B phải bồi thường cho ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á toàn bộ số tiền thiệt hại liên quan đến hành vi lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản là 120.940.999.400 đồng.

2/ Buộc Phùng Ngọc K phải bồi hoàn lại cho ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á số tiền là 3.949.903.151.041 đồng được xác định là thiệt hại liên quan đến khoản vay của các công ty gồm: Công ty cổ phần M&C, Công ty CP tân Superdeck M&C, Công ty CP đầu tư Khải Minh, Công ty TNHH An Bình An.

(Các tài sản (nếu có) của các công ty gồm Công ty cổ phần M&C, Công ty CP tân Superdeck M&C, Công ty CP đầu tư Khải Minh, Công ty TNHH An Bình An sẽ được dùng để đảm bảo, xử lý nghĩa vụ của bị cáo Phùng Ngọc K trong vụ án này).

3/ Buộc Công ty TNHH Thép Đồng Tiến nay là Công ty TNHH thép Đ (do ông Trần Quang K là đại diện) phải bồi hoàn lại cho ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á số tiền là 208.352.397.221 đồng.

4/ Buộc Công ty TNHH tư vấn đầu tư T (do ông Bùi Văn D là đại diện) phải bồi hoàn lại cho ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á số tiền là 184.053.763.494 đồng.

5/ Buộc bà Vũ Thị L phải liên đới cùng Công ty TNHH Tân Vạn Hưng bồi hoàn cho ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á số tiền là 1.000.857.407.165 đồng (với tỷ lệ là bà Vũ Thị L 50%, Công ty Tân Vạn Hưng 50%);

Buộc bà Vũ Thị L phải liên đới cùng bà Nguyễn Thị M - Chủ doanh nghiệp tư nhân Kim Hiền bồi hoàn cho ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á số tiền là 163.070.910.083 đồng. (với tỷ lệ là bà Vũ Thị L 50%, bà Nguyễn Thị M 50%);

Buộc bà Vũ Thị L phải bồi hoàn cho ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á số tiền là 105.269.200.000 đồng.

6/ Tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với số tiền 250.000.000.000 đồng mà Công ty TNHH MTV B đã chuyển về tài khoản tạm giữ của cơ quan thi hành án để đảm bảo nghĩa vụ bồi hoàn của Phùng Ngọc K trong vụ án. Về yêu cầu bồi thường các chi phí phát sinh của Công ty TNHH MTV B liên quan đến công ty CP M&C Hội đồng xét xử xét thấy đây là một quan hệ pháp luật khác cần tách ra giải quyết trong một vụ án khác khi các bên có yêu cầu theo quy định pháp luật.

(Số tiền đang được tạm giữ tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo ủy nhiệm chi ngày 02/6/2020 của kho bạc nhà nước Hà Nội).

7/ Tiếp tục kê biên đối với tài sản được xác định là của Trần Phương B gồm: 100% vốn góp tại Công ty TNHH XD & PT Đô thị Thái An và số tiền mà Công ty TNHH XD & PT Đô thị Thái An đã đầu tư tại Dự án Gói 1 và 1,5 ha Gói 2 Dự án khu đô thị Mỹ Gia phần tài sản còn lại (nếu có) sẽ được bảo đảm nghĩa vụ của bị cáo Trần Phương B trong vụ án này và giai đoạn 1 của vụ án và các nghĩa vụ dân sự khác của bị cáo Trần Phương B (nếu có).

8/ Tiếp tục kê biên đối với tài sản được xác định là của Trần Phương B gồm: 100% vốn góp tại Công ty TNHH H, gồm: 30% vốn góp của Công ty cổ phần Vốn An Bình, 40% vốn góp của Phạm Văn T và 30% vốn góp của Cao Ngọc Huy, Công ty TNHH H là chủ đầu tư Dự án khu nhà ở cao tầng phường Hiệp Phú, Quận 9, TP Hồ Chí Bà Nguyễn Thị M (tài sản được xác định và kê biên theo lệnh kê biên số 19/C46-P10 ngày 28/4/2017, biên bản kê biên của cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công An ngày 31/5/2017, kết luận định giá số 3308/KL-HĐĐGTS ngày 05/6/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh) để đảm bảo cho ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á xử lý thu hồi các khoản nợ được thế chấp bằng tài sản này tại ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á, số

tiền còn lại sau khi thu hồi các khoản nợ (nếu có) sẽ được dùng để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ của Trần Phương B trong vụ án này và giai đoạn 1 của vụ án và các nghĩa vụ dân sự khác của bị cáo Trần Phương B (nếu có).

9/ Tiếp tục kê biên đối với tài sản được xác định là của bị cáo Trần Phương B gồm: tài sản là 29% cổ phần của Công ty TNHH Xây dựng B tại Công ty CP Phát triển Đô thị Vĩnh Thái và phần tài sản liên quan đến số cổ phần này, Công ty CP Phát triển Đô thị Vĩnh Thái là chủ đầu tư Dự án khu đô thị Mỹ Gia tại xã Vĩnh Thái, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, (tài sản được xác định và kê biên theo lệnh kê biên số 19/C46-P10 ngày 28/4/2017, biên bản kê biên của cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công An ngày 14/8/2017, kết luận định giá số 2006/KL-HĐĐGTS ngày 23/5/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa) để đảm bảo cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á xử lý thu hồi các khoản nợ được thế chấp bằng tài sản này tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á, số tiền còn lại sau khi thu hồi các khoản nợ (nếu có) sẽ được dùng để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ của bị cáo Trần Phương B trong vụ án này và giai đoạn 1 của vụ án và các nghĩa vụ dân sự khác của bị cáo Trần Phương B (nếu có).

10/ Tiếp tục phong tỏa đối với các tài sản: 05 bất động sản của ông Huỳnh Bá Thành, bà Vũ Thị L gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 368B Trần Văn Quang, Phường 10, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ mới là 102 Trần Văn Quang, Phường 10, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh);

- Tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 85 Ché Lan Viên, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 92 Dương Đức Hiền, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 521 Lý Thường Kiệt, Phường 08, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 521A Lý Thường Kiệt, Phường 08, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Các tài sản trên dùng để đảm bảo thi hành án đối với các nghĩa vụ của công ty TNHH Tân Vạn Hưng được đảm bảo bằng các tài sản này trong vụ án, phần tài sản dư ra sau khi xử lý các tài sản trên để thu hồi nợ (nếu có) sẽ được đảm bảo nghĩa vụ của bà Vũ Thị L trong vụ án.

11/ Tiếp tục phong tỏa đối với tài sản: 02 Quyền sử dụng đất tại ấp Chánh, xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 585207 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE320300 do ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu tỉnh Tây Ninh cấp) của ông Đặng Bà Nguyễn Thị M Q, bà Phan Thị Hiệp.

Tài sản trên dùng để đảm bảo thi hành án đối với nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị M - Chủ doanh nghiệp tư nhân Kim Hiền trong vụ án, phần tài sản dư ra sau khi xử lý

tài sản trên để thu hồi nợ (nếu có) sẽ được đảm bảo nghĩa vụ của bà Vũ Thị L trong vụ án.

- Tiếp tục phong tỏa đối với tài sản là nhà, quyền sử dụng đất tại số 57 Tân Xuân, Phường 8, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để bảo đảm thi hành án phần nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị M trong vụ án (Bà Nguyễn Thị M có quyền sở hữu đối với 1/2 giá trị của tài sản này).

12/ Tiếp tục phong tỏa 02 Quyền sử dụng đất (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 769377 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N213517 do Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp) tại phường Long Phước, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tài sản trên dùng để đảm bảo thi hành án đối với nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị M - Chủ doanh nghiệp tư nhân Kim Hiền trong vụ án, phần tài sản dư ra sau khi xử lý tài sản trên để thu hồi nợ (nếu có) sẽ được đảm bảo nghĩa vụ của bà Vũ Thị L trong vụ án.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Công ty cổ phần Phát triển Đô thị V; bà Nguyễn Thị Thu T; ông Huỳnh Bá T. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 470/2020/HSST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1/ Giải tỏa lệnh kê biên Gói 1, và 15.000 m² của Gói 2 Dự án khu đô thị Mỹ Gia (tài sản được xác định và kê biên theo lệnh kê biên số 23 ngày 03/8/2017, biên bản kê biên của cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an ngày 14/8/2017, kết luận định giá số 798/KL-HĐDGTS ngày 09/3/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa).

2/ Bà Nguyễn Thị Thu T không có nghĩa vụ liên đới cùng bà Vũ Thị L bồi hoàn cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á số tiền là 105.269.200.000 đồng.

3/ Không phong tỏa Quyền sử dụng đất tại địa chỉ Căn hộ tầng 1+ lửng tại 57 Bành Văn Trân, Phường 7, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Huỳnh Bá T. Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ liên quan Căn hộ tầng 1+ lửng tại 57 Bành Văn Trân, Phường 7, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Huỳnh Bá T.

4/ Tiếp tục phong tỏa đối với Quyền sử dụng đất (trên khuôn viên đất có công trình xây dựng chưa hoàn công) tại địa chỉ 50 đường 28 thuộc phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Huỳnh Bá P để chờ giải quyết bằng vụ án dân sự khác (khi các bên có yêu cầu khởi kiện).

Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do được chấp nhận kháng cáo mà (bà Vũ Thị L phải chịu 213.269.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 105.269.200.000 đồng).

Riêng các phần nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm khác vẫn được giữ nguyên theo bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm:

Các bị cáo Trần Phương B, Nguyễn Đức T, Nguyễn Thị Ngọc V, Nguyễn Tăng Ngọc L, Phạm Huy L, Vũ Đức D, Nguyễn Văn B, Nguyễn Quang T, Phạm Chiên Q và Phùng Ngọc K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 470/2020/HSST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày thời hạn hết kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Bà Nguyễn Thị M;
(1)
- TAND TP. Hồ Chí Bà Nguyễn Thị M; (1)
- VKSND TP. Hồ Chí Bà Nguyễn Thị M; (1)
- Công an TP. Hồ Chí Bà Nguyễn Thị M; (1)
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Bà Nguyễn Thị M; (1)
- Cục THADS TP. Hồ Chí Bà Nguyễn Thị M;
(1)
- Trại giam T17 - BCA; (9)
- NDDS; (1)
- NLQ; (18)
- Lưu: VP, HS, NTT 40b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Văn